

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
BỘ MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TÀI LIỆU HỌC TẬP
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM - 2017

Biên tập

ThS. Đỗ Minh Tứ

Tập thể tác giả

ThS. Đỗ Minh Tứ

ThS. Lê Thị Ái Nhân

ThS. Nguyễn Thị Thảo Nguyên

LỜI NÓI ĐẦU

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VII (1991), Đảng ta đã chính thức lấy tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của mình. Trên cơ sở đó, sau nhiều năm chuẩn bị, năm học 2003 - 2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã chính thức đưa học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh vào giảng dạy ở các trường đại học và cao đẳng.

*Để góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu chương trình tiên tiến của nhà trường, được sự đồng ý của BGH, Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành biên soạn cuốn **Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh**.*

Cuốn tài liệu này được biên soạn trên cơ sở bám sát nền tảng kiến thức cơ bản của Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát hành (Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016), tham khảo cuốn Tài liệu hướng dẫn ôn tập Tư tưởng Hồ Chí Minh đã phát hành trước đây cũng như Tài liệu giảng dạy và học tập tình huống học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được nghiệm thu năm 2016 của Bộ môn và nhiều cuốn sách khác liên quan đến nội dung môn học. Trong quá trình biên soạn tập thể tác giả đã có nhiều cố gắng, song không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Rất mong sự góp ý chân thành của quý độc giả.

Thư góp ý xin gửi về: Văn phòng Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, phòng A206, số 59c Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0838.270.854.

PHẦN I
NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN CỦA HỌC PHẦN
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
(PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP)

CHƯƠNG MỞ ĐẦU:

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

A. Tóm lược chương

Nội dung của chương mở đầu giúp các bạn sinh viên hiểu rõ khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ của học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; cung cấp cho sinh viên sơ sở phương pháp luận cũng như các phương pháp cụ thể phục vụ cho việc nghiên cứu và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời chương này cũng giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc hơn giá trị, ý nghĩa, sự cần thiết phải học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, qua đó giúp sinh viên xác định được thái độ đúng đắn và tinh thần tích cực học tập môn học.

B. Nội dung kiến thức cơ bản cần nắm vững

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh

Để nắm được nội dung của mục này, sinh viên cần nắm được nội dung của 3 khái niệm, đó là: khái niệm tư tưởng, khái niệm nhà tư tưởng, khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó, cốt lõi là khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh.

a. Khái niệm tư tưởng và nhà tư tưởng

- Tư tưởng là sự phản ánh hiện thực trong ý thức, là biểu hiện mối quan hệ của con người với thế giới chung quanh. Tư tưởng thường có hai nghĩa:

Nghĩa hẹp, tư tưởng là những suy nghĩ, ý nghĩ, ý tưởng đơn lẻ của một cá nhân;

Nghĩa rộng, tư tưởng chính là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm được xây dựng trên một nền tảng triết học (thế

giới quan và phương pháp luận) nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc, được hình thành trên cơ sở thực tiễn nhất định và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực. Khái niệm tư tưởng trong thuật ngữ Tư tưởng Hồ Chí Minh được hiểu theo nghĩa này.

- Theo Lênin, nhà tư tưởng không nhất thiết phải có một tác phẩm lý luận mà là người biết giải quyết trước người khác tất cả những vấn đề chính trị sách lược, các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào không phải một cách tự phát.

b. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

- Quá trình nhận thức của Đảng CSVN về tư tưởng Hồ Chí Minh

+ Đại hội II (2/1951), Đảng nhấn mạnh “tác phong Hồ Chí Minh là những điều chúng ta cần học tập và nắm vững”.

+ Đại hội VI (12/1986), Đảng ta khẳng định muốn đổi mới phải “kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận của Hồ Chí Minh”

+ Đại hội VII (6/1991), Đảng ta khẳng định “lấy ... tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng”. Cũng từ đây, tư tưởng HCM được coi là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc.

- Các định nghĩa của Đảng về Tư tưởng Hồ Chí Minh

Trên cơ sở những nhận thức về Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng cũng đã đưa ra 3 định nghĩa về Tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là các định nghĩa năm 1997, năm 2001 và 2011. Trong đó, định nghĩa năm 2011 là một định nghĩa đầy đủ, toàn diện và có hệ thống về những vấn đề cốt yếu của khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh (Trang 11, Giáo trình). Ở định nghĩa này, Đảng ta đã làm rõ được: Bản chất cách mạng khoa học và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh; Nguồn gốc tư tưởng lý luận; giá trị, sức hấp dẫn, sức sống lâu bền của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Dựa trên những định hướng cơ bản của Đảng, các nhà khoa học đã đưa ra định nghĩa: “ Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta, đồng thời là sự kết hợp tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.”

- Cách tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh (có 2 cách)

+ Thứ nhất, tư tưởng HCM được nhận diện như một hệ thống tri thức tổng hợp;

+ Thứ hai; tư tưởng HCM là một hệ thống những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó hạt nhân của hệ thống ấy là tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

2. Đối tượng nghiên cứu và nhiệm vụ của môn học

a. Đối tượng nghiên cứu

Chính là hệ thống quan điểm, quan niệm, lý luận về cách mạng Việt Nam được phản ánh trong các bài nói, bài viết cũng như trong quá trình chỉ đạo thực tiễn cách mạng Việt Nam được Đảng vận dụng, phát triển sáng tạo qua các giai đoạn cách mạng

b. Nhiệm vụ nghiên cứu của môn học là làm rõ:

Cơ sở (khách quan và chủ quan) hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Các giai đoạn hình thành, phát triển; Nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh; Vai trò, nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam; Quá trình nhận thức, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng của Đảng và Nhà nước ta; Các giá trị tư tưởng, lý luận của

Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

3. Mối quan hệ với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin cung cấp nền tảng kiến thức để chúng ta nghiên cứu, giảng dạy và học tập tốt tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu, giảng dạy và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm trang bị cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học để nắm vững kiến thức về *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở phương pháp luận

Một số nguyên tắc phương pháp luận nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh:

- Bảo đảm sự thống nhất nguyên tắc tính Đảng và tính khoa học, nghĩa là phải đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối của Đảng nhưng phải đảm bảo tính khách quan trong nghiên cứu, học tập;

- Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn nghĩa là phải biết vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống, thực tiễn;

- Quan điểm lịch sử - cụ thể;

- Quan điểm toàn diện và hệ thống;

- Quan điểm kế thừa và phát triển;

- Kết hợp nghiên cứu các tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách

mạng của Hồ Chí Minh.

2. Các phương pháp cụ thể gồm có:

Phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp liên ngành, phương pháp phân tích, tổng hợp, điều tra, điền dã, thống kê, so sánh, đối chiếu, văn bản học, phỏng vấn nhân vật lịch sử...

III. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác, cụ thể: Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh; bồi dưỡng, củng cố lập trường, quan điểm cách mạng; tích cực, chủ động đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; vận dụng giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị, cụ thể là biết sống hợp đạo lý, nâng cao lòng tự hào về Bác, về Đảng và dân tộc, vận dụng kiến thức đã học vào việc tu dưỡng bản thân, hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ./.

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

A. Tóm lược chương

Nội dung của chương 1 giúp các bạn sinh viên hiểu rõ các cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh như: Bối cảnh lịch sử, các tiền đề tư tưởng, lý luận; nhân tố chủ quan. Nắm được 5 giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng HCM cũng như giá trị của tư tưởng HCM đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.

B. Nội dung kiến thức cơ bản cần nắm vững

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở khách quan

a. Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

** Bối cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*

- Hồ Chí Minh sinh ra, lớn lên trong hoàn cảnh đất nước có nhiều biến động:

+ Trong nước, nhà Nguyễn từng bước bị khuất phục trước sự xâm lược của thực dân Pháp. Phong trào “Cần vương” thất bại => Hệ tư tưởng phong kiến tỏ ra lỗi thời trước lịch sử.

+ TDP tiến hành khai thác thuộc địa đã tạo nên sự biến chuyển và phân hóa giai cấp. Sự ra đời của giai cấp công nhân, tư sản dân tộc và tầng lớp tiểu tư sản đã tạo ra những tiền đề bên trong cho phong cách mạng Việt Nam.

+ Cùng với đó là sự du nhập của tư tưởng dân chủ tư sản và ảnh hưởng của phong trào cải cách ở Trung Quốc, Nhật Bản, cách mạng Việt Nam chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản với hai đại diện tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh. Tuy nhiên do thiếu một đường lối chính trị đúng đắn và phương pháp cách mạng khoa học mà các phong trào cứu nước theo hệ tư tưởng tư sản đều lâm vào thất bại.

+ Cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám tuy có tính thực tế nhưng vẫn mang nặng cốt cách phong kiến nên cũng thất bại, đất nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng về đường lối.

=> Phong trào cứu nước của nhân dân ta muốn giành thắng lợi thì phải đi theo con đường mới.

*** *Bối cảnh thời đại*** đang có những chuyển biến lớn:

- CNĐQ ra đời xác lập sự thống trị của chúng trên phạm vi thế giới, xâm xé thuộc địa trở thành kẻ thù chung của giai cấp vô sản và nhân dân thuộc địa.

- Cách mạng tháng 10 Nga thành công mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử loài người, “thức tỉnh các dân tộc châu Á”, “mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”.

- 3/1919, Quốc tế III ra đời làm cho phong trào công nhân và phong trào GPDT gắn kết với nhau hơn trong cuộc đấu tranh chống CNĐQ.

b. Những tiền đề tư tưởng - lý luận

*** *Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc***

- Lịch sử dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm đã hình thành nên những giá trị tốt đẹp của dân tộc VN như: yêu nước, đoàn kết, kiên cường, bất khuất, tinh thần tương thân tương ái, ý chí vượt khó vươn lên, trí thông minh sáng tạo, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa dân tộc ... Trong đó, chủ nghĩa yêu nước là truyền thống cao quý nhất, là cội nguồn sức mạnh, chuẩn mực đạo đức cơ bản của dân tộc Việt Nam.

- Giá trị truyền thống dân tộc chính là tiền đề tư tưởng lý luận xuất phát hình thành Tư tưởng HCM, trong đó chủ nghĩa yêu nước chính là nhân tố thúc giục Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

*** *Tinh hoa văn hoá nhân loại***

- Văn hoá phương Đông, Người đã chắt lọc được những giá trị tinh túy trong các học thuyết triết học, tư tưởng. Cụ thể:

+ *Nho giáo*: Hồ Chí Minh tiếp thu triết lý hành động, tư tưởng nhập thể hành đạo, giúp đời, ước vọng về một xã hội bình trị, triết lý nhân sinh; tu thân dưỡng tính, truyền thống hiếu học...

+ *Phật giáo*: Người tiếp thu tư tưởng vị tha, từ bi bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân, nếp sống giản dị, trong sạch, có đạo đức, chăm làm điều thiện, đề cao lao động, gắn đạo với đời...

+ *Người cũng tìm thấy ở Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn* “những điều thích hợp với điều kiện của nước ta”.

- *Văn hoá phương Tây*

+ Người tiếp thu tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái trong tư tưởng của các nhà triết học khai sang Pháp

+ Tiếp thu giá trị tốt đẹp về quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của nước Pháp.

* *Chủ nghĩa Mác – Lênin* là tiền đề lý luận trực tiếp, quyết định bản chất cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của tư tưởng HCM.

- Người đến với *Chủ nghĩa Mác – Lênin* một cách tình cờ khi đọc bản Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920), nhờ đó Người đã tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc.

- Người luôn tiếp thu có chọn lọc, không giáo điều, rập khuôn, nắm lấy cái tinh thần, bản chất của nó, vận dụng lập trường quan điểm của *Chủ nghĩa Mác – Lênin* để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

2. Nhân tố chủ quan

** Khả năng tư duy và trí tuệ Hồ Chí Minh*

- Nhờ không ngừng quan sát thực tiễn mà Bác đã khám phá ra các quy luật vận động của xã hội cũng như cuộc đấu tranh của các dân tộc trong hoàn cảnh cụ thể sau đó khái quát thành lý luận, đem lý luận chỉ đạo hoạt động thực tiễn.

** Phẩm chất đạo đức và năng lực hoạt động thực tiễn*

Phẩm chất, tài năng của Người biểu hiện ở tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; ở bản lĩnh kiên định, tin vào nhân dân; nhạy bén với cái mới, có phương pháp biện chứng, có đầu óc thực tiễn; sự khổ công học tập để chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức nhân loại, tinh thần sẵn sàng hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

*** Gia đình**

- Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, gần gũi với nhân dân. Từ những kiến thức ở cha và những tư tưởng mới của thời đại được Người nâng lên thành tư tưởng cốt lõi trong đường lối chính trị của mình.

- Thân mẫu - bà Hoàng Thị Loan, nhân hậu, tần tảo, sống chan hòa với mọi người cũng có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng, tình cảm của Người.

- Mỗi quan hệ tác động giữa ba chị em của Người về lòng yêu nước thương nòi.

*Quê hương: Người sinh ra trên quê hương Nghệ Tĩnh giàu truyền thống văn hóa, hiếu học, cần cù trong lao động, kiên cường bất khuất trong đấu tranh chống ngoại xâm... nơi sản sinh ra nhiều anh hùng trong lịch sử dân tộc.

* Thực tiễn xã hội: Người tị nạn mất chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, bị áp bức bóc lột đến cùng cực của đồng bào mình; tội ác của thực dân Pháp; thái độ uơ hèn của bọn phong kiến Nam triều; bài học thất bại của các nhà yêu nước tiền bối đương thời...

=> Đã thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước.

2. Thời kỳ 1911 –1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc

- Người đã đi qua nhiều nước tư bản và phụ thuộc và nhận thấy nhân dân lao động ở đâu cũng bị áp bức, bóc lột và đều mong muốn được giải phóng => nảy sinh ý thức về sự cần thiết phải đoàn kết những người bị áp bức trên toàn thế giới đấu tranh cho nguyện vọng và quyền lợi chung.

- Sau khi trở lại Pháp (1917), Người tích tham gia các hoạt động chính trị sôi nổi ở Paris. Đến năm 1919, Người gửi Bản Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc xây và tham gia Đảng Xã hội Pháp

- 7/1920, Người đọc Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, tìm thấy con đường giải phóng cho dân tộc.

- 12/1920, tại Đại hội Tua, Người bỏ phiếu tán thành Quốc tế III trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng của Người.

3. Thời kỳ 1921–1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

- Nguyễn Ái Quốc có những hoạt động thực tiễn và lý luận sôi nổi ở Pháp (1921-1923), Liên Xô (1923-1924), Trung Quốc (1924-1927), Thái Lan (1928-1929) như:

+ Viết nhiều bài báo tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, đề cập

mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và chính quốc, khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

+ Viết nhiều tác phẩm như: *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Đường Kách mệnh* (1927), *Cương lĩnh đầu tiên của Đảng* (1930) ...

- Những bài viết, tác phẩm trên xác định những nội dung cơ bản về cách mạng giải phóng dân tộc của tư tưởng HCM như: bản chất của chủ nghĩa thực dân, con đường cách mạng giải phóng dân tộc, mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và chính quốc, đối tượng, lực lượng, lãnh đạo, vai trò của quần chúng trong cách mạng thuộc địa.

4. Thời kỳ 1930 – 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng

- Do ảnh hưởng của khuynh hướng tả của Quốc tế Cộng sản, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng đã phê phán và thủ tiêu đường lối của Nguyễn Ái Quốc trong *Chánh cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt*, đổi lại tên Đảng. Tuy nhiên, Người đã kiên trì bảo vệ những quan điểm của mình.

- 7/1935, Đại hội VII Quốc tế Cộng sản đã phê phán khuynh hướng tả, chủ trương mở rộng mặt trận dân tộc chống Phát xít, chúng tỏ những quan điểm của Bác là đúng đắn.

- Từ 1939, Đảng ta cũng đã quay lại với những quan điểm của Bác, đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu, dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của sự vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin, là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.

5. Thời kỳ 1945–1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện

- Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân vượt qua những khó khăn sau CMT8, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng CNXH ở miền Bắc.

- Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh được bổ sung, phát triển, hoàn thiện tạo nên một hệ thống những quan điểm lý luận về cách mạng Việt Nam: Tư tưởng về CNXH và con đường quá độ lên CNXH, về xây dựng, về con người và chiến lược trồng người, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân...

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc

a. Tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam

- Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu, kế thừa những giá trị tinh hoa văn hoá nhân loại, chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn đáp ứng nhiều vấn đề của thời đại, của sự nghiệp cách mạng Việt Nam và thế giới.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhân tố đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam, cho tương lai của dân tộc đã được thực tiễn kiểm nghiệm tính đúng đắn.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp và con người.

=> Là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc, trường tồn, bất diệt.

b. Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam

- Trong suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ dẫn dắt cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

- Trong bối cảnh thế giới ngày nay, tư tưởng Hồ Chí Minh giúp chúng ta nhận thức đúng những vấn đề lớn có liên quan đến việc bảo vệ nền độc lập dân tộc, phát triển xã hội và bảo đảm quyền con người.

- Tư tưởng HCM là nền tảng vững chắc để Đảng ta đề ra đường lối đúng đắn, đưa cách mạng Việt Nam đi đến những thắng lợi mới.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của thế giới

a. Phản ánh khát vọng thời đại

- Hồ Chí Minh có những cống hiến xuất sắc về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin: giành độc lập dân tộc để tiến lên chủ nghĩa xã hội; về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc; về hòa bình, hợp tác giữa các dân tộc...

- Người chỉ rõ tầm quan trọng đặc biệt của độc lập dân tộc trong tiến trình đi lên CNXH, về sự tự thân vận động và khả năng của cách mạng thuộc địa...

=> Có giá trị to lớn về mặt lý luận và đang trở thành hiện thực của nhiều vấn đề quốc tế ngày nay.

b. Tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người

- Đóng góp lớn nhất của Hồ Chí Minh đối với thời đại là việc xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc và phương pháp để thức tỉnh hàng trăm triệu người bị áp bức trong các nước thuộc địa.

- Người xác định chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù lớn nhất của các dân tộc bị áp bức, để chiến thắng, cần phải thực hiện “đại đoàn kết”, “đại hòa hợp”.

- Đặt cách mạng giải phóng dân tộc vào phạm trù cách mạng vô sản, xác định khả năng to lớn cũng như vai trò của cách mạng thuộc địa trong cách mạng thế giới.

c. Cổ vũ các dân tộc đấu tranh trong sự nghiệp giải phóng

- Sự nghiệp cứu nước của Hồ Chí Minh đã xóa bỏ những tủi nhục nô lệ đè nặng trên đầu nhân dân ta trong gần một thế kỷ, trở thành tấm gương để cổ vũ nhân dân thuộc địa đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- Bạn bè năm châu coi Người là “*lãnh tụ của thế giới thứ ba*”, “cuộc chiến đấu của Người là kim chỉ nam cho các dân tộc đang đấu tranh... trên toàn thế giới”, tên tuổi của Người “mãi mãi gắn bó với những hành động cao cả và những ước mơ cao quý nhất của nhân loại”./.

CHƯƠNG 2

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

A. Tóm lược chương

Nội dung của chương II giúp các bạn sinh viên hiểu rõ thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ, mục tiêu, con đường mà Hồ Chí Minh đã xác định trong cuộc đấu tranh giải phóng

dân tộc. Chương này cũng đã góp phần làm phong phú học thuyết Mác – Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc ở những nước thuộc địa. Đồng thời có ý nghĩa thực tiễn soi đường cho cách mạng tháng Tám và 30 năm chiến tranh bảo vệ độc lập dân tộc. Trên cơ sở đó, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, chúng ta phải biết khơi dậy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

B. Nội dung kiến thức cơ bản cần nắm vững

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

Để nắm vững nội dung của mục này, sinh viên cần nắm được 3 vấn đề sau đó là : thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa là độc lập dân tộc, chủ nghĩa yêu nước chân chính là một động lực lớn của các nước đang đấu tranh giải phóng dân tộc.

a. Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa

- Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc

Xuất phát từ nhu cầu khách quan của dân tộc, đặc điểm của thời đại, Người dành sự quan tâm đến các thuộc địa, vạch ra thực chất của vấn đề dân tộc ở thuộc địa là đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, xóa bỏ ách thống trị, áp bức bóc lột nước ngoài, giành độc lập dân tộc, thực hiện quyền dân tộc tự quyết.

- Lựa chọn con đường giải phóng dân tộc

Việc lựa chọn con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh dựa trên 3 cơ sở sau: Rút bài học kinh nghiệm từ các con đường yêu nước trước đó, từ tính không triệt để của cách mạng tư sản Pháp, Mỹ, từ thắng lợi cách mạng tháng Mười Nga. Trong luận cương chính trị đầu tiên của Đảng, Hồ Chí Minh cho rằng: “ Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản “. Thực chất

của vấn đề này là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

b. Độc lập dân tộc – nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa

- Cách tiếp cận từ quyền con người

HCM đã tìm hiểu và tiếp nhận những nhân tố về quyền con người được nêu trong Tuyên ngôn độc lập 1776 của nước Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1791 của cách mạng Pháp, như quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Người khẳng định : “ Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được “.

Từ quyền con người, Hồ Chí Minh nâng lên thành quyền dân tộc : “ Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do “.

- Nội dung của độc lập dân tộc

Độc lập tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nói: “ Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho tổ quốc tôi, đây là tất cả những điều tôi muốn; đây là tất cả những điều tôi hiểu”. Hồ Chí Minh xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, tư tưởng cốt lõi là độc lập, tự do cho dân tộc. Tháng 5/1941, Hồ Chí Minh xác định: “ dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”.

Khi cách mạng tháng Tám thành công, trong Tuyên ngôn độc lập, Người khẳng định trước toàn thế giới : “ Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy “. Khi Mỹ diễn cuộc mở rộng chiến tranh, Hồ Chí Minh nêu cao chân lý lớn nhất của thời đại : “ Không có gì quý hơn độc lập tự do “.

c. Chủ nghĩa yêu nước chân chính – một động lực lớn của đất nước

Từ những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đã nhận

thấy sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc với các dân tộc thuộc địa càng nặng nề thì phản ứng của dân tộc bị áp bức càng quyết liệt. Hồ Chí Minh đánh giá sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước chân chính là sức mạnh chiến đấu và thắng lợi trước bất cứ thế lực ngoại xâm nào.

Hồ Chí Minh xem chủ nghĩa yêu nước “ là một bộ phận của tinh thần quốc tế “ khác hẳn với tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động.

Xuất phát từ sự phân tích quan hệ giai cấp trong xã hội thuộc địa, từ truyền thống dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước mà những người cộng sản phải nắm lấy và phát huy.

2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp

Hồ Chí Minh là người cộng sản sớm nhận thức mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp và vận dụng nhuần nhuyễn mối quan hệ này trong cách mạng Việt Nam.

a. Vấn đề dân tộc và giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau

Vấn đề dân tộc bao giờ cũng được nhận thức và giải quyết theo lập trường của một giai cấp nhất định. Hồ Chí Minh luôn đứng trên quan điểm giai cấp để giải quyết vấn đề dân tộc. Người khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản trong quá trình cách mạng Việt Nam; chủ trương đại đoàn kết dân tộc rộng rãi trên nền tảng liên minh công nông trí thức...gắn mục tiêu độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

b. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh khẳng định: các nước thuộc địa phương Đông không phải làm ngay cách mạng vô sản, mà trước hết phải giành độc lập dân tộc. Có độc lập dân tộc rồi mới bàn đến cách mạng XHCN. Năm 1930, trong Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Hồ Chí

Minh xác định con đường của cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn : làm “ tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản “. Năm 1960, Hồ Chí Minh lại khẳng định rõ hơn: “ chỉ có CNXH, CNCS mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”. “ Nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì “.

Tư tưởng Hồ Chí Minh vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Chỉ có xóa bỏ tận gốc tình trạng áp bức, bóc lột; thiết lập một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân mới bảo đảm cho người lao động có quyền làm chủ, mới thực hiện được sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội, giữa độc lập dân tộc với tự do và hạnh phúc của con người. Do đó “ giành được độc lập rồi phải tiến lên CNXH, vì mục tiêu của CNXH là “ làm sao cho dân giàu, nước mạnh”, “ mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do “. Hồ Chí Minh nói : “ Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn với yêu CNXH, vì có tiến lên CNXH thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm “.

c. Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp

Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm giai cấp, nhưng đồng thời đặt vấn đề giai cấp trong vấn đề dân tộc.

Tháng 5/1941 Hồ Chí Minh khẳng định : “ Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được “.

d. Giữ vững độc lập của dân tộc mình, đồng thời tôn trọng độc lập của dân tộc khác

Ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước chân chính luôn luôn thống nhất với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập dân tộc mình mà còn đấu tranh cho tất cả các dân tộc bị áp bức. Người nêu cao tinh thần tự quyết của dân tộc song không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình trong việc giúp đỡ các Đảng cộng sản ở một số nước Đông Nam Á, ủng hộ nhân dân Trung Quốc chống Nhật, ủng hộ Lào và Campuchia chống Pháp và khẳng định “giúp bạn là tự giúp mình”, bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc

Bằng phương pháp lịch sử cụ thể, bám sát thực tiễn xã hội thuộc địa, Hồ Chí Minh nhận thấy sự phân hóa giai cấp ở các nước thuộc địa phương Đông không giống như các nước tư bản phương Tây. Các giai cấp ở thuộc địa có sự khác nhau ít nhiều, nhưng đều chung một số phận mất nước, giữa họ vẫn có sự tương đồng lớn: dù là địa chủ hay nông dân, họ đều chịu chung số phận là người nô lệ mất nước.

Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân.

Đối tượng của cách mạng thuộc địa là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động

Yêu cầu bức thiết của nhân dân thuộc địa là độc lập dân tộc.

Tính chất và nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở thuộc địa là giải phóng dân tộc.

Mục tiêu cấp thiết của cách mạng thuộc địa là chống thực dân đế quốc, giành độc lập cho dân tộc.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

Để giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, ông cha ta đã sử dụng nhiều con đường gắn với những khuynh hướng chính trị khác nhau, sử dụng những vũ khí tư tưởng khác nhau.

Hồ Chí Minh nhận thấy, các con đường cứu nước của ông cha ta đã diễn ra vô cùng anh dũng nhưng đều thất bại nặng nề; dù rất khâm phục, nhưng Người không tán thành các con đường của họ.

Khi tìm hiểu cuộc cách mạng Pháp, Cách mạng Mỹ, Người thấy đó là các cuộc cách mạng không đến nơi.

Người thấy Cách mạng Tháng Mười Nga chính là một phương hướng mới để giải phóng dân tộc mà Người đang theo đuổi.

Như vậy vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các sĩ phu và của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, Hồ Chí Minh đã đến với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lenin và lựa chọn khuynh hướng chính trị vô sản. Người khẳng định “ “ Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản” , “...chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”.

3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng cộng sản lãnh đạo

Nguyễn Ái Quốc cho rằng : “ Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc chắn được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đòi này làm chưa xong thì đòi sau nổi theo làm thì phải xong”. “Muốn làm cách mạng thì phải bền gan, đồng chí, đồng lòng và quyết tâm, “lại phải biết cách làm thì mới chóng”

Nhưng muốn làm cách mệnh phải làm cho dân giác ngộ.

Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Người khẳng định : “ Trước hết phải có Đảng cách mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng , ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”

Đầu năm 1930, Người sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam một chính đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác Lenin “ làm cốt “, liên lạc mật thiết với quần chúng nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân trong khởi nghĩa vũ trang. Người coi sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng là nhân tố then chốt bảo đảm thắng lợi. Người khẳng định : “ Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi”. “ Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được”. “ Chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc”.

Trong Cách mạng Tháng Tám 1945 cũng như hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Hồ Chí Minh chủ trương “ lấy dân làm gốc “xuyên suốt quá trình lãnh đạo của Người. Phải dựa vào dân, thì kẻ địch không thể nào thắng được. Trong lực lượng toàn dân tộc, Người nhấn mạnh vai trò động lực của công nhân và nông dân; nhưng Người không coi nhẹ các giai tầng khác trong xã hội.

5. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền (đế quốc chủ nghĩa) nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường. Đó là nguyên nhân sâu xa dẫn tới những cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa. Các nước thuộc địa trở thành một

trong những nguồn sống của chủ nghĩa đế quốc.

Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, cách mạng thuộc địa có tầm quan trọng đặc biệt. Nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn. Trong khi yêu cầu Quốc tế Cộng sản và các đảng cộng sản quan tâm đến cách mạng thuộc địa, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực tự giải phóng. Thậm chí cách mạng thuộc địa có thể thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Trong kháng chiến chống Pháp, Người nói: “Kháng chiến trường kỳ gian khổ đồng thời lại phải tự lực cánh sinh. Trông vào sức mình....Cổ nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không được ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”

6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

Các thế lực đế quốc sử dụng bạo lực để xâm lược và thống trị thuộc địa, đàn áp dã man các phong trào yêu nước. “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”

Đánh giá đúng bản chất cực kỳ phản động của bọn đế quốc và tay sai, Hồ Chí Minh vạch rõ tính tất yếu của bạo lực cách mạng.

Quán triệt quan điểm chủ nghĩa Mác Lenin, Hồ Chí Minh cho rằng bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng.

Hình thức của bạo lực cách mạng là đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Trong Cách mạng tháng Tám, bạo lực thể hiện bằng khởi nghĩa vũ trang với lực lượng chính trị là chủ yếu.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bạo lực cách mạng khác hẳn tư tưởng hiếu chiến của các thế lực đế quốc. Xuất phát từ tình yêu thương con người, Người luôn tranh thủ khả năng giành và giữ chính quyền ít

đổ máu, tận dụng khả năng giải quyết xung đột bằng hòa bình nên việc tiến hành chiến tranh chỉ là giải pháp bất buộc cuối cùng.

Tư tưởng bạo lực cách mạng và tư tưởng nhân đạo hòa bình thống nhất biện chứng với nhau. Đánh giặc không phải là tiêu diệt hết lực lượng mà chủ yếu đánh bại ý chí xâm lược của chúng, giành thắng lợi quân sự với giải pháp ngoại giao để kết thúc chiến tranh.

Người chủ trương tiến hành khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân. Xuất phát từ tương quan lực lượng lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều. Trước kẻ thù lớn mạnh, Hồ Chí Minh chủ trương sử dụng phương châm chiến lược đánh lâu dài. Tự lực cánh sinh là phương châm chiến lược quan trọng, tránh tư tưởng bị động trông chờ sự giúp đỡ bên ngoài đề cao tinh thần độc lập, tự chủ.

CHƯƠNG 3:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

A. TÓM LƯỢC CHƯƠNG

Hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam là một logic phát triển tất yếu của cách mạng nước ta. Độc lập dân tộc gắn liền CNXH là nội dung cốt lõi, xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh. Những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Củng cố niềm tin vững chắc vào con đường cách mạng của dân tộc: Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH; kiên định đi theo con đường đi lên CNXH. Xác định trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Vận dụng kiến thức bài học phân tích đường lối và quá trình thực hiện đường lối cách mạng XHCN trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước ta hiện nay.

B. Nội dung kiến thức cơ bản cần nắm vững

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu sau khi giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản

– Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH có nguồn gốc sâu xa từ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống nhân ái và tinh thần cộng đồng làng xã Việt Nam – được hình thành lâu đời trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc.

– Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng sáng tạo lý luận Mác – Lênin về sự phát triển tất yếu của xã hội loài người theo các hình thái kinh tế – xã hội.

Ở Việt Nam, sau khi nước nhà đã giành được độc lập tiến lên CNXH là bước phát triển tất yếu theo con đường CMVS.

b. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhằm giải phóng con người một cách triệt để

Xuất phát từ mục tiêu giải phóng dân tộc là: nước nhà được độc lập, nhân dân được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Người nói: “Nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Do vậy, sau khi giành độc lập phải tiến lên xây dựng CNXH làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người được sung sướng, tự do.

2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

**** Phương thức tiếp cận chủ nghĩa xã hội***

- Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận về CNXH khoa học của lý luận Mác – Lênin, trước hết từ khát vọng giải phóng dân tộc Việt Nam.

- Tiếp cận CNXH từ phương diện đạo đức, hướng tới giá trị nhân đạo, nhân văn Mácxít

- Tiếp cận CNXH từ văn hoá

**** Một số định nghĩa tiêu biểu về chủ nghĩa xã hội***

- CNXH như là một chế độ XH bao gồm các mặt rất phong phú, hoàn chỉnh, trong đó con người được phát triển toàn diện, tự do. trong XH đó mọi thiết chế, cơ cấu XH đều nhằm tới mục tiêu giải phóng con người.

- “CNXH là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng...làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con”.

- Hồ Chí Minh quan niệm về CNXH: “ Làm sao cho dân giàu, nước mạnh” “Làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”, “nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”....

b. Đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội

- *Bản chất của chủ nghĩa xã hội – Các đặc trưng tổng quát:*
Nhân dân làm chủ, đoàn kết; Có nền chính trị dân chủ; Có nền kinh

tế, văn hoá, xã hội, con người phát triển; Có mối quan hệ hữu nghị, bình đẳng, hoà bình, hợp tác với các quốc gia trên thế giới

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Mục tiêu

** Mục tiêu tổng quát:* Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới

Mục tiêu của CNXH theo quan niệm của Hồ Chí Minh đã khẳng định tính ưu việt của CNXH so với các chế độ đã tồn tại trong lịch sử là giải phóng con người một cách toàn diện.

Quá trình xây dựng CNXH là lâu dài, Người cho rằng: “Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta...”

** Những mục tiêu cụ thể:*

- *Về chính trị:* là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân Người chỉ rõ:

+ Con đường và biện pháp thực hiện các hình thức dân chủ trực tiếp, nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức chính trị – xã hội của quần chúng.

+ củng cố các hình thức dân chủ đại diện, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- *Về kinh tế:* Nền kinh tế XHCN với công – nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến, bóc lột bị xoá bỏ dần, cải thiện đời sống nhân dân. Kết hợp các loại lợi ích kinh tế.

- *Về văn hoá – xã hội*: văn hoá là mục tiêu cơ bản được thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội như: xoá mù chữ, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, phát triển văn hoá nghệ thuật, thực hiện nếp sống mới, vệ sinh phòng bệnh...

- *Về con người phát triển toàn diện*: đào tạo con người là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng XHCN, “Muốn có con người XHCN, phải có tư tưởng XHCN”, phải tích cực trau dồi, rèn luyện đạo đức cách mạng, rèn luyện tài năng.

b. Động lực

- *Động lực vật chất và động lực tinh thần*

+ *Động lực vật chất*:

Phát huy các nguồn động lực về vật chất như: vốn, khoa học công nghệ, con người (năng lực con người), trong đó lấy ***con người làm động lực quan trọng và quyết định nhất***. Nòng cốt là công – nông – trí thức.

Hồ Chí Minh rất coi trọng động lực kinh tế, phát triển sản xuất, kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc lợi dân, gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội.

+ *Động lực tinh thần*: đó là văn hoá, khoa học, giáo dục. Đây là động lực tinh thần không thể thiếu của CNXH.

- *Kết hợp sức mạnh, động lực của tập thể, cá nhân con người*

+ *Động lực của tập thể*: Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự đoàn kết cộng đồng, sức sáng tạo trong lao động của nhân dân...

+ *Động lực cá nhân*: là sức mạnh cá thể của một con người...

=> Tất cả những nhân tố động lực nêu trên là những nguồn lực tiềm tàng của sự phát triển. Để những nguồn lực đó trở thành sức mạnh phải có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng – đây là hạt nhân trong hệ động lực của CNXH.

– *Kết hợp sức mạnh trong nước và quốc tế*: Tăng cường đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế, sử dụng tốt những thành quả khoa học kỹ thuật của thế giới...

Nét độc đáo trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh là chỉ ra các yếu tố kìm hãm triệt tiêu nguồn lực vốn có của CNXH. Đó là các lực cản sau: Căn bệnh thoái hoá, biến chất của cán bộ; Chủ nghĩa cá nhân - kẻ thù hung ác của CNXH; Tham ô lãng phí; Bác coi đó là bạn đồng minh của thực dân phong kiến; Gây bè phái, mất đoàn kết nội bộ, chủ quan, bảo thủ, giáo điều, lười biếng...

Theo Bác, các căn bệnh trên sẽ phá hoại đạo đức cách mạng, làm suy giảm uy tín và cản trở sự nghiệp cách mạng. Bác gọi là giặc nội xâm.

II. CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam

a. Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ

– Theo chủ nghĩa Mác – Lênin: có 2 con đường quá độ lên CNXH

+ Quá độ trực tiếp lên CNXH: từ những nước TB phát triển ở trình độ cao

+ Quá độ gián tiếp lên CNXH: từ những nước CNTB phát triển thấp hoặc những nước có nền kinh tế lạc hậu chưa qua giai đoạn p.triển TBCN

– Dựa trên cơ sở: Lý luận CM không ngừng của CN MLN và từ đặc điểm thực tế nước ta, Hồ Chí Minh khẳng định: ***con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên CNXH.***

b. Nhiệm vụ lịch sử, tính chất của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam

* ***Nhiệm vụ:*** Xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho CNXH, xây dựng các tiền đề về kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng cho CNXH; Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt yếu, chủ chốt, lâu dài.

* ***Tính chất:*** Là một cuộc CM làm đảo lộn mọi mặt của đời sống xã hội cả LLSX, QHSX, KTTT; Là công việc mới mẻ đối với Đảng ta, vừa làm, vừa học, vừa rút kinh nghiệm; Luôn bị các thế lực phản động trong và ngoài nước tìm cách chống phá. Vì vậy, xây dựng CNXH vừa đòi hỏi khoa học, hiểu biết quy luật khách quan, vừa phải có nghệ thuật quản lý khôn khéo.

c. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng CNXH ở nước ta trong thời kỳ quá độ

Công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta là một sự nghiệp CM mang tính toàn diện, Hồ Chí Minh xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực:

** Trong lĩnh vực chính trị:*

Phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng phải luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Có hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công nhân – nông dân – trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Củng cố và tăng cường sức mạnh toàn bộ hệ thống chính trị.

** Trong lĩnh vực kinh tế:*

Tiến hành công nghiệp hoá XHCN nhằm tăng năng suất lao động

Tạo lập những yếu tố, những lực lượng đạt được ở thời kỳ tư bản sao cho không đi chệch sang CNTB

Sử dụng hình thức và phương tiện của CNTB để xây dựng CNXH

** Trong lĩnh vực văn hoá – xã hội:* Phải khắc phục sự yếu kém về kiến thức, sự bấp bênh về chính trị, sự trì trệ về kinh tế, lạc hậu về văn hoá...vì tất cả sẽ dẫn đến những biểu hiện xấu xa, thoái hoá của cán bộ, đảng viên...là kẻ hờ CNTB dễ dàng lợi dụng.

2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH

– Nguyên tắc có tính chất phương pháp luận:

+ Cần nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về xây dựng chế độ mới

+ Tổng kết kinh nghiệm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đồng thời học tập kinh nghiệm của các nước khác trên thế giới:

– **Phương châm:** Dần dần, thận trọng, từ thấp đến cao; Coi CNH là nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ quá độ.

– **Những biện pháp mà Hồ Chí Minh đã chỉ đạo thực hiện:**

+ Thực hiện cải tạo XH cũ, xây dựng XH mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính.

+ Kết hợp xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Nam – Bắc trong phạm vi một quốc gia.

+ Xây dựng CNXH phải có kế hoạch, biện pháp, quyết tâm để thực hiện thắng lợi kế hoạch.

+ Quan trọng nhất là phát huy tài dân, sức dân, của dân, làm lợi cho dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

KẾT LUẬN

– *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh:* Gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; Quan điểm thực tiễn trong tiếp cận chủ nghĩa xã hội; Nhấn mạnh yếu tố đạo đức nhân văn trong bản chất của chủ nghĩa xã hội; Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản

- *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam vào công cuộc đổi mới hiện nay:* Giữ vững mục tiêu của CNXH; Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nội lực để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; Chăm lo xây dựng

Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư để xây dựng CNXH.

CHƯƠNG 4:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN

A. TÓM LƯỢC CHƯƠNG

Hiểu rõ: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam; về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

– Củng cố niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của ĐCS Việt nam trong tiến trình cách mạng của dân tộc

– Vận dụng kiến thức bài học phân tích đường lối và quá trình thực hiện đường lối cách mạng XHCN trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước ta hiện nay.

B. Nội dung kiến thức cơ bản cần nắm vững

I. QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin:

Trong XH TBCN, g/c công nhân có sứ mệnh lịch sử là: xoá bỏ chế độ TBCN, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng g/c công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng chủ nghĩa cộng sản văn minh

Xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của nước Nga và của phong trào công nhân Châu Âu, V.I.Lênin nêu lên hai yếu tố, sự kết hợp chủ nghĩa Mác + phong trào công nhân.

- *Tư tưởng HCM về sự ra đời của Đảng:*

+ HCM: Kế thừa và vận dụng quan điểm của Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta, HCM nêu lên ba yếu tố, là sự kết hợp: CNMLN + PTCN + PTYN. Điều này thể hiện rõ trong bài Thường thức chính trị 1953 và Ba mươi năm hoạt động của Đảng, dẫn tới việc hình thành vào đầu năm 1930. Đây chính là một quan điểm quan trọng của HCM về sự hình thành ĐCSVN là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin đối với cách mạng Việt Nam và đối với việc hình thành ĐCSVN. Bên cạnh đó, HCM càng đánh giá cao vị trí, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam trong điều kiện Việt Nam giai cấp công nhân chiếm rất ít. Bởi lẽ, HCM chỉ rõ đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam: Kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật và là giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất, gánh trọng trách đánh đổ chủ nghĩa tư bản và đế quốc.

- Theo HCM sự ra đời của Đảng CSVN không thể thiếu yếu tố phong trào yêu nước. Bởi những lý do sau:

Một là, phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam.

Hai là, phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước, bởi vì hai phong trào đó đều có mục đích chung là giải phóng dân tộc, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn được độc lập.

Ba là, phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân. Nói đến phong trào yêu nước Việt Nam phải kể đến phong trào nông.dân. Đầu TK XX, nông dân Việt Nam chiếm khoảng 90% dân số.

Bốn là, phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của ĐCSVN. Trí thức Việt Nam với một bầu nhiệt huyết, yêu nước, thương nòi...họ rất nhạy cảm với thời cuộc, do vậy họ rất chủ động trong việc tham gia các phong trào của cách mạng Việt Nam.

2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Lựa chọn con đường, xây dựng đường lối chiến lược, sách lược cách mạng

- Lựa chọn con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc
- Xác định chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn
- Xác định phương pháp đấu tranh cách mạng

“Muốn khỏi đi lạc hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm cho đúng”.

b. Tổ chức, đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng

- Tổ chức, đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng trong nước: *“Cách mạng là cuộc đấu tranh rất gian khổ. Lực lượng kẻ địch rất mạnh. Muốn thắng lợi thì quần chúng phải tổ chức rất chặt chẽ; chí khí phải kiên quyết. Vì vậy, phải có Đảng để tổ chức và giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh, để đánh đổ kẻ địch, tranh lấy chính quyền.*

Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng vẫn cần có Đảng lãnh đạo”.

- Đoàn kết các lực lượng cách mạng quốc tế

c) Sự ra đời, tồn tại, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam phù hợp với quy luật phát triển của xã hội

3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

** Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân*

- HCM khẳng định: ĐCSVN là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân. Điều này HCM tuân thủ những quan điểm của Lênin và xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

Trong báo cáo chính trị tại Đại hội II (2-1951), HCM nêu rõ: “ Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một... cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”. Điều này được HCM tiếp tục khẳng định ở những năm sau 1953, 1957, 1965...

HCM đưa ra quan điểm nhất quán về bản chất giai cấp của Đảng là bản chất của giai cấp công nhân. Đảng đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc, cho nên nhân dân VN coi ĐCSVN là Đảng của chính mình..Sức mạnh của Đảng không chỉ bắt nguồn từ giai cấp công nhân mà còn bắt nguồn từ các tầng lớp nhân dân lao động khác.

- Mục tiêu, lý tưởng của Đảng: là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

- Nền tảng tư tưởng – lý luận của Đảng: là chủ nghĩa Mác – Lênin

- Nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng: Đảng tuân thủ theo nguyên tắc Đảng kiểu mới của g/c vô sản(của Lênin).

** Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc*

- Lợi ích mà Đảng đại diện:

+ Đảng kết nạp những người ưu tú của g/c công nhân, nông dân, trí thức và các thành phần khác mà họ đã được rèn luyện, thử thách, giác ngộ về Đảng và tự nguyện chiến đấu trong hàng ngũ của Đảng .

+ Đảng đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc. Ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân và toàn thể dân tộc Việt Nam, Đảng không còn lợi ích nào khác. Vì vậy nhân dân Việt Nam coi Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của chính mình - Đảng ta.

- Tạo nên sức mạnh của Đảng

4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

a. Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền

Sau những năm tháng hoạt động thực tiễn, tìm tòi, học hỏi, nghiên cứu lý luận, HCM đã tìm thấy con đường cách mạng ở CN MLN và quyết định đi theo con đường của CM Tháng Mười vĩ đại.

Từ người yêu nước trở thành chiến sĩ cộng sản đầu tiên của VN- đã sớm xác định độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là con đường tất yếu của CMVN.

Từ lý tưởng cao cả ấy, HCM thấy sự cần thiết phải có một Đảng cộng sản để lãnh đạo phong trào cách mạng, thực hiện mục tiêu nói trên. Vì vậy, từ những năm 1920 trở đi Người đã tích cực chuẩn bị cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập Đảng 1930. Sự ra đời của ĐCSVN 3.2.1930 đã đánh dấu một trang mới trong lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, HCM đã khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của đảng cách mạng- nhân tố quyết định hàng

đầu sự thắng lợi của cách mạng. Thấu hiểu bài học lịch sử về sức mạnh của quần chúng, lại được soi rọi dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác- Lênin. Người chỉ rõ: công nông là gốc cách mạng, nhưng “trước hết phải làm cho dân giác ngộ”. Dân phải được tổ chức, được lãnh đạo thì mới trở thành lực lượng to lớn mới là chủ, là gốc cách mạng được.

Với đường lối chính trị đúng đắn, tổ chức chặt chẽ, lý luận nghiêm minh, Đảng đã lãnh đạo toàn thể dân tộc giành chính quyền thành lập nước VN dân chủ cộng hòa và đó cũng là thời điểm đảng ta trở thành Đảng cầm quyền.

b. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

- Quan niệm chung: Đảng cầm quyền:

+ Chỉ một đảng chính trị đại diện cho một giai cấp đang nắm giữ và lãnh đạo chính quyền để điều hành, quản lý đất nước nhằm thực hiện lợi ích của giai cấp mình.

+ Nếu một chính đảng có đại biểu giành được đa số phiếu tại các cuộc bầu cử trong quốc hội thì đảng đó trở thành đảng cầm quyền.

- Quan niệm của HCM: Đảng cầm quyền:

+ Đảng nắm quyền, Đảng lãnh đạo chính quyền

+ Vai trò lãnh đạo của ĐCSVN trong quá trình cải tạo xã hội cũ thuộc địa nửa phong kiến, xây dựng chế độ xã hội mới, XHCN.

-Mục đích, lí tưởng của Đảng cầm quyền:

+ Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

+ Quan điểm của HCM về Đảng cầm quyền là sự vận dụng, phát triển hết sức sáng tạo lý luận Mác- Lênin về đảng vô sản kiểu mới.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Xây dựng Đảng – Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng

- Xây dựng Đảng là nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên

Theo HCM việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng là một nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để Đảng hoàn thành vai trò tiên phong trước giai cấp, dân tộc và nhân dân.

- Xây dựng Đảng là một nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài

Xây dựng Đảng được HCM đặt ra như một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, kể cả lúc thuận lợi cũng như lúc gặp khó khăn, xây dựng Đảng để cán bộ đảng viên củng cố lập trường quan điểm, bình tĩnh, sáng suốt, không tỏ ra bị động, lúng túng, bị quan.

- Đổi mới Đảng là một quy luật, nhu cầu tồn tại và phát triển của Đảng

Trong quan niệm của HCM, xây dựng chỉnh đốn Đảng gắn liền với sự tồn tại của Đảng, còn Đảng còn hoạt động, còn cần phải tổ chức xây dựng, chỉnh đốn. Bởi vì:

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng bị chế định bởi quá trình phát triển liên tục của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

- Đảng sống trong xã hội, là một bộ phận hợp thành cơ cấu của xã hội, mỗi cán bộ, đảng viên đều chịu ảnh hưởng, tác động của môi trường xã hội, các quan hệ xã hội, cả cái tốt và cái xấu, cái

tích cực, tiến bộ và cái tiêu cực, lạc hậu. Do đó mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện.

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng tốt hơn, hoàn thành các nhiệm vụ mà nhân dân giao phó.

- Trong điều kiện Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, việc xây dựng chỉnh đốn Đảng cần phải được tiến hành thường xuyên hơn. Bởi lẽ, Người nhận rõ tính hai mặt vốn có của quyền lực. Một mặt, quyền lực có sức mạnh to lớn để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới nếu biết sử dụng đúng lúc. Mặt khác, quyền lực cũng có sức phá hoại ghê gớm nếu người nắm quyền lực bị tha hóa, biến chất, đi vào con đường ham muốn quyền lực, chạy theo quyền lực, tranh giành quyền lực...

Nhận thức đúng sự tác động qua lại giữa môi trường xã hội và vai trò lãnh đạo của Đảng, đặc điểm phát triển tâm lý, nhân cách của cán bộ, đảng viên, HCM đã đi đến một nhận định mang tính triết lý và thực tiễn sâu sắc, có giá trị phổ quát trong vấn đề xây dựng đổi mới chỉnh đốn Đảng: “ Một dân tộc, một đảng và mỗi con người...”.

2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận

- *Đảng phải dựa vào lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin*

HCM chỉ rõ: Để đạt mục tiêu cách mạng, cần phải dựa vào lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác- Lênin. Trong lớp huấn luyện cán bộ 1925- 1927, HCM khẳng định: “ Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy”, “ chủ nghĩa” ấy là chủ nghĩa Mác- Lênin.

Với ý nghĩa đó, theo Người chủ nghĩa Mác- Lênin trở thành “ cốt”, trở thành nền tảng tư tưởng và trở thành kim chỉ nam cho mọi hành động của ĐCSVN.

- Một số điểm cần lưu ý trong tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin

Để tiếp nhận và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta, theo HCM cần lưu ý những điểm sau:

Một là, việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác- Lênin phải phù hợp với đối tượng.

Hai là, việc vận dụng chủ nghĩa Mác- Lênin phải luôn luôn phù hợp với từng hoàn cảnh.

Ba là, trong quá trình hoạt động, Đảng ta phải chú ý học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các đảng cộng sản khác, đồng thời Đảng ta phải tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ xung chủ nghĩa Mác- Lênin.

Bốn là, Đảng ta phải tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác- Lênin. Chú ý chống giáo điều, cơ hội, xét lại chủ nghĩa Mác- Lênin, chống lại những luận điểm sai trái, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác- Lênin.

b. Xây dựng Đảng về chính trị

- Có nhiều nội dung như: xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị,...Trong đó, đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng.

- Cần phải giáo dục đường lối, chính sách của Đảng đến mọi cán bộ, đảng viên

Đảng cộng sản Việt Nam cầm quyền có vai trò định hướng phát triển cho xã hội. Vì vậy, theo HCM, cần phải chú ý giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, thông tin thời sự cho cán bộ đảng viên để họ luôn luôn kiên định lập trường, giữ vững bản lĩnh chính trị trong mọi hoàn cảnh.

c. Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ

- *Hệ thống tổ chức của Đảng*: Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ tổ chức, một tổ chức tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân. Hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở phải thật chặt chẽ, có tính kỷ luật cao, tuy nhiên mỗi cấp độ tổ chức có chức năng nhiệm vụ riêng.

Trong hệ thống tổ chức của Đảng, HCM coi trọng vai trò của chi bộ, chi bộ là tổ chức hạt nhân, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng, là môi trường tu dưỡng, rèn luyện và cũng là nơi giám sát đảng viên, chi bộ có vai trò gắn kết giữa Đảng với quần chúng nhân dân.

- Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng.

+ *Tập trung dân chủ*: Đây là nguyên tắc cơ bản nhất để xây dựng một Đảng Cộng sản thành một tổ chức chiến đấu chặt chẽ và phát huy sức mạnh của mỗi người và phát huy sức mạnh của tập thể. Đảng không phải là một câu lạc bộ để mọi người có thể ra vào tùy tiện hoặc vào Đảng mà chỉ nói mà không làm, hoặc mỗi người làm một cách rớt cuộc triệt tiêu sức mạnh của cả tổ chức và của mỗi người nên HCM coi tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức của Đảng. Người nói: “ Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một

+ *Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách*: Theo HCM đây là nguyên tắc lãnh đạo Đảng.

Khi nói về nguyên tắc tập thể lãnh đạo HCM đã phân tích: Một người dù tài giỏi đến mấy cũng không thể thấy hết mọi mặt của một vấn đề, càng không thể thấy hết được mọi việc, hiểu hết được mọi chuyện. Nhiều người thì nhiều kiến thức, người thấy mặt này, người thấy mặt kia, do đó hiểu được mọi mặt, mọi vấn đề. Châm ngôn có câu: “Đại bầy hơn khôn độc”

Khi nói về cá nhân phụ trách Người chỉ rõ: Khi tập thể đã bàn bạc kỹ lưỡng kế hoạch đã được định rõ thì cần giao cho một người phụ trách như thể với công việc mới chạy, tránh việc người này ý lại người kia. Châm ngôn có câu: “Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa”

HCM kết luận Lãnh đạo không tập thể thì sẽ đi đến tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc.

Phụ trách không do cá nhân sẽ đi đến cái tệ bừa bãi độc đoán lộn xộn vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc.

Tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau

+ *Tự phê bình và phê bình*: Đây là nguyên tắc sinh hoạt của Đảng là qui luật phát triển của Đảng

Khi nói về tự phê bình Người phân tích: Mỗi đảng viên tự mình phải thấy rõ mình, để phát huy ưu điểm khắc phục khuyết điểm, cũng giống như phải tự soi gương rửa mặt hằng ngày. Tự phê bình là vũ khí rèn luyện đảng viên. Người chỉ rõ: “Một Đảng mà giấu khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế mới là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn chắc chắn, chân chính”

+ *Kỷ luật nghiêm minh, tự giác*: Khi mỗi người vào Đảng đều do sự tự nguyện của cá nhân mình nên khi ở trong Đảng mỗi cá nhân phải tự giữ kỷ luật của mình đối với Đảng trên tinh thần tự giác nghiêm minh, Đảng lấy danh dự uy tín làm trọng

+ *Đoàn kết thống nhất trong Đảng*: Trong Di chúc của Người đã căn dặn: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến chi bộ cần phải giữ gìn đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình”.

- *Cán bộ, công tác cán bộ của Đảng*

d. Xây dựng Đảng về đạo đức

Theo HCM: Một đảng chân chính cách mạng phải có đạo đức. Đạo đức tạo nên uy tín, sức mạnh của Đảng, giúp Đảng đủ tư cách lãnh đạo, hướng dẫn quần chúng nhân dân.

Đạo đức của Đảng ta là đạo đức mới, đạo đức cách mạng mang bản chất của giai cấp công nhân, cũng là đạo đức Mác-Lênin, đạo đức cộng sản chủ nghĩa mà nội dung cốt lõi là chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu. Vì thế, HCM chỉ rõ: Đảng ta là một Đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Có đạo đức cách mạng trong sáng Đảng ta mới lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Đó là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và cũng là tư cách số một của Đảng cầm quyền.

Kết luận

- HCM là người sáng lập, đồng thời là người giáo dục và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ nhu cầu giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, vận dụng và phát triển sáng tạo

chủ nghĩa Mác- Lênin, HCM đã kết hợp chặt chẽ giữa nhận thức và hành động, tổng kết thực tiễn, xác lập nên một hệ thống các quan điểm, tư tưởng về Đảng cộng sản và xây dựng Đảng trong điều kiện một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu với các đặc điểm văn hóa truyền thống phương Đông. Những quan điểm này thật sự là sáng tạo riêng của HCM, góp phần cụ thể hóa và phát triển lý luận Mác- Lênin về Đảng cộng sản, làm cho Đảng thật sự trong sạch đạt đến tầm cao về đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh chính trị, vững vàng trước mọi thử thách của lịch sử.

+ Về chính trị, đó là đường lối chính trị đúng đắn, bản lĩnh chính trị vững vàng trong mọi tình huống phức tạp, mọi bước ngoặt hiểm nghèo, mọi giai đoạn cách mạng khác nhau.

+ Về tư tưởng, đó là tư tưởng cách mạng triệt để, tư tưởng cách mạng tiến công, chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại, giáo điều, bảo thủ.

+ Về tổ chức, đó là một tổ chức chính trị trong sạch vững mạnh, một tổ chức chiến đấu kiên cường, với các nguyên tắc nền móng được tuân thủ nghiêm ngặt để khi hành động thì muôn người như một.

+ Về đạo đức, lối sống, cán bộ, đảng viên của Đảng coi trọng việc tu dưỡng đạo đức, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, nâng cao năng lực, gắn bó máu thịt với nhân dân, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cách mạng. HCM là hiện thân của điều đó.

Bên cạnh những thành tựu trong công tác xây dựng Đảng cầm quyền, nhưng bất cập, yếu kém, hạn chế càng không phải ít, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn và đẩy lùi. Những hạn chế này đang làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng, hạn chế năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Được

chiếu rọi bởi ánh sáng tư tưởng HCM, Đảng ta quyết tâm xây dựng, chinh đồn Đảng một cách thiết thực, xác định đổi mới và chinh đồn Đảng đáp ứng nhu cầu phát triển của giai cấp và dân tộc là quy luật tồn tại sống còn của Đảng cộng sản Việt Nam.

CHƯƠNG 5:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

A. Tóm lược chương

Hiểu và trình bày được vị trí, vai trò và những nội dung cơ bản của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng; Vị trí, vai trò và những nội dung cơ bản của đoàn kết quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tin tưởng vào sức mạnh đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. Trên cơ sở đó, xác định được trách nhiệm của bản thân đối với việc củng cố và tăng cường sức mạnh đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong nhà trường và xã hội.

Vận dụng kiến thức bài học phân tích những bài học lịch sử và thực tiễn cuộc sống xã hội.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

a. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

Theo HCM, để đánh bại đế quốc thực dân nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, nếu chỉ có tinh thần yêu nước chưa đủ mà cần phải tập hợp được tất cả mọi lực lượng có thể tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc bền vững. Vì vậy, trong tư tưởng HCM đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản nhất quán và lâu dài, xuyên suốt tiến trình cách mạng.

Để quy tụ được mọi lực lượng vào khối đại đoàn kết toàn dân cần phải có chính sách và phương pháp phù hợp với từng đối tượng, trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, đại đoàn kết dân tộc phải luôn luôn được nhận thức là vấn đề sống còn, quyết định thành bại của cách mạng.

- Hồ Chí Minh đã khái quát thành nhiều luận điểm có tính chân lý về vai trò của khối đại đoàn kết.

b. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của dân tộc

- Đại đoàn kết là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong mọi lĩnh vực, mọi chủ trương, đường lối, chính sách, hoạt động thực tiễn của Đảng

Đoàn kết là sức mạnh, là mạch nguồn của mọi thắng lợi. Do đó, đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực.

Ngày 3.3.1951, HCM thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc.”. Vì vậy, Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần lời dạy: “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

-Đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng. Bởi lẽ, cách mạng muốn thành công nếu chỉ có đường lối đúng chưa đủ mà trên cơ sở của đường lối đúng,

-Đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc. Đảng phải cụ thể hóa thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử để lôi kéo, tập hợp quần chúng, tạo thực lực cho cách mạng, thực lực đó chính là khối đại đoàn kết dân tộc.

2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc

a. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

Đứng trên lập trường giai cấp công nhân và quan điểm quần chúng, HCM đã đề cập vấn đề **Dân** và **nhân dân** một cách rõ ràng, toàn diện.

- DÂN và NHÂN DÂN là khái niệm có nội hàm rộng, chỉ toàn bộ con dân nước Việt, “con Lạc, cháu Hồng”, “con Rồng, cháu Tiên”.

- Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân là đoàn kết với tất cả nhân dân, không phân biệt dân tộc thiểu số hay đa số, tín ngưỡng, già, trẻ, gái, trai, giàu, nghèo...Đoàn kết với mỗi người dân cụ thể, với toàn thể đông đảo quần chúng. Họ là chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc. >
Thực chất của đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân.

- Nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc là liên minh công – nông, sau Hồ Chí Minh bổ sung những người lao động trí óc – Trí thức.

b. Điều kiện thực hiện đại đoàn kết dân tộc

- Phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc

Để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phải kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc, truyền thống này được xây dựng, củng cố và phát triển trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước và đã trở thành cội nguồn sức mạnh của dân tộc, trong cuộc đấu tranh chống mọi thiên tai địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

- Phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người

Theo HCM, trong mỗi con người ai cũng có mặt tốt, mặt xấu...cho nên, vì lợi ích cách mạng, cần phải có lòng khoan dung độ lượng, trân trọng phần thiện ở mỗi con người.

Người cho rằng: “Trong mấy triệu người...dòng dõi tổ tiên ta. Vậy ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận thấy rằng đã là con lạc cháu hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường ta phải dùng tình nhân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang”.

- Cần có niềm tin vào nhân dân

Để thực hành đoàn kết rộng rãi, cần có niềm tin vào nhân dân. Vì vậy, nguyên tắc tối cao của Người là yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân, tiếp nối truyền thống dân tộc “ nước lấy dân làm gốc”.

3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

a. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất

- Đại đoàn kết dân tộc phải trở thành lực lượng vật chất có tổ chức - Mặt trận dân tộc thống nhất

Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng HCM là một chiến lược cách mạng và trở thành khẩu hiệu của toàn Đảng, toàn dân tộc. Và nó biến thành sức mạnh vật chất, trở thành lực lượng vật chất có tổ chức. Tổ chức đó chính là Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước. Tùy theo từng thời kỳ, căn cứ và yêu cầu nhiệm vụ cách mạng, cương lĩnh và điều lệ của Mặt trận dân tộc thống nhất có những nét khác nhau và tên gọi của Mặt trận dân tộc thống nhất cũng khác nhau:

- + Hội đồng phản đế đồng minh (1930)
- + Mặt trận dân chủ (1936)
- + Mặt trận nhân dân phản đế (1939)
- + Mặt trận Việt Minh (1941)
- + Mặt trận Liên Việt (1946)
- + Mặt trận dân tộc GPMNVN (1960)
- + Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955, 1976)

Song chỉ là sự phấn đấu vì mục tiêu là độc lập dân tộc, thống nhất của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân.

b. Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

- Phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức; đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng

- Phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân

- Phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững

- Là khối đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Vai trò của đoàn kết quốc tế

a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam

- Đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế

- Đại đoàn kết dân tộc là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế, là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng.

- Đoàn kết quốc tế là một nhân tố thường xuyên, quan trọng giúp đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

- Chủ nghĩa yêu nước chân chính phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản

- Mục tiêu của thực hiện đoàn kết quốc tế là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của dân tộc và thời đại

2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức

a. Các lực lượng cần đoàn kết

- Theo HCM các lực lượng cần đoàn kết là:

+ Phong trào cộng sản và công nhân thế giới - lực lượng nòng cốt của đoàn kết quốc tế

+ Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc

- Các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình, dân chủ, tự do và công lý

+ Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế

+ Phong trào đấu tranh GPDT

+ Phong trào hòa bình dân chủ thế giới

- Đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới: Sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản quốc tế là một đảm bảo vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Điều này được HCM thể hiện trong lời phát biểu của mình tại Đại hội Tua Tháng 12/1920: “Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: các đồng chí hãy cứu chúng tôi”.

- Đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc: CNĐQ là kẻ thù của nhân loại, chúng có âm mưu chia rẽ dân tộc, tạo sự biệt lập, đối kháng và thù ghét dân tộc, chủng tộc...nhằm làm suy yếu phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Vì lẽ đó, Người đã kiến nghị Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản về những biện pháp nhằm: “Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh Phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong cái cánh của cách mạng vô sản”.

- Đối với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình dân chủ, tự do và công lý: HCM cũng tìm mọi cách để thực hiện đoàn kết. Trong quá trình đó, đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở VN với mục đích bảo vệ hòa bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp

và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, từ đó HCM đã khơi gợi lương tri của loài người tiến bộ, tạo những tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ từ các tổ chức quần chúng, các nhân sĩ trí thức và từng con người trên hành tinh, tích cực đấu tranh vì sự tiến bộ và phát triển của loài người.

b. Hình thức tổ chức

- Đoàn kết trên cơ sở xây dựng mặt trận giữa ba nước Đông Dương; Chăm lo củng cố mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc; Đoàn kết với các dân tộc ở Châu Á, Châu Phi

- Xây dựng quan hệ với Mặt trận dân chủ, lực lượng Đồng minh, các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

Như vậy, trong tư tưởng đại đoàn kết, HCM đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận:

- + Mặt trận đại đoàn kết dân tộc
- + Mặt trận đoàn kết Việt- Miên- Lào
- + Mặt trận nhân dân Á- Phi đoàn kết với Việt Nam
- + Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với VN chống đế quốc xâm lược.

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có tình lý, có tình

- Đoàn kết với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế: giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền CNXH, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

+ Có lý" là tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới. "Có tình" là sự thông cảm, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần, tình cảm của những người chung lý tưởng.

+ Có lý" và "Có tình" vừa thể hiện nguyên tắc vừa là một nội dung của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh - chủ nghĩa nhân văn cộng sản.

- Đoàn kết với các dân tộc trên thế giới: gương cao ngạo cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc

- Đoàn kết với các lực lượng tiến bộ trên thế giới: gương cao ngạo cờ hòa bình trong công lý.

b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực tự cường

- Đề đoàn kết tốt phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, ngoại lực chỉ phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh.

Theo HCM đoàn kết quốc tế là tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế. Để đoàn kết quốc tế tốt phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, HCM luôn nêu cao khẩu hiệu: “ Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”; “ Muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự mình giúp lấy mình đã”; và Người chỉ rõ: “ Một dân tộc không biết tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”

- Muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn.

Hồ Chí Minh cho rằng: Muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế. Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, và kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam là thắng lợi của đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đến kháng chiến chống Mỹ thắng lợi với đường lối độc lập, tự chủ giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, kết hợp hài hòa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế.

KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh: quan niệm đoàn kết rộng rãi, có nguyên tắc về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế
- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế vào công cuộc đổi mới của nước ta hiện nay
- Ý nghĩa của việc học tập

CHƯƠNG 6:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

A. Tóm lược chương

Nội dung của chương này giúp các bạn sinh viên hiểu rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước, về việc xây dựng một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống cũng như việc xây dựng một nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả hướng đến việc khắc phục những tiêu cực trong bộ máy của nhà nước. Đây là nền tảng, tư tưởng lý luận quan trọng trong tổ chức và hoạt động của nhà nước được Đảng ta đúc kết thành chính sách quản lý, điều hành đất nước: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

B. Nội dung kiến thức cơ bản cần nắm vững

I. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC THỂ HIỆN QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

1. Quan niệm của HCM về dân chủ

Dân chủ theo HCM được thể hiện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó dân chủ trong lĩnh vực chính trị là quan trọng nhất và được biểu hiện tập trung trong hoạt động của Nhà nước.

Dân chủ cũng được biểu hiện ở phương thức tổ chức xã hội, nhằm. Một phương thức tổ chức xã hội dân chủ theo HCM được thể hiện ở 3 điểm: “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”; “Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”; hệ thống chính trị phải do “dân cử ra” và “tổ chức nên”.

HCM không chỉ coi dân chủ là một giá trị chung, là sản phẩm của văn minh nhân loại mà còn là lý tưởng phấn đấu của các dân tộc, là yếu tố biểu thị mối quan hệ bình đẳng giữa các dân tộc, là nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế.

Xây dựng Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ là quan điểm cơ bản, nhất quán và xuyên suốt của HCM về xây dựng Nhà nước ở Việt Nam.

2. Nội dung tư tưởng HCM về Nhà nước của dân, do dân, vì dân

*** Nhà nước của dân thể thể hiện ở những điểm sau:**

- Xác lập tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân, quyền lực ấy luôn được đặt ở vị trí tối thượng.

- Nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước, bầu ra các đại biểu Quốc hội, uỷ quyền cho họ bàn, quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh. Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, nếu những đại biểu đó không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện cho nhân dân thực thi quyền làm chủ của mình trong hệ thống quyền lực của xã hội.

*** Nhà nước do dân**

Là Nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ, dân đóng thuế để Nhà nước chi tiêu và do dân làm chủ.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh nhiệm vụ của những người cách mạng là phải làm cho dân hiểu trách nhiệm và có ý thức trong việc chăm lo xây dựng Nhà nước của mình.

*** Nhà nước vì dân**

Nhà nước vì dân là một Nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân. Hồ Chí Minh luôn tâm niệm: Phải làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, được học hành.

Khi Nhà nước là của dân, thì từ Chủ tịch nước đến công chức bình thường đều phải làm công bộc, làm đầy tớ cho nhân dân.

II. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI TÍNH NHÂN DÂN VÀ TÍNH DÂN TỘC CỦA NHÀ NƯỚC

1. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân, thể hiện:

Một là, Nhà nước ta do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Hai là, Nhà nước ta thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước.

Ba là, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước là nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước

Sự thống nhất được biểu hiện ở những điểm cơ bản sau:

Một là: Nhà nước ta ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã vượt qua được những hạn chế của các phong trào yêu nước trước đó và đã giành được chính quyền về tay nhân dân.

Hai là: Nhà nước ta chủ trương bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm mục tiêu phấn đấu.

Ba là: Nhà nước ta khi mới ra đời (1945) đã đứng ra làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập, tự do của tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

III. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CÓ HIỆU LỰC PHÁP LÝ MẠNH MẼ

1. Xây dựng một nhà nước hợp pháp, hợp hiến

Theo thông lệ quốc tế, Nhà nước hợp pháp, hợp hiến là nhà nước do dân bầu ra bằng phiếu kín, có Quốc hội, có Chính phủ. Chỉ một ngày sau khi đọc bản Tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh đề nghị tổ chức tổng tuyển cử càng sớm, càng tốt để sớm có Nhà nước hợp hiến do dân bầu ra.

Cuộc tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp, bỏ phiếu kín đã bầu ra 333 đại biểu quốc hội.

Ngày 2/3/1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa họp phiên đầu tiên lập ra các tổ chức, bộ máy, các chức vụ của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây là Chính phủ có đầy đủ giá trị pháp lý để giải quyết những vấn đề đối nội, đối ngoại ở nước ta.

2. Hoạt động quản lý nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật, chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống

Quản lý nhà nước là quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng hệ thống luật, trong đó quan trọng nhất là Hiến pháp.

Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước, tức là đi liền với thực thi Hiến pháp và pháp luật. Do vậy, Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật. Việc thực thi pháp luật có quan hệ tới trình độ dân trí. Do vậy, việc nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân là điều cần thiết.

Trong việc thực thi Hiến pháp và pháp luật, Hồ Chí Minh bao giờ cũng chú ý cả hai mặt, vừa có lý, vừa có tình, vừa nghiêm khắc, vừa tăng cường các biện pháp giáo dục pháp luật. Pháp luật phải lấy chữ “*nhân*” làm trọng, nghĩa là tất cả các chế định của luật pháp, đều vì sự nghiệp giải phóng con người.

IV. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC TRONG SẠCH, HOẠT ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài

Đi vào nhiệm vụ cụ thể, Người nêu lên những yêu cầu đối với cán bộ công chức:

Một là: Tuyệt đối trung thành với cách mạng.

Hai là: Thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

Ba là: Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Bốn là: Cán bộ, công chức phải là những người dám làm, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, thắng không kiêu, bại không nản.

Năm là: Phải thường xuyên tự phê và phê bình, luôn có ý thức, hành động vì sự lớn mạnh, trong sạch của Nhà nước.

2. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động Nhà nước

Xây dựng một Nhà nước của dân, do dân, vì dân gắn liền với việc làm cho Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Chỉ một tháng, sau ngày 2/9/1945, Hồ Chí Minh gửi thư cho Ủy ban nhân dân các cấp, chỉ ra sáu căn bệnh cần đề phòng: trái phép, cậy thế, hủ hoá, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo.

Trong quá trình lãnh đạo Nhà nước, Hồ Chí Minh nhắc nhở mọi người đề phòng, khắc phục những tiêu cực:

- Đặc quyền, đặc lợi
- Tham ô, lãng phí, quan liêu
- “Tư túng”, “chia rẽ”, “kiêu ngạo”

3. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng

Hồ Chí Minh kết hợp nhuần nhuyễn quản lý xã hội bằng pháp luật với phát huy truyền thống tốt đẹp trong đời sống cộng đồng người Việt Nam được hình thành qua hàng nghìn năm lịch sử.

Người bao giờ cũng thể hiện thống nhất giữa lý trí và tình cảm, nghiêm khắc, bao dung, nhân ái, nhưng không bao che sai lầm, khuyết điểm của bất kỳ ai.

Người yêu cầu pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất chính ở bất kỳ cương vị nào. Bên cạnh đó, Người dùng uy tín của mình cảm hóa những người có lỗi lầm, lôi kéo họ đi theo cách mạng.

KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, nó định hướng cho việc xây dựng Nhà nước ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng mới:

Xây dựng Nhà nước đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân, phải: Bảo đảm, phát huy và thể chế hóa quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực; Bảo đảm mọi người được bình đẳng trước pháp luật; Chú ý thực hiện các quy tắc dân chủ trong cộng đồng dân cư.

Kiên toàn bộ máy hành chính Nhà nước: Đẩy mạnh cải cách nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh; Kiên quyết khắc phục thói quan liêu, hách dịch, cửa quyền...; Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đề cao trách nhiệm cá nhân; Thực hiện chuẩn hóa, sắp xếp lại đội ngũ công chức...

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: Lãnh đạo nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng; Lãnh đạo bằng đường lối, bằng tổ chức, bằng vai trò tiên phong, gương mẫu đi đầu, bằng công tác kiểm tra; Đảng không làm thay công

việc quản lý của Nhà nước, Đảng lãnh đạo thống nhất công tác cán bộ trong hệ thống chính trị trên cơ sở bảo đảm chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà nước theo luật định./.

CHƯƠNG 7:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

C. Tóm lược chương

Nội dung của chương 7 giúp các bạn sinh viên hiểu rõ quan của Hồ Chí Minh về ba lĩnh vực đó là văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Cụ thể: Về văn hóa đó là những quan niệm của Bác về vị trí, vai trò, chức năng, tính chất của nền văn hóa cũng như nội dung xây dựng một nền văn hóa mới và về một số lĩnh vực chính của văn hóa; Về đạo đức đó là quan điểm của Người về vị trí, vai trò của đạo đức, các chuẩn mực đạo đức và các nguyên tắc xây dựng đạo đức mới; Về con người mới đó là những quan điểm về con người, bản chất, vai trò con người và chiến lược trồng người. Từ những kiến thức trên, sinh viên có thể hiểu được tầm quan trọng của văn hóa, đạo đức trong đời sống, cố gắng rèn luyện đạo đức theo các phẩm chất củ HCM ra sức học tập để góp phần hình thành những con người mới.

B. Nội dung kiến thức cơ bản cần nắm vững

I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Định nghĩa về văn hóa và quan điểm về xây dựng nền văn hóa mới

a. Định nghĩa về văn hóa

Mặc dù không phải là một người chuyên nghiên cứu về văn hóa nhưng đến 8/1943 khi đang trong nhà tù của chính quyền Trung Hoa Dân Quốc, Bác đã đưa ra một định nghĩa về văn hóa, định nghĩa này có rất nhiều điểm gần với quan niệm hiện nay về văn hóa, đặc biệt là

khắc phục được tính phiến diện trong quan niệm về văn hóa trước đó.

“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.

b. Quan điểm về xây dựng nền văn hóa mới

Hồ Chí Minh đưa ra 5 điểm lớn định hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam: Xây dựng tâm lý, xây dựng luân lý, xây dựng xã hội, xây dựng chính trị, xây dựng kinh.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa

a. Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội

- Thứ nhất, văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng, cùng với kinh tế, chính trị, xã hội để tạo thành 4 vấn đề chủ yếu của đời sống XH.

+ Trong quan hệ với chính trị, xã hội: Giải phóng chính trị, xã hội là tiền đề để giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển.

+ Trong quan hệ với kinh tế, kinh tế là nền tảng của việc xây dựng văn hóa, do đó kinh tế phải đi trước một bước.

- Thứ hai, văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế,

nghĩa là văn hóa phải tham gia thực hiện những nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế, ngược lại kinh tế, chính trị cũng phải có tính văn hóa.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về tính chất của nền văn hóa (có 3 tính chất: dân tộc; khoa học; đại chúng)

Tính dân tộc: Giữ gìn, kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc và phát triển những truyền thống ấy cho phù hợp với điều kiện mới của đất nước.

Tính khoa học: Hiện đại tiên tiến hợp với trào lưu tiến hóa của thời đại; Đấu tranh chống lại những gì trái với khoa học, phản tiến bộ; Kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Tính đại chúng: Phục vụ nhân dân và do nhân dân xây dựng.

c. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chức năng của nền văn hóa (3 chức năng)

Thứ nhất, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp. Đặc biệt là tư tưởng và tình cảm lớn chí phối đời sống tinh thần của mỗi cá nhân và toàn dân tộc, đó là lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là tình yêu nước thương dân, yêu con người...

Thứ hai, mở rộng hiểu biết, nâng cao dân trí để nhân dân có thể hiểu biết các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, tham gia sáng tạo và hưởng thụ văn hóa.

Thứ ba, bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân. Muốn thế phải làm cho “văn hóa thấm sâu vào tâm lý quốc dân”.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

a. Văn hóa giáo dục

- *Mục tiêu của văn hóa giáo dục*: Thực hiện cả ba chức năng của văn hóa bằng giáo dục thông qua dạy và học, trên tinh thần thực học, “học để làm làm việc, làm người, làm cán bộ”.

- *Nội dung giáo dục* phải toàn diện, tức là bao gồm cả văn hóa, chính trị, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghề nghiệp, lao động. Theo người, nếu không học văn hóa thì không tiếp thu được khoa học - kỹ thuật, không học chính trị thì như người nhắm mắt mà đi.

- *Phương châm, phương pháp giáo dục*: Học đi đôi với hành, học ở mọi nơi, mọi lúc, mọi người, học suốt đời, coi trọng việc tự học, tự đào tạo và đào tạo lại; Phương pháp phải phù hợp với lứa tuổi, trình độ; Quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên vừa giỏi chuyên môn nghiệp vụ vừa yêu nghề, gắn bó với nghề.

b. Văn hóa văn nghệ

Văn hóa – văn nghệ là một mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng, văn nghệ sĩ phải biết đặt lợi ích của nhân dân, dân tộc lên trên hết.

Văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân, văn nghệ sĩ phải hòa mình vào quần chúng.

Phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới, chân thực về nội dung, đa dạng, phong phú về hình thức, thể loại.

c. Văn hóa đời sống

- Đạo đức mới là thực hành "cần, kiệm, liêm, chính".

- Lối sống mới là sống có lý tưởng, có đạo đức, văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hòa truyền thống dân tộc với tinh hoa văn hóa của nhân loại. Phải làm sao cho mỗi hoạt động của con người đều mang tính văn hóa.

- Nếp sống mới là nếp sống văn minh, là quá trình làm cho lối sống mới dần dần trở thành thói quen, phong tục tập quán tốt đẹp, kế thừa và phát triển những thuần phong mỹ tục lâu đời của dân tộc.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

a. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

- Đạo đức là cái gốc, là sức mạnh, tiêu chuẩn hàng đầu của người cách mạng, là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người. Cán bộ, đảng viên trước hết phải là người có đạo đức nếu không có đạo đức thì không lãnh đạo được nhân dân. Tuy nhiên, Đức phải đi đôi với tài, trong đó Đức là gốc của tài.

- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội. Sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội trước hết là ở những giá trị đạo đức cao đẹp. Người yêu cầu, mỗi cán bộ, đảng viên phải là một tấm gương đạo đức.

b. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- *Trung với nước, hiếu với dân* nghĩa là tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước... ;tin dân, yêu dân, phục vụ dân hết lòng.

- *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.*

+ *Cần* là siêng năng, chăm chỉ, lao động có kế hoạch, hiệu quả với tinh thần tự lực cánh sinh.

+ *Kiệm* là tiết kiệm thời gian, sức lực, của cải, không hoang phí, phô trương...

+ *Liêm* là trong sạch, không tham lam tiền của, địa vị, danh tiếng.

+ Chính là thẳng thắn, trung thực, không tự cao, tự đại, nịnh trên, khinh dưới, tất cả vì công việc.

+ Chí công vô tư là công bằng, công tâm, nêu cao tinh thần tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân.

- *Thương yêu con người, sống có tình nghĩa* là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất, là tình cảm rộng lớn, nếu không có nó thì không thể nói đến cách mạng, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản và phải được xây dựng trên lập trường giai cấp công nhân, đòi hỏi mỗi người phải biết nghiêm khắc với bản thân, độ lượng vị tha với người khác.

- *Tinh thần quốc tế trong sáng* là tôn trọng, hiểu biết, thương yêu, đoàn kết với giai cấp vô sản, với các dân tộc và nhân dân các nước, với những người tiến bộ toàn cầu....nhằm thực hiện những mục tiêu chung của thời đại.

d. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

- *Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức.* Đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng đạo đức mới, đối lập hoàn toàn với thói đạo đức giả, cán bộ, đảng viên phải là những tấm gương đạo đức để nhân dân noi theo.

- *Xây đi đôi với chống* gắn bó chặt chẽ với nhau. Trong đó, chú trọng xây dựng các phẩm chất, các chuẩn mực đạo đức mới. Chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức, thói quen, tập quán lạc hậu, chủ nghĩa cá nhân.

- *Tu dưỡng đạo đức suốt đời*, nghĩa là mỗi người phải tự giác rèn luyện thông qua hoạt động thực tiễn, công việc và các mối quan hệ; phải kiên trì rèn luyện, tu dưỡng suốt đời như công việc rửa mặt hàng ngày để phát huy cái tốt, khắc phục cái xấu trong mỗi người.

2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

a. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

- Đạo đức tạo nên sức mạnh nội sinh để con người vượt qua khó khăn, đạo đức giúp nâng cao giá trị bản thân, những người có đạo đức là những người cao thượng

- Do đó sinh viên cần phải kiên trì tu dưỡng theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh như: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, yêu khoa học và kỷ luật.

- Phải rèn luyện những đức tính như: trung thành, tận tụy, thật thà, chính trực; xác định rõ nhiệm vụ của mình; chống chủ nghĩa cá nhân, ham danh lợi; chống thói lười biếng kiêu ngạo, coi thường lao động; xác định rõ bạn và thù...

b. Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

** Thực trạng đạo đức lối sống trong sinh viên hiện nay*

Phần lớn sinh viên, thanh niên trí thức vẫn giữ được lối sống tình nghĩa, trong sạch, lành mạnh, khiêm tốn, cần cù, sáng tạo, có bản lĩnh, có ý chí, gắn bó với nhân dân, đồng hành cùng dân tộc...

Bên cạnh đó, một bộ phận sinh viên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, sống thực dụng, thờ ơ với gia đình và xã hội, sa vào các tệ nạn...

** Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*

Học trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng;

Học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời tư trong sạch, nếp sống giản dị, đức khiêm tốn phi thường;

Học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, trọng dân, gần dân, yêu dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, nhân ái, vị tha, khoan dung độ lượng với con người;

Học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt mọi khó khăn, thử thách để đạt mục đích tốt đẹp.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

a. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể

- Hồ Chí Minh xem xét con người như một chỉnh thể thống nhất về tâm lực, thể lực cũng như các hoạt động và luôn có xu hướng vươn tới Chân - Thiện - Mỹ.

- Xem xét con người trong tính đa dạng: đa dạng trong quan hệ xã hội; trong tính cách, khát vọng, phẩm chất, khả năng; trong hoàn cảnh xuất thân, điều kiện sống, làm việc...

- Xem xét con người trong sự thống nhất của hai mặt đối lập: thiện và ác, hay và dở, tốt và xấu, hiền và dữ..., bao gồm cả mặt xã hội và sinh học.

b. Con người cụ thể, lịch sử

Hồ Chí Minh đặt con người trong bối cảnh lịch sử cụ thể, trong các mối quan hệ xã hội, giai cấp, giới tính, nghề nghiệp, trong khối thống nhất của cộng đồng dân tộc và quan hệ quốc tế. Đó là con người hiện thực, cụ thể, khách quan.

b. Bản chất con người mang tính xã hội

Qua lao động sản xuất để sinh tồn, các mối quan hệ giữa người với người được xác lập;

Con người là tổng hợp các quan hệ xã hội từ hẹp đến rộng.

=> Con người là sản phẩm của xã hội.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò, vị trí của con người

- *Con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng.* Nhân dân là người sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần, là yếu tố quyết định thành công của cách mạng.

- *Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng; phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người*

+ *Con người là mục tiêu cách mạng nên mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng đều vì lợi ích chính đáng của con người.*

+ *Con người là động lực của cách mạng khi có được giác ngộ và tổ chức, có trí tuệ, có bản lĩnh, đạo đức*

=> Chăm lo cho con người mục tiêu tốt bao nhiêu thì sẽ tạo thành con người động lực tốt bấy nhiêu và ngược lại.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”

- “Trồng người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng, do đó con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển.

- Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa, nghĩa là phải đặt nhiệm vụ xây dựng con người ngay từ đầu. Con người XHCN là con người biết kế thừa những giá trị tốt đẹp của dân tộc, có trí tuệ, bản lĩnh, đạo đức...

- Chiến lược “trồng người” là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, GD&ĐT giữ vị trí quan trọng nhất quyết định thành công của chiến lược trồng người. Trồng người là công việc trăm năm nên không thể nóng vội, tùy tiện.

KẾT LUẬN

Trong lĩnh vực văn hóa, Người đã sớm nhận thấy vai trò, sức mạnh của VH, sớm đưa văn hóa vào chiến lược phát triển của đất nước, đồng thời xây dựng được một hệ thống quan điểm mang tính bao quát để xây dựng nền văn hoá mới ở Việt Nam.

Trong lĩnh vực đạo đức, bên cạnh việc đề cao vai trò của đạo đức đối với đời sống, Người còn góp phần hoàn thiện tư tưởng đạo đức học Mácxít bằng việc xây dựng nên những chuẩn mực đạo đức cơ bản, những nguyên tắc trong việc xây dựng một nền đạo đức mới ở Việt Nam.

Trong lĩnh vực xây dựng con người mới, Bác đã có những đóng góp quan trọng, mới mẻ về cả lý luận và thực tiễn định hướng cho Đảng ta đề ra những chủ trương, chính sách phù hợp nhằm phát triển giáo dục đạo tạo, xây dựng con người mới trong thời kỳ hội nhập./.

PHẦN II

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH – NHỮNG CÂU HỎI TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM THƯỜNG GẶP

(Phục vụ ôn tập kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần, hội thi thi truyền thống olympic các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1: Trình bày khái niệm tư tưởng, nhà tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh, qua đó cho biết điểm khác biệt giữa nhà tư tưởng Hồ Chí Minh với các nhà tư tưởng khác?

- Yêu cầu của câu hỏi: Sinh viên phải nêu được 3 định nghĩa: Tư tưởng; nhà tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở định nghĩa về nhà tư tưởng của Lênin và hiểu biết của cá nhân, kiến thức từ bài giảng trên lớp chỉ ra được điểm khác biệt giữa nhà tư tưởng Hồ Chí Minh với những nhà tư tưởng khác:

Gợi ý trả lời:

- Khái niệm tư tưởng: Tư tưởng là sự phản ánh hiện thực trong ý thức, là biểu hiện mối quan hệ của con người với thế giới chung quanh. Theo nghĩa hẹp, tư tưởng là những suy nghĩ, ý nghĩ, ý tưởng đơn lẻ của một cá nhân; Theo nghĩa rộng, tư tưởng là một hệ thống

những quan điểm, quan niệm, luận điểm được xây dựng trên một nền tảng triết học (thế giới quan và phương pháp luận) nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc, được hình thành trên cơ sở thực tiễn nhất định và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực. Khái niệm tư tưởng trong thuật ngữ Tư tưởng Hồ Chí Minh được hiểu theo nghĩa này.

- “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả sự vận dụng sáng tạo và phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta; đồng thời là sự kết hợp tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người”¹.

- Theo Lênin, nhà tư tưởng không nhất thiết phải có một tác phẩm lý luận mà là người biết giải quyết trước người khác tất cả những vấn đề chính trị sách lược, các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào không phải một cách tự phát.

- Điểm khác biệt lớn nhất giữa nhà tư tưởng Hồ Chí Minh với các nhà tư tưởng khác (sinh viên tự theo dõi, tìm hiểu để trả lời ý này)

Câu 2. Anh/chị hãy xác định đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của môn học và mối quan hệ giữa môn Tư tưởng Hồ Chí Minh với các môn lý luận chính trị khác?

a. Yêu cầu của câu hỏi: Sinh viên phải xác định được chính xác đối tượng nghiên cứu của môn học cũng như nhiệm vụ nghiên cứu của môn học, từ đó xác định được các vấn đề trọng tâm của chương trình môn học, lý giải được vì sao môn học này lại học sau môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và trước môn Đường lối

1. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 19.

cách mạng của Đảng.

b. Gợi ý trả lời

- Đối tượng nghiên cứu của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là hệ thống quan điểm, quan niệm, lý luận về cách mạng Việt Nam được phản ánh trong các bài nói, bài viết cũng như trong quá trình chỉ đạo thực tiễn cách mạng Việt Nam được Đảng vận dụng, phát triển sáng tạo qua các giai đoạn cách mạng mà hạt nhân cốt lõi là tư tưởng “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”. Do đó, nghiên cứu tư tưởng HCM không có nghĩa là nghiên cứu các bài nói, bài viết mà nghiên cứu cả quá trình chỉ đạo thực tiễn cách mạng của Bác, quá trình vận dụng, hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng.

- Nhiệm vụ nghiên cứu Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm làm rõ các nội dung sau:

+ Cơ sở (khách quan và chủ quan) hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm khẳng định sự ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu để giải đáp các vấn đề lịch sử dân tộc đặt ra;

+ Các giai đoạn hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Vai trò, nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam;

+ Quá trình nhận thức, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng của Đảng và Nhà nước ta;

+ Các giá trị tư tưởng, lý luận của Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

- Mối quan hệ giữa môn Tư tưởng HCM với các môn lý luận chính trị khác

+ Với môn học *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin* cung cấp nền tảng kiến thức để chúng ta nghiên cứu, giảng dạy và học tập tốt tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Với môn *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* thì việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm trang bị cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học để nắm vững kiến thức về môn học này.

Câu 3: Để nghiên cứu, học tập tốt môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, theo anh/chị, chúng ta phải dựa trên những nguyên tắc, quan điểm phương pháp luận và phương pháp cụ thể nào?

a. Yêu cầu của câu hỏi: Sinh viên phải trình 5 quan điểm, nguyên tắc có tính phương pháp luận và các phương pháp cụ thể.

b. Gợi ý trả lời

- Một số nguyên tắc phương pháp luận nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh:

+ Nguyên tắc bảo đảm sự thống nhất nguyên tắc tính Đảng và tính khoa học, nghĩa là phải đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối của Đảng nhưng phải đảm bảo tính khách quan trong nghiên cứu, học tập;

+ Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn nghĩa là phải biết vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống, thực tiễn;

+ Quan điểm lịch sử - cụ thể;

+ Quan điểm toàn diện và hệ thống;

+ Quan điểm kế thừa và phát triển;

+ Kết hợp nghiên cứu các tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Hồ Chí Minh.

- Các phương pháp cụ thể gồm có: Phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp liên ngành, phương pháp phân tích, tổng hợp, điều tra, điền dã, thống kê, so sánh, đối chiếu, văn bản học, phỏng vấn nhân vật lịch sử...Trong đó, phương pháp lịch sử và phương pháp logic là hai phương pháp nền tảng trong nghiên cứu Tư tưởng HCM.

Câu 4: Vì sao sinh viên, thanh niên phải học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh?

a. Yêu cầu của câu hỏi: Xác định được những lý do mà sinh viên cần phải học tập môn học này gồm: Những vấn đề lý luận, thực tiễn Việt Nam và thế giới; tư tưởng, lối sống của sinh viên; giá trị, ý nghĩa của việc học tập môn học này đối với thế hệ trẻ.

b. Gợi ý trả lời

- Những vấn đề lý luận, thực tiễn Việt Nam và thế giới; tư tưởng, lối sống của sinh viên (sinh viên phải tự nắm bắt và trả lời)

- Đại hội VII (6/1991) của Đảng đã khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Đến Đại hội XI, Đảng ta tư tưởng HCM chính là ngọn đuốc “soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”. Do đó, việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là hết sức cần thiết cho toàn Đảng, toàn dân.

- Riêng đối với sinh viên, việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa vô cùng quan trọng:

Thứ nhất, giúp sinh viên nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác, cụ thể:

+ Nâng cao nhận thức của sinh viên về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đời sống cách mạng Việt Nam; làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh

thần của thể hệ trẻ;

+ Bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên, thanh niên quan điểm cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc, gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh, phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước;

+ Giúp sinh viên biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

Thứ hai, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, rèn luyện bản lĩnh chính trị cho sinh viên, cụ thể:

+ Góp phần giáo dục đạo đức, tư cách, phẩm chất cách mạng. Biết sống ở đời và làm người hợp đạo lý, yêu cái tốt, cái thiện, ghét cái ác, cái xấu;

+ Nâng cao lòng tự hào về Người, về Đảng Cộng sản Việt Nam, tự nguyện “sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”

+ Vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng theo con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

Câu 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành trong bối cảnh lịch sử như thế nào?

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên cần trình bày được các sự kiện lịch sử trong nước và thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX có tác động đến việc hình thành tư tưởng HCM

b. Gợi ý trả lời

*** Bối cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX**

- Giữa thế kỷ XIX, nhà Nguyễn đã khuất phục trước sự xâm lược của TDP, từ một quốc gia phong kiến độc lập, Việt Nam trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến.

- Hệ tư tưởng phong kiến đã tỏ ra lỗi thời trước các nhiệm vụ lịch sử, mà biểu hiện rõ nét chính là sự thất bại của phong trào Cần vương năm 1895.

- Do tác động của cuộc khai thác thuộc địa (Pháp tiến hành từ 1897) đã làm xuất hiện các giai cấp tầng lớp mới trong xã hội Việt Nam (công nhân, tư sản, tiểu tư sản), tạo tiền đề bên trong cho phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX.

- Do ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản, các phong trào cải cách ở Nhật Bản, Trung Quốc đã đưa cách mạng Việt Nam đi theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản với hai đại diện tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh nhưng cuối cùng cũng thất bại.

- Sự thất bại của phong trào Cần Vương, phong trào nông dân Yên Thế và các phong trào cứu nước theo hệ tư tưởng tư sản đã đặt ra một nhiệm vụ mới, đó là tìm ra con đường mới, giai cấp lãnh đạo mới cho cách mạng Việt Nam.

*** *Bối cảnh quốc tế***

- Chủ nghĩa đế quốc ra đời và đã xác lập được sự thống trị trên phạm vi thế giới. Chủ nghĩa đế quốc là một hiện tượng quốc tế, một hệ thống thế giới, trở thành kẻ thù chung của nhân dân thế giới.

- Trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Nga, nhân dân Nga và các thuộc địa của Nga đã làm nên cuộc cách mạng tháng 10 vĩ đại, mở ra một thời đại mới, thời đại chống đế quốc, giải phóng dân tộc.

- Sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (3/1919) đã gắn kết chặt chẽ phong trào công nhân ở chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc

ở thuộc địa trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là CNĐQ.

Câu 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành dựa trên những tiền đề tư tưởng - lý luận nào? Theo anh/chị, tiền đề nào đóng vai trò quan trọng nhất, vì sao?

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên phải trình bày được 3 tiền đề tư tưởng, lý luận hình thành tư tưởng HCM, đó là truyền thống dân tộc, văn hóa nhân loại và chủ nghĩa Mác – Lênin, tự rút ra tiền đề quan trọng nhất và lý giải cho quan điểm của mình.

b. Gợi ý trả lời

*** Những tiền đề tư tưởng – lý luận**

- *Giá trị truyền thống dân tộc*

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết bắt nguồn từ các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc như: yêu nước, đoàn kết, kiên cường, bất khuất, tinh thần tương thân tương ái, ý chí vượt khó vươn lên, trí thông minh sáng tạo, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa dân tộc ... Trong đó, chủ nghĩa yêu nước là truyền thống cao quý nhất, là cội nguồn sức mạnh, chuẩn mực đạo đức cơ bản của dân tộc Việt Nam.

- *Giá trị truyền thống dân tộc chính là tiền đề tư tưởng lý luận xuất phát hình thành Tư tưởng HCM, trong đó chủ nghĩa yêu nước chính là nhân tố thúc giục Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.*

- *Tinh hoa văn hoá nhân loại*

+ *Văn hoá phương Đông, Người đã chắt lọc được những giá trị tinh túy trong các học thuyết triết học, tư tưởng. Cụ thể: Nho giáo, Bác đã tiếp thu triết lý hành động, tư tưởng nhập thế hành đạo, giúp đời, ước vọng về một xã hội bình trị, triết lý nhân sinh; tu*

thân dưỡng tính, truyền thống hiếu học...; *Phật giáo*, Người tiếp thu tư tưởng vị tha, từ bi bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân, nếp sống giản dị, trong sạch, có đạo đức, chăm làm điều thiện, đề cao lao động, gắn bó với đời...; *Người cũng tìm thấy ở Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn* “những điều thích hợp với điều kiện của nước ta”.

- *Văn hoá phương Tây*, Người tiếp thu tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái trong tư tưởng của các nhà triết học khai sáng Pháp; Tiếp thu giá trị tốt đẹp về quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của nước Pháp.

- *Chủ nghĩa Mác – Lênin* là tiền đề lý luận trực tiếp, quyết định bản chất cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của tư tưởng HCM.

+ Người đến với *Chủ nghĩa Mác – Lênin* một cách tình cờ khi đọc bản Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920), nhờ đó Người đã tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc.

+ Người luôn tiếp thu có chọn lọc, không giáo điều, rập khuôn, nắm lấy cái tinh thần, bản chất của nó, vận dụng lập trường quan điểm của *Chủ nghĩa Mác – Lênin* để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

*** Tiền đề nào đóng vai trò quan trọng nhất, vì sao?** (từ những tiền đề tư tưởng lý luận đã nêu trên, sinh viên tự rút ra tiền đề nào là quan trọng nhất trong việc hình thành tư tưởng HCM, đưa ra những lý giải thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình).

Câu 7. Những phẩm chất cá nhân nào góp phần hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? Vì sao nói tư tưởng HCM là sản

phẩm tổng hòa của những điều kiện khách quan và chủ quan?

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên phải nêu được 3 phẩm chất quan trọng hình thành tư tưởng HCM là khả năng tư duy và trí tuệ uyên bác, phẩm chất đạo đức và năng lực hoạt động thực tiễn không mệt mỏi của người. Kết hợp với hiểu biết về điều kiện lịch sử hình thành tư tưởng HCM để trả lời ý thứ 2 của câu hỏi.

b. Gợi ý trả lời

**** Những phẩm chất cá nhân nào góp phần hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh***

- Khả năng tư duy, trí tuệ của HCM là phẩm chất chủ quan quan trọng nhất, quyết định việc hình thành tư tưởng HCM bởi vì:

+ Chỉ khi có khả năng tư duy duy độc lập, nhạy bén, tự chủ, sáng tạo cộng với đầu óc phê phán tinh tường mới giúp Người tìm hiểu, chất lọc những tinh túy của văn hóa Đông Tây.

+ Nhờ khả năng tư duy, trí tuệ đặc biệt mà Người mới có thể khám phá ra các quy luật vận động của xã hội, của văn hóa, của cuộc đấu tranh thông qua quan sát thực tiễn, khái quát thực tiễn thành lý luận, đem lý luận để chỉ đạo thực tiễn.

- Phẩm chất đạo đức HCM là nhân tố quan trọng, nhờ đó mà Người luôn giành được tình cảm đặc biệt của bạn bè, của nhân dân, luôn nhận được sự giúp đỡ từ bạn bè, ủng hộ của nhân dân trong những năm tháng hoạt động khó khăn gian khổ, tù đầy.

+ Biểu hiện rõ nét của phẩm chất này chính là sự chân thành, tận tụy, khiêm tốn, giản dị, kiên định..., suốt đời phấn đấu cho mục tiêu độc lập dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

- Năng lực hoạt động thực tiễn là một phẩm chất hiếm có, giúp Người vượt qua khó khăn gian khổ, hoạt động có hiệu quả trong cuộc

đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc. Hơn 30 hoạt động ở nước ngoài, Người luôn để lại những dấu ấn sâu sắc trong các phong trào đấu tranh ở các nước mà Người làm việc và hoạt động. Cũng nhờ năng lực này mà Bác đã vượt qua con mắt theo dõi của mật thám pháp trong gần 40 năm

=> Chính những phẩm chất cá nhân hiếm có đó đã giúp Hồ Chí Minh tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hóa, phát triển tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại thành tư tưởng đặc sắc của mình.

*** Tư tưởng HCM là sản phẩm tổng hòa của những điều kiện khách quan và chủ quan** (Để trả lời được câu hỏi này yêu cầu sinh viên nắm được những điều kiện lịch sử trong nước và quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX (điều kiện khách quan) kết hợp với việc trả lời ý 1 của câu hỏi (điều kiện chủ quan) để lý giải.

Câu 8: Phân tích các yếu tố tác động đến việc hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước của Nguyễn Tất Thành trong giai đoạn trước năm 1911. Theo anh/chị yếu tố nào mang tính nền tảng, yếu tố nào có tác động mạnh nhất, vì sao?

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên phải trình bày được các yếu tố tác động đến hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước của Nguyễn Tất Thành, bao gồm: Quê hương, gia đình và thực tế xã hội. Xác định được yếu tố nền tảng, yếu tố có tác động mạnh nhất đến việc hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước của Người.

b. Gợi ý trả lời

*** Các yếu tố tác động đến việc hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước của Nguyễn Tất Thành**

- Gia đình

+ Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, gần gũi với nhân dân. Từ những kiến thức ở cha và những tư tưởng mới của

thời đại được Người nâng lên thành tư tưởng cốt lõi trong đường lối chính trị của mình.

+ Thân mẫu - bà Hoàng Thị Loan, nhân hậu, tần tảo, sống chan hòa với mọi người cũng có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng, tình cảm của Người.

+ Môi quan hệ tác động giữa ba chị em của Người về lòng yêu nước thương nòi.

- Quê hương: Người sinh ra trên quê hương Nghệ Tĩnh giàu truyền thống văn hóa, hiếu học, cần cù trong lao động, kiên cường bất khuất trong đấu tranh chống ngoại xâm... nơi sản sinh ra nhiều anh hùng trong lịch sử dân tộc.

- Thực tiễn xã hội:

+ Người tận mắt chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, bị áp bức bóc lột đến cùng cực của đồng bào mình;

+ Tội ác của thực dân Pháp;

+ Thái độ uơon hèn của bọn phong kiến Nam triều;

+ Bài học thất bại của các nhà yêu nước tiền bối đương thời...

=> Đã thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước.

*** Yếu tố nào mang tính nền tảng, yếu tố nào có tác động mạnh nhất** (Qua trình bày các yếu tố ở trên, sinh viên phải lựa chọn ra được 1 yếu tố mang tính nền tảng và một yếu tố mang tính quyết định, lý giải để bảo vệ quan điểm của mình).

Câu 9. Vì sao nói trong giai đoạn 1911 – 1920, HCM đã tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc? Sự kiện nào chứng tỏ sự chuyển biến về chất trong tư tưởng HCM ở giai đoạn này?

a. Yêu cầu câu hỏi : Sinh viên trình bày nội dung của giai đoạn 1911 – 1920, xác định được sự kiện chứng tỏ Bác đã tìm được con đường giải phóng dân tộc, sự kiện tạo nên sự chuyển biến về chất trong tư tưởng của Bác, sự chuyển biến đó nó thể hiện như thế nào.

b. Gợi ý trả lời:

**** HCM đã tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc***

- Người đã đi qua nhiều nước tư bản và phụ thuộc và nhận thấy nhân dân lao động ở đâu cũng bị áp bức, bóc lột và đều mong muốn được giải phóng => nảy sinh ý thức về sự cần thiết phải đoàn kết những người bị áp bức trên toàn thế giới đấu tranh cho nguyện vọng và quyền lợi chung.

- Sau khi trở lại Pháp (1917), Người tích tham gia các hoạt động chính trị sôi nổi ở Paris. Đến năm 1919, Người gửi Bản Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc xây và tham gia Đảng Xã hội Pháp. Tuy nhiên, Bản yêu sách không được đáp ứng đã đã giúp HCM nhận thức được rằng “muốn cứu nước giải phóng dân tộc thì phải dựa vào chính sức mạng của dân tộc mình”.

- 7/1920, Người đọc Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, luận cương đã giải đáp cho Người con đường giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, điều đó khiến người sáng tỏ, tin tưởng, phấn khởi, vui mừng đến phát khóc.

- 12/1920, tại Đại hội Tua, Người bỏ phiếu tán thành Quốc tế III trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng của Người.

**** Sự kiện chứng tỏ sự chuyển biến về chất trong tư tưởng HCM (Đó chính là sự kiện cuối cùng, sinh viên dựa vào những biểu hiện của sự chuyển biến để lý giải vì sao).***

Câu 11. Trong thời kỳ 1921 – 1930, những tư tưởng cơ bản nào của HCM về cách mạng Việt Nam đã được hình thành?

a. Yêu cầu câu hỏi: Thông qua việc trình bày những sự kiện

trong giai đoạn 1921 – 1930, sinh viên phải trình bày được các nội dung cơ bản của tư tưởng HCM về cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

b. Gợi ý trả lời

- Đây là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc có những hoạt động thực tiễn và lý luận sôi nổi ở Pháp (1921-1923), Liên Xô (1923-1924), Trung Quốc (1924-1927), Thái Lan (1928-1929), chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong những hoạt động đó, nổi bật hơn cả là hoạt động báo chí, đào tạo cán bộ, xuất bản sách.

+ Về hoạt động báo chí, người đăng nhiều bài báo trên các tờ báo tiến bộ ở Pháp, Liên Xô, trong đó có tờ Người cùng khổ do Người sáng lập.

+ Về hoạt động đào tạo tạo cán bộ được Người tiến hành ở Quảng Châu (Trung Quốc) từ 1925 – 1927, các bài giảng sau đó đã được xuất bản thành tác phẩm

+ Về xuất bản sách, bên cạnh cuốn *Đường Kách mệnh* (1927), cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925) và *Cương lĩnh đầu tiên của Đảng* (1930) cũng được Bác viết, xuất bản.

- Những bài viết, tác phẩm có tính chất lý luận nói trên chứa đựng những nội dung căn bản của Tư tưởng HCM về cách mạng giải phóng dân tộc, cụ thể:

+ Bản chất chủ nghĩa thực dân là ăn cướp, giết người => kẻ thù chung của nhân dân lao động toàn thế giới.

+ Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải đi theo con đường cách mạng vô sản, là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

+ Cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ khăng khít với nhau nhưng cách mạng giải phóng dân tộc có thể bùng nổ và giành thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc.

+ Tính chất của cách mạng thuộc địa là cách mạng giải phóng dân tộc với mục tiêu giành lại độc lập, tự do.

+ Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc, trong đó liên minh công nông là nền tảng.

+ Lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc là giai cấp công nhân, thông qua đội tiên phong của mình Đảng Cộng sản. Đảng phải theo chủ nghĩa Mác - Lênin và phải có một đội ngũ cán bộ sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì lý tưởng của Đảng, vì lợi ích và sự tồn vong của dân tộc, vì lý tưởng giải phóng giai cấp công nhân và nhân loại.

+ Cách mạng là sự nghiệp của dân chúng chứ không phải việc của một hai người. Vì vậy, phải tập hợp, giác ngộ, tổ chức quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao.

Câu 12. Vì sao nói trong thời kỳ 1930 – 1945, HCM đã phải vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng, từ đó rút ra bài học cho bản thân.

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên phải trình bày được các thử thách mà Bác gặp phải trong giai đoạn này là gì? Bác đã kiên trì vượt qua thử thách đó như thế nào? Sự kiện nào chứng tỏ Bác đã vượt qua những thử thách. Từ đó tự rút ra những bài học cho bản thân.

b. Gợi ý trả lời

**** HCM đã phải vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng***

- Đây là thời kỳ có những bất đồng quan điểm giữa Nguyễn Ái Quốc với Quốc tế Cộng sản trong vấn đề cách mạng thuộc địa. Sau Hội nghị hợp nhất Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930), HCM bị Quốc tế Cộng sản phê phán là “chỉ lo đến việc phản đế, mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu”, bị đưa khỏi Ban Phương Đông để đi học nhằm tách Bác ra khỏi phong trào cách mạng.

- Do ảnh hưởng của khuynh hướng tả của Quốc tế Cộng sản, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng đã phê phán và thủ tiêu đường lối của Nguyễn Ái Quốc trong *Chánh cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt*, đổi lại tên Đảng.

- Đứng trước những hiểu lầm nghiêm trọng từ phía Quốc tế cộng sản và Đảng, Người vẫn chấp hành sự phân công của tổ chức nhưng vẫn kiên trì bảo vệ những quan điểm của mình.

- 7/1935, Đại hội VII Quốc tế Cộng sản đã phê phán khuynh hướng tả, chủ trương mở rộng mặt trận dân tộc chống Phát xít, chứng tỏ những quan điểm của Bác là đúng đắn.

- Từ 1939, Đảng ta cũng đã quay lại với những quan điểm của Bác về vấn đề phân hóa kẻ thù, tranh thủ lực lượng của toàn dân tộc trong *Chánh cương vắn tắt*, *Sách lược vắn tắt*, đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của sự vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin, là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.

* ***Bài học cho bản thân*** (Tinh thần, ý trí kiên trì giữ vững lập trường, quan điểm, mục tiêu, lý tưởng trong trong những lúc khó khăn đã để lại cho sinh viên những bài học như thế nào?)

Câu 13. Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện

trong bối cảnh lịch sử như thế nào?

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên phải trình bày được những nét cơ bản trong lịch sử Việt Nam giai đoạn 1945 – 1969, giai đoạn mà Bác cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, cũng từ thực tiễn lãnh đạo đó mà tư tưởng của Bác đã được bổ sung, phát triển, hoàn thiện.

b. Gợi ý trả lời

- Sau khi CMT8 thành công, nước ta phải đứng trước tình thế vô cùng khó khăn, thù trong, giặc ngoài, nạn đói, nạn dốt hoành hành. Trong bối cảnh đó, Người đã chủ trương củng cố chính quyền non trẻ, đẩy lùi giặc đói, giặc dốt, tìm cách loại bỏ bớt kẻ thù và chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho cuộc kháng chiến mới.

- 12/1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Người đã đề ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh, vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Nhờ đường lối này, sau 9 năm nhân dân ta đã giành được thắng lợi,

- Từ 1954 – 1969, Người tiếp tục cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên tinh thần không có gì quý hơn độc lập tự do và công cuộc khôi phục kinh tế, xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc

- Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được bổ sung, phát triển và hoàn thiện, hợp thành một hệ thống những quan điểm lý luận về cách mạng Việt Nam, đó là: Tư tưởng về kháng chiến kiến quốc, về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về xây dựng Đảng với tư cách là một đảng cầm quyền...

Câu 14: Phân tích giá trị, ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên phải phân tích được giá trị của tư tưởng HCM đối với Đảng, dân tộc, ý nghĩa của tư tưởng HCM đối với cách mạng Việt Nam.

b. Gợi ý trả lời

*** Tư tưởng HCM là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc.**

- Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu, kế thừa những giá trị tinh hoa văn hoá nhân loại, chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn đáp ứng nhiều vấn đề của thời đại, của sự nghiệp cách mạng Việt Nam và thế giới.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhân tố đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam, cho tương lai của dân tộc đã được thực tiễn kiểm nghiệm tính đúng đắn.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp và con người.

=> Là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc, trường tồn, bất diệt.

*** Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam**

- Trong suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ dẫn dắt cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

- Trong bối cảnh thế giới ngày nay, tư tưởng Hồ Chí Minh giúp chúng ta nhận thức đúng những vấn đề lớn có liên quan đến

việc bảo vệ nền độc lập dân tộc, phát triển xã hội và bảo đảm quyền con người.

- Tư tưởng HCM là nền tảng vững chắc để Đảng ta đề ra đường lối đúng đắn, là ngọn cờ dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi đến những thắng lợi mới.

- Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6/1991) đã khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”.

Câu 15: Cho biết giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng thế giới?

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên phải nêu lên được 3 giá trị cơ bản mà tư tưởng HCM để lại cho cách mạng thế giới, đó là: Phản ánh khát vọng thời đại, tìm ra giải pháp đấu tranh cho loài người và cổ vũ các dân tộc đấu tranh trong sự nghiệp giải phóng.

b. Gợi ý trả lời

*** Phản ánh khát vọng thời đại**

- Hồ Chí Minh có những cống hiến xuất sắc về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin: giành độc lập dân tộc để tiến lên chủ nghĩa xã hội; về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc; về hòa bình, hợp tác giữa các dân tộc...

- Người chỉ rõ tầm quan trọng đặc biệt của độc lập dân tộc trong tiến trình đi lên CNXH, về sự tự thân vận động và khả năng của cách mạng thuộc địa...

=> Có giá trị to lớn về mặt lý luận và đang trở thành hiện thực của nhiều vấn đề quốc tế ngày nay.

*** Tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người**

- Đóng góp lớn nhất của Hồ Chí Minh đối với thời đại là việc xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc và phương pháp để thức tỉnh hàng trăm triệu người bị áp bức trong các nước thuộc địa.

- Người xác định chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù lớn nhất của các dân tộc bị áp bức, để chiến thắng, cần phải thực hiện “đại đoàn kết”, “đại hòa hợp”.

- Đặt cách mạng giải phóng dân tộc vào phạm trù cách mạng vô sản, xác định khả năng to lớn cũng như vai trò của cách mạng thuộc địa trong cách mạng thế giới.

*** Cổ vũ các dân tộc đấu tranh trong sự nghiệp giải phóng**

- Sự nghiệp cứu nước của Hồ Chí Minh đã xóa bỏ những tủi nhục nô lệ đè nặng trên đầu nhân dân ta trong gần một thế kỷ, trở thành tấm gương để cổ vũ nhân dân thuộc địa đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- Bạn bè năm châu coi Người là “*lãnh tụ của thế giới thứ ba*”, “cuộc chiến đấu của Người là kim chỉ nam cho các dân tộc đang đấu tranh... trên toàn thế giới”, tên tuổi của Người “mãi mãi gắn bó với những hành động cao cả và những ước mơ cao quý nhất của nhân loại”.

Câu 16: Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc thuộc địa.

a. Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa

- *Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc*

Vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề dân tộc thuộc địa chứ không phải là vấn đề dân tộc nói chung. Thực chất là

vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng các dân tộc thuộc địa, giành độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh viết nhiều tác phẩm như *Tâm địa thực dân, Bình đẳng, Vực thẳm địa ngục, Công cuộc khai hóa giết người...* tố cáo chủ nghĩa thực dân, vạch trần cái gọi là “khai hóa văn minh” của chúng. Người lên án mạnh mẽ chế độ cai trị hà khắc, sự bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp ở Đông Dương trên mọi lĩnh vực. Người chỉ rõ mâu thuẫn chủ yếu ở các nước thuộc địa, đó là mâu thuẫn không thể điều hòa giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

- Lựa chọn con đường phát triển của dân tộc

Từ thực tiễn phong trào cứu nước của ông cha ta và lịch sử nhân loại, Hồ Chí Minh khẳng định phương hướng phát triển của dân tộc trong bối cảnh thời đại mới là chủ nghĩa xã hội. Trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh viết: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi đến xã hội cộng sản”. Con đường đó xét về thực chất chính là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nó phù hợp với hoàn cảnh cụ thể ở các nước thuộc địa. Đó cũng là nét độc đáo, khác biệt với con đường phát triển của các dân tộc đã phát triển lên chủ nghĩa tư bản ở phương Tây.

b. Độc lập dân tộc, nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa

- Cách tiếp cận từ quyền con người

Hồ Chí Minh hết sức trân trọng quyền con người được nêu trong *Tuyên ngôn độc lập 1776* của nước Mỹ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1791* của cách mạng Pháp, như quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Người khẳng định “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”.

Từ quyền con người, Hồ chí Minh đã khái quát và nâng lên thành quyền dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

- Nội dung của độc lập dân tộc

Lịch sử Việt Nam là lịch sử không ngừng đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đối với người dân mất nước, bị thực dân đế quốc đè đầu cưỡi cổ, tinh thần yêu nước luôn đứng ở hàng đầu của bảng giá trị tinh thần truyền thống dân tộc Việt Nam, thì độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nói: Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho tổ quốc tôi, đây là tất cả những điều tôi muốn; đây là tất cả những điều tôi hiểu.

Năm 1919, vận dụng nguyên tắc dân tộc tự quyết và thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi tới hội nghị Vécxây bản yêu sách của nhân dân An Nam đòi các quyền tự do dân chủ.

Đầu 1930, Nguyễn Ái Quốc soạn thảo *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, tư tưởng cốt lõi vẫn là độc lập, tự do cho dân tộc.

Tháng 5-1941, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành trung ương Đảng, chỉ rõ: “trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy”. Người chỉ đạo thành lập Việt Nam độc lập đồng minh.

Tháng 8-1945, Người đúc kết ý chí đấu tranh cho độc lập tự do của nhân dân ta trong câu nói bất hủ: “Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập!”

Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*, long trọng khẳng định trước toàn thể giới:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy.

Trong các thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và chính phủ các nước sau cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh trình trọng tuyên bố: Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước.

Độc lập tự do là mục tiêu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, một tư tưởng lớn trong thời đại giải phóng dân tộc. "Không có gì quý hơn độc lập tự do" là khẩu hiệu hành động của dân tộc Việt Nam đồng thời cũng là nguồn cổ vũ các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Vì thế, Hồ Chí Minh không chỉ là *Anh hùng giải phóng dân tộc* của Việt Nam mà còn là "người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX".

Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, độc lập hoàn toàn, phải đi tới dân tộc tự quyết trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, đối nội, đối ngoại. Độc lập thật sự đòi hỏi phải xóa bỏ tình trạng áp bức bóc lột và nô dịch dân tộc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị và tinh thần.

Độc lập dân tộc phải đi tới tự do, hạnh phúc của nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: Chúng ta giành được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân

chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặt đủ”. Bởi vậy, “nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì.

c. Chủ nghĩa yêu nước chân chính – Một động lực lớn của đất nước

Từ những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc đối với các dân tộc thuộc địa càng nặng nề thì phản ứng của các dân tộc bị áp bức càng quyết liệt. Không chỉ quần chúng lao động (công nhân và nông dân), mà cả các giai cấp, tầng lớp trên (tiểu tư sản, tư sản, địa chủ) đều phải chịu nỗi nhục của người dân mất nước, của một dân tộc mất độc lập, tự do.

Hồ Chí Minh khẳng định: Đối với các dân tộc phương Đông “Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước”, đó chính là chủ nghĩa yêu nước chân chính của các dân tộc thuộc địa, nó có sức mạnh to lớn và thắng lợi trước bất cứ thế lực ngoại xâm nào. Theo Người, chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân ta đã mấy năm trường chịu đựng trăm đắng nghìn cay, kiên quyết đánh cho tan bọn thực dân cướp nước và bọn việt gian bán nước, kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới.

Theo Người, chủ nghĩa dân tộc chân chính “là một bộ phận của tinh thần quốc tế”, nó khác hẳn với tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động.

Câu 17: Trình bày quan điểm của Hồ chí Minh về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

Chủ nghĩa Mác - Lênin xác định vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tuy nhiên trong mối quan hệ

này thì vấn đề giai cấp nổi lên hàng đầu và chi phối vấn đề dân tộc. Mác – Ăng ghen từng phát biểu: Hãy xóa bỏ nạn người bóc lột người, thì nạn dân tộc này đi áp bức dân tộc khác cũng sẽ được xóa bỏ. Khi mà tình trạng áp bức giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa, thì nạn thù địch giữa các dân tộc đồng thời cũng mất theo.

Lênin, trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc, nhận định vấn đề dân tộc thuộc địa là vấn đề lớn và xác định cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước chính quốc muốn thắng lợi phải liên minh với các dân tộc thuộc địa. Người đưa ra khẩu hiệu: Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại. Tuy nhiên, do chưa có điều kiện nghiên cứu sâu cuộc đấu tranh của nhân dân thuộc địa nên Lênin cho rằng, trước hết phải giải phóng giai cấp công nhân ở các nước chính quốc, sự nghiệp giải phóng dân tộc các nước thuộc địa phụ thuộc vào sự giúp đỡ của giai cấp công nhân ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Nguyễn Ái Quốc tiếp thu những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp và Người luôn đứng trên quan điểm giai cấp để giải quyết vấn đề dân tộc. Thể hiện: Người luôn khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong quá trình cách mạng Việt Nam; Người chủ trương đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công nông và các tầng lớp lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng; Thiết lập chính quyền nhà nước của dân do dân, vì dân; Gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội...

Ở thời đại nào cũng vậy, vấn đề dân tộc luôn được nhận thức và giải quyết trên lập trường quan điểm của một giai cấp nhất định. Tuy nhiên, vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết nhiệm vụ cụ thể ở một nước thuộc địa đòi hỏi Nguyễn Ái Quốc phải có sự vận dụng sáng tạo sao cho phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Ở các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc phát hiện một điều rất quan trọng, đó là “chủ nghĩa yêu nước chân chính”. Người coi đó “là động lực lớn nhất của đất nước”, nó có khả năng chiến thắng bất cứ thế lực ngoại xâm nào nếu biết tập hợp nó lại. Người khẳng định: “Người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của họ”.

Ngoài ra, do yêu cầu bức thiết của việc đấu tranh giải phóng dân tộc không cho phép ỷ lại, trông chờ vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở châu Âu. Các dân tộc thuộc địa phải chủ động, dựa vào sức của chính mình, đồng thời biết tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới. Tháng 5/1941, Người khẳng định: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp trâu ngựa, mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được.”

Tư tưởng Hồ Chí Minh vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại mới, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Trước hết phải đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc, từ đó tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chỉ có xóa bỏ tận gốc tình trạng áp bức, bóc lột; thiết lập một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, mới bảo đảm cho người lao động có quyền làm chủ, mới thực hiện được sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội. Hồ Chí Minh nói: “Nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Người khẳng định: “Yêu tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mới ngày một ấm no thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm.”

Là một chiến sĩ quốc tế chân chính, Hồ Chí Minh thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Người không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc Việt Nam, mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc bị áp bức. Ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước chân chính luôn thống nhất với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Người nhiệt liệt ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ xâm lược của nhân dân Lào và Campuchia, Người đề ra khẩu hiệu “giúp bạn là tự giúp mình”. Người chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới.

Câu 18: Trình bày tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

- Sự phân hóa của xã hội thuộc địa

Hồ Chí Minh nhận thấy *sự phân hóa giai cấp ở các nước thuộc địa phương Đông không giống như các nước tư bản phương Tây*. Các giai cấp ở các nước thuộc địa tuy có sự khác nhau ít nhiều, nhưng đều có chung số phận mất nước, giữa họ vẫn có sự tương đồng lớn, dù là địa chủ hay nông dân, họ đều chịu chung số phận là người nô lệ mất nước.

- Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa

Dưới tác động của chính sách bóc lột, tô thuế và cướp đoạt ruộng đất, cùng với chính sách cai trị của chủ nghĩa đế quốc, mỗi giai cấp trong xã hội thuộc địa có địa vị kinh tế, thái độ chính trị khác nhau, thậm chí có lợi ích ngược chiều nhau, nhưng nổi lên mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với đế quốc xâm lược và tay sai của chúng. Nếu như ở các nước tư bản phải tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp, thì ở các nước thuộc địa trước hết phải tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

- *Đối tượng của cách mạng ở các nước thuộc địa không phải là giai cấp tư sản bản xứ, cũng không phải giai cấp địa chủ nói chung, mà là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động. Do đó cách mạng ở thuộc địa trước hết phải “lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc”, chứ chưa phải là là cuộc cách mạng xóa bỏ sự tư hữu và áp bức bóc lột nói chung.*

Mặt khác, Hồ Chí Minh luôn phân biệt rõ bọn thực dân xâm lược với nhân dân ở các nước tư bản. Người kêu gọi nhân dân các nước phản đối chiến tranh xâm lược thuộc địa, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam.

- *Yêu cầu bức thiết của nhân dân các nước thuộc địa là độc lập dân tộc. Trong phong trào cộng sản quốc tế, có quan điểm cho rằng “vấn đề cơ bản của cách mạng thuộc địa là vấn đề nông dân”, và chủ trương nhấn mạnh vấn đề ruộng đất, nhấn mạnh đấu tranh giai cấp.*

Ở các nước thuộc địa, nông dân là lực lượng đông đảo, chiếm hơn 90% trong lực lượng toàn dân tộc. Thực dân Pháp thống trị và bóc lột nhân dân Việt Nam, chủ yếu là thống trị, bóc lột nông dân. Họ là nạn nhân chính của chính sách khai thác thuộc địa, bóc lột tô thuế và cướp đoạt ruộng đất. Vì thế, kẻ thù số một của nông dân là bọn đế quốc thực dân. Họ có hai yêu cầu: độc lập dân tộc và ruộng đất, nhưng họ luôn đặt yêu cầu độc lập dân tộc cao hơn so với yêu cầu ruộng đất.

Cùng với nông dân, tất cả các giai cấp, tầng lớp khác nhau đều có nguyện vọng chung là “cứu giống nòi” ra khỏi cảnh “nước sôi lửa bỏng”. Việc cứu nước là việc chung của cả dân tộc bị áp bức.

- *Tính chất, nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa.*

Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc phân biệt ba loại cách

mạng: cách mạng tư sản, cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc; Người nhấn mạnh *tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc*. Người giải thích: nông dân là bộ phận có số lượng lớn nhất trong dân tộc, nên giải phóng dân tộc chủ yếu là giải phóng nông dân. Họ có yêu cầu về ruộng đất, nhưng nhiệm vụ ruộng đất cần tiến hành từng bước thích hợp. Khi đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, yêu cầu đó sẽ được đáp ứng một phần, vì ruộng đất của bọn đế quốc và tay sai sẽ thuộc về nông dân.

- Mục tiêu của cách mạng ở thuộc địa

Mục tiêu cấp thiết của cách mạng ở thuộc địa chưa phải là giành quyền lợi riêng biệt cho mỗi giai cấp, mà là quyền lợi chung của toàn dân tộc. Đó là mục tiêu phù hợp với xu thế của thời đại chống đế quốc, giải phóng dân tộc, đáp ứng nguyện vọng độc lập, tự do của quần chúng nhân dân. Trong hội nghị lần thứ VIII Ban chấp hành trung ương Đảng (5-1941) Hồ Chí Minh khẳng định dứt khoát: Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, đó là cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng phải giải quyết một vấn đề cần kíp là “dân tộc giải phóng”, vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng giải phóng. Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”, chỉ chia lại công điền và ruộng đất “tịch thu của Việt gian phản quốc” cho dân cày nghèo chứ không tịch thu ruộng đất của giai cấp địa chủ nói chung.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 cũng như ba mươi năm cách mạng Việt Nam 1945-1975 trước hết là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và tư tưởng độc lập, tự do của Hồ Chí Minh.

Câu 19: Vì sao Hồ Chí Minh khẳng định cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

a. Rút ra bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó

Để giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, ông cha ta đã sử dụng nhiều con đường gắn với khuynh hướng chính trị khác nhau, với những hệ tư tưởng khác nhau. Nhưng tất cả các phong trào cứu nước của ông cha ta, dù đã diễn ra vô cùng anh dũng, nhưng rốt cuộc đều bị thực dân Pháp chìm trong biển máu. Đất nước lâm vào tình hình đen tối tưởng như không có đường ra. Đó là tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nó đặt ra yêu cầu bức thiết phải tìm ra một con đường cứu nước mới hiệu quả hơn.

Lớn lên trong một đất nước bị biến thành thuộc địa, được chứng kiến các phong trào cứu nước của ông cha ta, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy: Con đường của Phan Bội Châu chẳng khác gì *đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau*; Con đường của Phan Châu Trinh chẳng khác gì *xin giặc rủ lòng thương*; Con đường của Hoàng Hoa Thám tuy có phần thực tế hơn, nhưng vẫn mang nặng *cốt cách phong kiến*. Chính từ thực tế đó, dù khâm phục tinh thần cứu nước của các vị tiền bối, nhưng Nguyễn Ái Quốc không tán thành các con đường của họ, mà quyết tâm đi tìm một con đường mới.

b. Cách mạng tư sản là không triệt để

Trong khoảng 10 năm (1911-1920) Nguyễn Ái Quốc đã vượt qua ba đại dương, bốn châu lục để khảo sát cuộc sống của nhân dân các dân tộc bị áp bức ở nhiều nước thuộc địa cũng như tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới.

Nguyễn Ái Quốc đã nghiên cứu *Tuyên ngôn độc lập* của nước

Mỹ, *Tuyên ngôn dân quyền và nhân quyền* của cách mạng tư sản Pháp và tìm hiểu cách mạng tư sản Pháp, Mỹ. Bằng một sự nhạy cảm và từ thực tiễn mách bảo, Nguyễn Ái Quốc đã sớm hoài nghi những khẩu hiệu *tự do - bình đẳng - bác ái*, về cái gọi là *văn minh khai sáng* của chủ nghĩa tư bản. Khi trực tiếp chứng kiến cuộc sống bần cùng, lam lũ của nhân dân lao động ở thuộc địa cũng như chính quốc, nó đối lập với một cuộc sống xa hoa, phù phiếm của giới chủ tư bản, Người nhận ra sự thật đó từ bản chất của chủ nghĩa tư bản.

Nguyễn Ái Quốc từng có nhận xét về cách mạng tư sản Mỹ: “...tuy cách mệnh thành công hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính toán cách mệnh lần hai. Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi.”

Cuối 1917, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp, Người có nhận xét về cách mạng tư sản Pháp như sau: Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh chưa đến nơi. Tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước đoạt công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cũng chính từ những lí do đó, trong sự lựa chọn con đường cứu nước cho dân tộc, Người đã không lựa chọn con đường cách mạng tư sản.

c. Con đường giải phóng dân tộc

Hồ Chí Minh thấy được Cách mạng Tháng Mười không chỉ là một cuộc cách mạng vô sản, mà còn là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Nó nêu tấm gương sáng về sự giải phóng các dân tộc thuộc địa và mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Người hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế III, chính vì Lênin và Quốc tế III đã bênh vực cho các dân tộc bị áp bức. Người thấy trong lí luận của Lênin một phương hướng mới để giải phóng dân tộc. Hồ Chí

Mình viết: Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới.

Câu 20: Vì sao Hồ Chí Minh khẳng định cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời các nhà yêu nước tiền bối bước đầu cũng có nhận thức được tầm quan trọng của đảng cách mạng. Do đó, đã xuất hiện một số tổ chức như: Việt Nam Quang phục hội (1912), Việt Nam quốc dân Đảng (1927)... nhưng do bị hạn chế trong khuôn khổ của ý thức hệ phong kiến, tư sản hay tiểu tư sản mà thời đại đã vượt qua, nên không đề ra được đường lối chính trị đúng đắn và phương pháp cách mạng khoa học, kết cục bị thất bại trước sức mạnh của thực dân Pháp.

Xuất phát từ quan điểm, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nhưng quần chúng chỉ trở thành lực lượng to lớn có sức mạnh khi được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo bởi một đường lối chính trị đúng đắn. Muốn đạt được điều đó, theo Nguyễn Ái Quốc, trước hết phải có đảng cách mạng.

Do Đảng của giai cấp tư sản Việt Nam không đủ sức lãnh đạo cách mạng tư sản dân quyền, nên Đảng của giai cấp công nhân phải đảm nhận vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Nguyễn Ái Quốc xác định: Việc giải phóng công cùng nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại là việc to tát, bởi lẽ phải sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm thành xã hội mới, là rất khó. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* năm 1927, Nguyễn Ái Quốc khẳng định, muốn giải phóng dân tộc thành công “*trước hết phải có Đảng cách mạng*, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản ở mọi nơi.” Người chỉ rõ: cách mạng trước hết

phải làm cho dân giác ngộ...Cách mạng phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu...Cách mạng phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân...Vậy nên sức cách mạng phải tập trung, muốn tập trung phải có Đảng cách mạng.

Đảng cách mạng phải được tổ chức theo nguyên tắc đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, được vũ trang bằng lý luận Mác - Lênin, Người khẳng định: Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững, thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt... Đảng mà không có chủ nghĩa thì cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Đầu 1930, Nguyễn Ái Quốc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin “làm cốt”, có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh và mật thiết liên lạc với quần chúng.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Luận điểm này của Hồ Chí Minh đã bổ sung cho lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng Cộng sản. Đồng thời, nó định hướng cho việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một đảng gắn bó chặt chẽ với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc trong mọi thời kỳ của cách mạng.

Nhờ đó, ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã quy tụ được lực lượng và sức mạnh của toàn bộ giai cấp công nhân và cả dân tộc Việt Nam, Đảng đã là ngọn cờ đầu lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam và trở thành nhân tố đảm bảo cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

Câu 21: Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc.

Dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, từ một xã hội phong kiến

thuần túy, Việt Nam biến thành một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Trong xã hội đó dù là tư sản dân tộc, hay một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ, trong quan hệ với thực dân Pháp, họ cũng chỉ là người Việt Nam chịu nỗi nhục mất nước. Họ không phải là những lực lượng thống trị, mà trái lại họ có khả năng tham gia phong trào giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh chỉ rõ: Dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, công, nông, thương đều nhất trí chống lại cường quyền.

Năm 1924, Hồ Chí Minh đã nghĩ đến một cuộc khởi nghĩa vũ trang dựa vào sức mạnh toàn dân tộc. Người cho rằng, để đấu tranh thắng lợi, phải là một cuộc vũ trang ở Đông Dương ... phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Người nghiêm khắc phê phán việc lấy ám sát cá nhân và bạo động non làm phương thức hành động, hoặc xúi dân chúng bạo động mà không bày cách tổ chức. Người khẳng định “cách mệnh là việc chung của dân chúng chứ không phải việc của một hai người”.

Trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, Người xác định lực lượng cách mạng bao gồm cả dân tộc; Đảng phải tập hợp đại bộ phận công nhân, nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp; trung tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lôi kéo, tranh thủ, chí ít là làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì mới đánh đổ.

Trong Cách mạng Tháng Tám (1945) cũng như hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Hồ Chí Minh lấy nhân dân làm nguồn sức mạnh. Quan điểm “lấy dân làm gốc” xuyên suốt quá trình chỉ đạo đấu tranh của Người. “Có dân là có tất cả”, “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Khi còn hoạt động ở nước ngoài Hồ Chí Minh nói: “Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng, trở về nước đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện

họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập.”

Trong lực lượng toàn dân tộc, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò động lực cách mạng của công nhân và nông dân. Người khẳng định: công nông “là gốc cách mệnh”, bởi lẽ họ có số lượng đông nhất, lại bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, nên lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khẳng định vai trò động lực cách mạng của công nhân và nông dân là một vấn đề hết sức mới mẻ so với nhận thức của những nhà yêu nước trước đó.

Mặt khác, Hồ Chí Minh không coi nhẹ khả năng tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc của các giai cấp, tầng lớp khác. Người coi tiểu tư sản, tư sản dân tộc và một bộ phận giai cấp địa chủ là bạn đồng minh của cách mạng.

Câu 22: Vì sao Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc?

Trong phong trào cộng sản quốc tế đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản chính quốc. Đại hội Quốc tế Cộng sản năm 1928 viết: “Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các nước thuộc địa khi giai cấp vô sản giành thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến.” Quan điểm này đã làm giảm tính chủ động, sáng tạo của phong trào cách mạng thuộc địa.

Theo Hồ Chí Minh, giữa cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản chính quốc, có mối quan hệ mật thiết nhau, tác động qua lại lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc. Đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không phải là mối quan hệ lệ thuộc, hoặc quan hệ chính - phụ.

Trong khi yêu cầu Quốc tế Cộng sản và các Đảng cộng sản khác

quan tâm đến cách mạng thuộc địa, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực tự giải phóng. Người chủ trương phát huy nỗ lực của dân tộc, tránh tư tưởng bị động trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài.

Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân đế quốc, cách mạng thuộc địa có tầm quan trọng đặc biệt. Do bị áp bức bóc lột nặng nề nên nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn. Nguyễn Ái Quốc xác định: Tất cả sinh lực của chủ nghĩa đế quốc đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi chủ nghĩa đế quốc lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ nhân công rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó.

Theo Hồ Chí Minh, phải làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản.

Nhận thức đúng vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, ngay từ năm 1924, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Chỉ có thể bằng chủ động nỗ lực vượt bậc của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản chính quốc mà nó có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc. Mặt khác, cách mạng thuộc địa còn có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

Tháng 8/1945, khi thời cơ đến, Người kêu gọi: Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà giải phóng cho ta...Dựa vào sức mình là chính, tuy nhiên sự giúp đỡ của bạn bè thế giới là quan trọng, nhưng không được ỷ lại, trông chờ vào người khác. “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ thì không xứng đáng được độc lập.” Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to

lớn; một cống hiến quan trọng của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Câu 23: Quan điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực.

a. Quan điểm bạo lực cách mạng

Chủ nghĩa Mác - Lênin dự báo có hai khả năng giành chính quyền, khả năng tranh thủ phương pháp hòa bình cách mạng và khả năng sử dụng bạo lực cách mạng để giành chính quyền. Việc sử dụng phương pháp này hay phương pháp kia tùy thuộc vào tương quan lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng. Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác - Lênin xác định bạo lực cách mạng vẫn là quy luật phổ biến trong đấu tranh giành chính quyền.

Đối với một nước thuộc địa như Việt Nam, việc sử dụng bạo lực cách mạng hay không, điều đó tùy thuộc vào thái độ, đối sách của kẻ thù. Ngay từ đầu, các thế lực đế quốc luôn sử dụng bạo lực để xâm lược, đàn áp các nước thuộc địa. Vì vậy, con đường để giành độc lập dân tộc chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực.

Đánh giá đúng bản chất phản động của bọn đế quốc và tay sai, Hồ Chí Minh vạch rõ tính tất yếu của bạo lực cách mạng: trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù giai cấp và dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền.

Hồ Chí Minh coi sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nên bạo lực cách mạng cũng là bạo lực của quần chúng. Hình thức bạo lực cách mạng gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp.

Trong đấu tranh cách mạng, lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ

trang giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt lực lượng quân sự của địch, nhưng đấu tranh vũ trang không tách biệt với đấu tranh chính trị. Theo Hồ Chí Minh, các đoàn thể cách mạng càng phát triển, quần chúng đấu tranh chính trị càng mạnh thì càng có cơ sở vững chắc để tổ chức lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang.

b. Tư tưởng bạo lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo hòa bình

Tư tưởng bạo lực cách mạng và tư tưởng nhân đạo hòa bình thống nhất biện chứng với nhau trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Khác hẳn tư tưởng hiếu chiến của các thế lực đế quốc xâm lược, xuất phát từ tình yêu thương con người, quý trọng sinh mạng con người, Hồ Chí Minh luôn chủ trương tranh thủ khả năng giành và giữ chính quyền ít đổ máu nhất. Người tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng mọi biện pháp hòa bình, chủ động đàm phán, thương lượng, chấp nhận những nhượng bộ có nguyên tắc. Việc tiến hành chiến tranh chỉ là biện pháp bắt buộc cuối cùng khi không còn khả năng hòa hoãn.

Đánh thắng giặc không phải là tiêu diệt hết lực lượng, mà chủ yếu là đánh bại ý chí xâm lược của chúng, kết hợp giành thắng lợi về quân sự với giải pháp ngoại giao để kết thúc chiến tranh.

c. Hình thái bạo lực cách mạng

Toàn dân khởi nghĩa, toàn dân nổi dậy là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thái của bạo lực cách mạng.

Xuất phát từ tương quan lực lượng giữa ta và địch, Hồ Chí Minh không tiến hành kiểu chiến tranh thông thường, chỉ dựa vào lực lượng quân đội sống mái với kẻ thù, mà chủ trương phát động chiến tranh nhân dân, dựa vào lực lượng toàn dân, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, đấu tranh toàn diện với kẻ thù. Hồ Chí Minh nói: không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó thì không thể nào thắng

lợi được.

Đấu tranh toàn diện thể hiện cụ thể:

- Đấu tranh “quân sự là việc chủ chốt”, nhưng phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị. Thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi chính trị, thắng lợi chính trị sẽ làm cho thắng lợi quân sự to lớn hơn.

- Đấu tranh ngoại giao có ý nghĩa chiến lược, thêm bạn bớt thù, phân hóa và cô lập kẻ thù, phát huy yếu tố chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc, tranh thủ đồng tình ủng hộ của quốc tế.

- Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế của địch. Người coi “ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ”.

- Đấu tranh trong lĩnh vực tư tưởng văn hóa so với các lĩnh vực khác cũng gay go và không kém phần quan trọng.

Trước những kẻ thù lớn mạnh, Hồ Chí Minh chủ trương sử dụng phương châm *chiến lược đánh lâu dài*.

Tự lực cánh sinh cũng là phương châm chiến lược rất quan trọng. Mặc dù rất coi trọng sự giúp đỡ quốc tế, nhưng Hồ Chí Minh luôn đề cao sức mạnh bên trong, phát huy đến mức cao nhất mọi nỗ lực của dân tộc, đề cao tinh thần tự chủ, tránh tư tưởng bị động trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài.

Câu 24: Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a. Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh vừa tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ những nguyên lý chung của chủ nghĩa xã hội khoa học, vừa bổ sung những nét mới từ điều kiện đặc thù của Việt Nam.

** Tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ khát vọng giải phóng dân tộc*

Là dân tộc phải chịu nhiều hy sinh mất mát trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm để bảo vệ nền độc lập dân tộc, nên giải phóng dân tộc trở thành khát vọng của mỗi người dân Việt Nam. Vì vậy, khi thấy học thuyết Mác - Lênin hướng đến mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới”¹.

** Tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức*

Hồ Chí Minh sớm tiếp thu những giá trị đạo đức của Nho giáo, Phật giáo. Vì vậy, khi tiếp cận chủ nghĩa Mác – Lênin, thấy học thuyết này hướng đến mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh từ bỏ chủ nghĩa cá nhân”².

** Tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ văn hóa*

Theo Hồ Chí Minh, văn hóa có mối quan hệ biện chứng với kinh tế, chính trị. Do đó, quá trình xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và nền chính trị xã hội chủ nghĩa cũng là quá trình xây dựng nền văn hóa mới, trong đó vừa kế thừa và phát triển các giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới.

b. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Khi tiếp cận học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận thức được rằng: loài người tất yếu sẽ chuyển biến lên chủ nghĩa xã hội, từ đó Người khẳng định: Tiến lên

1. Sđđ, tập 12, tr. 474.

2. Sđđ, tập 9, tr. 291.

chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam.

Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản, có nghĩa là làm cho dân tộc Việt Nam hoàn toàn độc lập, chính quyền về tay nhân dân, các dân tộc được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Do đó, khi cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi, nhân dân Việt Nam sẽ xây dựng một xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người.”¹

Câu 25: Quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất và đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a. Về bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Hồ Chí Minh coi chủ nghĩa xã hội là một *chế độ xã hội* bao gồm các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa,... trong đó con người được phát triển toàn diện, tự do, mọi thiết chế xã hội đều nhằm mục đích giải phóng con người.

- Hồ Chí Minh diễn đạt quan niệm về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bằng cách nhấn mạnh một số mặt nào đó như: Về mặt kinh tế “chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng .v.v..làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu, trẻ em”².

1. Sđđ, tập 1, tr. 461.

2. Sđđ, tập 8, tr. 226.

- Về mục tiêu, chủ nghĩa xã hội là: “Làm sao cho dân giàu nước mạnh”¹, “Làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”, “Là nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”².

- Về động lực: Sức mạnh của chủ nghĩa xã hội là sức mạnh của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

b. Về đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Hồ Chí Minh dựa trên cơ sở lí luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời Người còn bổ sung và nhấn mạnh những đặc trưng chủ yếu của chủ nghĩa xã hội như sau:

Về mặt chính trị, chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội do nhân dân làm chủ. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có chế độ chính trị dân chủ, nhân dân lao động là chủ, nhân dân lao động làm chủ. Mọi quyền lực trong xã hội đều trong tay nhân dân, nhân dân có vị trí tối thượng trong các cơ quan quyền lực. Chủ nghĩa xã hội chính là sự nghiệp của bản thân nhân dân, dựa vào sức mạnh của nhân dân để đem lại quyền lợi cho nhân dân.

Về mặt kinh tế, chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học – kỹ thuật. Theo Hồ Chí Minh, nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với khoa học - kỹ thuật tiên tiến và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, năng suất lao động ngày càng cao, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

Về mặt xã hội, chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội không còn người bóc lột người. Khi hiểu chủ nghĩa xã hội như một chế độ xã hội hoàn chỉnh, phát triển cao, thì đặc trưng của nó là không còn bóc lột, bất công, xã hội công bằng, hợp lý.

1. Sđđ, tập 8, tr. 226.

2. Sđđ, tập 10, tr. 556.

Về văn hóa, chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội có sự phát triển cao về văn hóa, đạo đức. Khi chủ nghĩa xã hội phát triển cao sẽ không còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng và có điều kiện phát triển toàn diện, quan hệ giữa người với người, người với tự nhiên hài hòa, tốt đẹp.

Tóm lại, quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một hệ thống các giá trị, vừa kế thừa quá khứ, vừa là sự sáng tạo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó cốt lõi là độc lập, tự do, bình đẳng, dân chủ.

Câu 26: Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a. Về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Theo Hồ Chí Minh, mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là: độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Từ đó Người có nhiều cách đề cập đến mục tiêu cụ thể của chủ nghĩa xã hội.

Khi trả lời trực tiếp: “Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? Nói một cách đơn giản và dễ hiểu là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là người lao động”¹. Hoặc “mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân”².

Khi lại diễn đạt thành tiêu chí cụ thể: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được nghỉ, những phong tục, tập quán không tốt được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến

1. Sđđ, tập 10, tr.271.

2. Sđđ, tập 10, tr.159.

bộ, vật chất ngày càng tăng, đó là chủ nghĩa xã hội”¹.

Theo Hồ Chí Minh, nâng cao đời sống nhân dân là mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội, đó là tiêu chí tổng quát để kiểm nghiệm tính chất xã hội chủ nghĩa của các lý luận về chủ nghĩa xã hội, chính sách thực tiễn của các đảng cộng sản và để khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với các xã hội đã có trong lịch sử.

Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Hồ Chí Minh xác định trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó nhấn mạnh đến các lĩnh vực sau:

- *Mục tiêu chính trị*: Chế độ chính trị ở Việt Nam phải do nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước là của dân, do dân, vì dân. Nhà nước có chức năng dân chủ với nhân dân và chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân cần có biện pháp nhằm thực hiện hình thức dân chủ trực tiếp, củng cố hình thức dân chủ đại diện, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của các cơ quan hành pháp, lập pháp, tư pháp và phân định rõ chức năng của các bộ phận đó.

- *Mục tiêu kinh tế*: Nền kinh tế ở Việt Nam là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, khoa học – kỹ thuật tiên tiến, năng suất lao động tăng, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện. Theo Hồ Chí Minh, nền kinh tế ở nước ta cần được phát triển toàn diện trong đó “công nghiệp, nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế nước nhà”.

- *Mục tiêu văn hóa – xã hội*: Theo Hồ Chí Minh, văn hóa là mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa, văn hóa được thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội. Do đó, mục tiêu của văn hóa – xã hội là xóa nạn mù chữ, phát triển giáo dục, nâng cao dân

1. Sđđ, tập 10, tr.291.

trí, xây dựng và phát triển văn hóa nghệ thuật, thực hiện nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan, khắc phục tập quán lạc hậu...

Theo Hồ Chí Minh, về bản chất của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam “phải xã hội chủ nghĩa về nội dung”. Vì vậy, cần phát huy vốn văn hóa quý báu của dân tộc, đồng thời học tập văn hóa tiên tiến của thế giới. Phương châm của việc xây dựng nền văn hóa ở Việt Nam là: dân tộc, khoa học, đại chúng.

Theo Hồ Chí Minh, nhiệm vụ hàng đầu của văn hóa là đào tạo con người, vì con người là mục tiêu cao nhất, là động lực quyết định nhất của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến rèn luyện đức và tài, đồng thời quan tâm tạo điều kiện để mỗi người đem hết tài năng cống hiến cho xã hội. Người luôn gắn phẩm chất chính trị với trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ.

b. Về động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Để thực hiện mục tiêu cần có động lực và những điều kiện đảm bảo cho động lực trở thành sức mạnh thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, có động lực vật chất, động lực tinh thần, động lực nội sinh, động lực ngoại sinh ... Trong đó, động lực quan trọng và quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động mà nòng cốt là công nhân, nông dân, trí thức.

Hồ Chí Minh nhận thấy ở động lực con người là sự kết hợp giữa cá nhân (sức mạnh cá nhân) với xã hội (sức mạnh cộng đồng), từ đó Người khẳng định: Truyền thống yêu nước, đoàn kết cộng đồng, lao động sáng tạo... là yếu tố tạo nên động lực quan trọng của chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh coi trọng động lực kinh tế, nên rất quan tâm tới

phát triển sản xuất, kinh doanh, nhằm giải phóng mọi lực lượng sản xuất, gắn kinh tế với kỹ thuật, với xã hội. Hồ Chí Minh cũng quan tâm đến động lực văn hóa, giáo dục, khoa học. Đây là động lực tinh thần không thể thiếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để những nguồn lực tiềm tàng trên trở thành sức mạnh thực sự thì phải quan tâm đến hiệu lực của bộ máy nhà nước, tính nghiêm minh của pháp luật, sự trong sạch của đội ngũ cán bộ công chức. Đặc biệt là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản, đây là hạt nhân trong hệ thống động lực của chủ nghĩa xã hội, là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn cảnh báo những yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn lực vốn có của chủ nghĩa xã hội: đó là chủ nghĩa cá nhân mà biểu hiện của nó là: tham ô, lãng phí, quan liêu...

Hồ Chí Minh luôn khẳng định nội lực là quyết định, ngoại lực là rất quan trọng. Vì vậy cần nêu cao tính thần độc lập, tự chủ, tự lực cánh sinh là chính, nhưng luôn chú trọng tranh thủ sự giúp đỡ, hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo nên động lực tổng hợp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 27: Quan niệm của Hồ Chí Minh về thực chất, đặc điểm và nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, thời kỳ quá độ là một tất yếu đối với tất cả các nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Có hai con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

Một là quá độ trực tiếp từ các nước tư bản phát triển cao.

Hai là quá độ gián tiếp từ các nước tư bản trung bình, hoặc từ các nước có nền kinh tế lạc hậu, chưa qua chủ nghĩa tư bản, khi Đảng

kiểu mới của giai cấp công nhân nắm được quyền lãnh đạo xã hội.

Vận dụng quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, xuất phát từ đặc điểm Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: Con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là con đường gián tiếp từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội không qua phát triển tư bản chủ nghĩa. Đây là sự phát hiện mới của Hồ Chí Minh làm phong phú lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

b. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Theo Hồ Chí Minh, Việt Nam bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có đặc điểm là: từ một nước nông nghiệp lạc hậu, tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Đây là đặc điểm lớn nhất chi phối các đặc điểm khác, thể hiện trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và là cơ sở nảy sinh nhiều mâu thuẫn, trong đó nổi bật là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo xu hướng tiến bộ với thực trạng kinh tế - xã hội quá thấp kém của nước ta.

c. Quan niệm của Hồ Chí Minh về nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Hồ Chí Minh xác định thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là quá trình cải biến nền sản xuất lạc hậu thành nền sản xuất hiện đại, là quá trình cải tạo, phát triển nền kinh tế, là cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp trong điều kiện mới.

Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt

Nam nhằm giải quyết hai vấn đề sau:

Một là, xây dựng nền tảng cơ sở vật chất, kỹ thuật và các tiền đề kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng cho chủ nghĩa xã hội.

Hai là, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm.

Theo Hồ Chí Minh, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là khó khăn, phức tạp, lâu dài, vì:

Thứ nhất, đây là cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt đời sống xã hội, phải xây dựng mới cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Nó đặt ra và đòi hỏi cùng lúc giải quyết nhiều vấn đề khác nhau nên Hồ Chí Minh coi đây là cuộc chiến đấu không lồ của toàn Đảng, toàn dân tộc Việt Nam.

Thứ hai, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là lĩnh vực kinh tế, Đảng, Nhà nước, nhân dân ta chưa có nhiều kinh nghiệm; phải vừa làm, vừa học.

Thứ ba, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta luôn bị các thế lực phản động trong và ngoài nước chống phá.

Vì vậy, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ đảng viên phải thận trọng, tránh nôn nóng, chủ quan, đốt cháy giai đoạn.

Câu 28: Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ.

Nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta mang tính toàn diện. Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ cụ thể ở một số lĩnh vực cơ bản sau:

a. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong lĩnh vực chính trị

Thứ nhất, phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đây cũng là nội dung quan trọng nhất. Đảng phải luôn tự

chỉnh đốn, tự đổi mới để nâng cao năng lực lãnh đạo, chống biểu hiện quan liêu, xa dân, thoái hóa, biến chất, phải luôn giữ mối quan hệ máu thịt với nhân dân.

Thứ hai, củng cố mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất mà nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo đồng thời tăng cường sức mạnh của cả hệ thống chính trị.

b. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong lĩnh vực kinh tế

Thứ nhất, về cơ cấu kinh tế, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến tăng năng suất lao động trên cơ sở công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh có quan niệm độc đáo về cơ cấu kinh tế ở Việt Nam là: Lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, củng cố hệ thống thương nghiệp làm cầu nối tốt nhất giữa các ngành sản xuất xã hội, thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

Thứ hai, về cơ cấu vùng và mục tiêu phát triển kinh tế, Hồ Chí Minh lưu ý phải phát triển đồng đều giữa các vùng lãnh thổ, cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Thứ ba, về cơ cấu các thành phần kinh tế, Hồ Chí Minh chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh cần được ưu tiên. Nhà nước khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ kinh tế hợp tác xã, bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất đối với ngành nghề thủ công và lao động riêng lẻ, hướng dẫn và giúp đỡ tư sản công, thương nghiệp hoạt động có lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kinh tế nhà nước, cải tạo họ theo chủ nghĩa xã hội bằng loại hình tư bản nhà nước.

Thứ tư, về quan hệ phân phối và quản lý kinh tế, được Hồ Chí Minh hết sức coi trọng. Người chủ trương và chỉ rõ các điều kiện thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

c. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong lĩnh vực văn hóa - xã hội:

Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến nội dung xây dựng con người mới, đề cao vai trò của văn hóa, giáo dục và khoa học kỹ thuật. Người cho rằng, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có học thức, cần học cả văn hóa, chính trị, kinh tế. Cần nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài.

Câu 29: Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương châm và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a. Về nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Hồ Chí Minh đề ra hai nguyên tắc khi xác định bước đi để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Một là, xây dựng chủ nghĩa xã hội là hiện tượng phổ biến, do đó cần quán triệt những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em, các nước tiên tiến.

Hai là, phải xuất phát từ điều kiện thực tế, từ đặc điểm dân tộc và từ nhu cầu, khả năng của nhân dân ta.

Hồ Chí Minh luôn lưu ý không được xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, không được tuyệt đối hóa đặc điểm dân tộc, không được giáo điều khi áp dụng những nguyên lý chung. Khi tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước khác, không được sao chép máy móc.

b. Về phương châm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Hồ Chí Minh còn đề ra phương châm thực hiện bước đi trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là: dần dần, thận trọng từng bước một, từ thấp đến cao, không được chủ quan, nôn nóng; không được đốt cháy giai đoạn, phải tiến vững chắc từng bước.

Trong các bước đi lên, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý đến vai trò

của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, coi đó là “*con đường phải đi của chúng ta*”, là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chỉ thắng lợi trên cơ sở xây dựng và phát triển nền nông nghiệp toàn diện, vững chắc, hệ thống tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhẹ đa dạng nhằm giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm và các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân.

c. Về biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Hồ Chí Minh đã gợi ý và sử dụng một số biện pháp sau:

- Kết hợp cải tạo xã hội cũ với xây dựng xã hội mới, lấy xây dựng làm chính;
- Kết hợp xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược;
- Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có kế hoạch, biện pháp và quyết tâm cao;
- Đem của dân, tài dân, sức dân làm lợi cho dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Câu 30: Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của nước Nga và thực tiễn phong trào công nhân châu Âu cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khi đề cập đến các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản, V.I. Lênin chỉ rõ, đó là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân.

Dựa vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam, khi đề cập đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đã kể đến yếu tố thứ ba, đó là phong trào yêu nước. Đây chính là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin về quy luật hình thành Đảng Cộng

sản Việt Nam. Trong bài viết kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930”.

a. Sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân

Hồ Chí Minh thấy rõ vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với cách mạng Việt Nam cũng như quá trình hình thành Đảng cộng sản Việt Nam, nhưng đồng thời Người cũng nhận rõ vị trí, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam, mặc dù công nhân chỉ chiếm trên 1% dân số lúc bấy giờ. Hồ Chí Minh cho rằng vai trò lãnh đạo cách mạng không phải do số lượng của lực lượng đó quyết định.

Hồ Chí Minh đánh giá cao vị trí, vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam vì: Đây là giai cấp có tinh thần đấu tranh kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật; là giai cấp gánh vác trách nhiệm đánh đổ chủ nghĩa tư bản và đế quốc, để xây dựng một xã hội mới; là giai cấp có thể thâm nhập tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác – Lênin; tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác, lôi cuốn giai cấp nông dân, tiểu tư sản vào cuộc đấu tranh, bồi dưỡng họ thành những phần tử tiên tiến.

b. Hồ Chí Minh đưa thêm yếu tố phong trào yêu nước, bởi vì:

- Phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc, là nhân tố chủ đạo quyết định thắng lợi trong sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Trong hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, phong trào này diễn ra liên tục, bền bỉ mỗi khi đất nước bị xâm lăng, nó đã kết thành chủ nghĩa yêu nước và trở thành giá trị văn hóa tốt đẹp nhất của dân tộc.

- Phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước vì hai phong trào này đều có mục tiêu chung: giải phóng dân tộc, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, xây dựng đất nước hùng cường. Mặt

khác, bản thân phong trào của công nhân cũng mang tính chất của phong trào yêu nước bởi nó không chỉ chống lại ách áp bức giai cấp mà còn chống lại ách áp bức dân tộc.

- Phong trào công nhân kết hợp với phong trào yêu nước, mà trước hết là phong trào nông dân, sẽ tạo ra đội quân chủ lực của cách mạng. Đầu thế kỷ XX, nông dân chiếm hơn 90% dân số, là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân – mà công nhân phần lớn từ nông dân mà ra. Do vậy, giữa phong trào công nhân và phong trào yêu nước có quan hệ chặt chẽ với nhau.

- *Phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt nam.* Những tổ chức yêu nước đầu thế kỷ XX, trong đó thành viên và những người lãnh đạo đại đa số là trí thức. Họ rất nhạy cảm trước thời cuộc, do vậy họ chủ động đón nhận những “luồng gió mới” về tư tưởng của các trào lưu cách mạng trên thế giới và tích cực truyền bá vào Việt Nam. Vì vậy, phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam cũng là nhân tố quan trọng thúc đẩy các yếu tố dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 31: Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Theo Hồ Chí Minh: “Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất lớn và vô cùng tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi”.¹

- Theo điều 4 của Hiến pháp Việt Nam (1992, sửa đổi) cũng khẳng định: "Đảng Cộng sản Việt Nam...là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội."

Như vậy, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là lãnh đạo

1. Sđđ, tập 9, tr. 290.

toàn diện đất nước. Vai trò đó được thể hiện ở ba khía cạnh sau:

Thứ nhất, lựa chọn con đường, xây dựng đường lối, chiến lược, sách lược cách mạng. Ngay từ rất sớm, Đảng đã lựa chọn con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc, đó là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong các cương lĩnh, văn kiện của mình, Đảng cũng xác định chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn, phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ để đưa cách mạng đi đến thắng lợi. Người cho rằng: Muốn khỏi đi lạc phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm cho đúng.

Thứ hai, tổ chức, đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng trong nước và quốc tế. Trong tác phẩm Đường cách mệnh xuất bản năm 1927, Hồ Chí Minh viết: "Cách mệnh trước hết phải có gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi."¹ Người cũng cho rằng: Cách mạng là cuộc đấu tranh rất gian khổ. Lực lượng kẻ địch rất mạnh. Muốn thắng lợi, quần chúng phải tổ chức rất chặt chẽ... Vì vậy, phải có Đảng để tổ chức và giáo dục nhân dân thành đội quân thật mạnh để đánh đổ kẻ địch tranh lấy chính quyền.

Thứ ba, vai trò lãnh đạo của Đảng còn được thể hiện qua tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên; khả năng thu hút, tập hợp quần chúng của cán bộ, đảng viên. Người cho rằng "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau".. Do đó, Đảng viên phải là người tiên phong gương mẫu, có kiến thức, có đạo đức mới có thể lôi kéo, tập hợp quần chúng. Người cho rằng: "Trước mặt quần chúng không phải ta cứ viết lên trán chữ "Cộng sản" mà ta được mọi người yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức".

Tóm lại, vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đã được

1. Sđđ, tập 2, tr. 267 – 268.

thực tế lịch sử chứng minh không một tổ chức chính trị nào có thể thay thế được. Mặc dù giữ vai trò lãnh đạo nhưng ngoài lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp, lợi ích của nhân dân lao động và nhân dân tiến bộ thế giới, Đảng không có mục đích tự thân và lợi ích cho riêng mình. Do đó, mọi mưu toan hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đều trái với thực tế lịch sử, đi ngược lại với lợi ích dân tộc và xu thế phát triển của xã hội Việt Nam.

Câu 32: Quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

a. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân

Hồ Chí Minh khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta trên cơ sở thấy rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Tuy số lượng ít so với dân số, nhưng có đầy đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo đất nước, đảm bảo thực hiện những mục tiêu của cách mạng. Còn các giai cấp, tầng lớp khác chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trở thành đồng minh của giai cấp công nhân.

Nội dung quy định bản chất giai cấp công nhân không phải chỉ ở số lượng đảng viên xuất thân từ công nhân mà còn ở nền tảng lý luận và tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác – Lênin; mục tiêu của Đảng là chủ nghĩa cộng sản; Đảng tuân thủ một cách nghiêm túc, chặt chẽ những nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

b. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: Đảng Cộng sản là Đảng của giai cấp công nhân, đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp công nhân nước mình và giai cấp công nhân thế giới. Do đó, Đảng phải luôn

đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, vì lợi ích của giai cấp công nhân nhưng phải là đại biểu cho quyền lợi của toàn thể nhân dân lao động. Bởi vì, Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, giai cấp công nhân chỉ có thể giải phóng được mình nếu đồng thời giải phóng cho các tầng lớp nhân dân lao động khác trong xã hội.

Từ thực tiễn của xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh đã bổ sung: *Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu cho quyền lợi của nhân dân và của cả dân tộc.* Tại Đại hội II của Đảng (2/1951), Người nói: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của cả dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”¹. Khi miền Bắc bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định “Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư thiên vị”².

Cơ sở để Hồ Chí Minh khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam:

- Thứ nhất, Đảng cộng sản Việt Nam đại diện và tiêu biểu cho lợi ích của toàn dân tộc, hoạt động của Đảng là nhằm đem lại lợi ích cho toàn thể dân tộc. Hồ Chí Minh khẳng định: Ngoài lợi ích của tổ quốc, của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích nào khác.

- Thứ hai, trong thành phần của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ có giai cấp công nhân mà còn có những người ưu tú thuộc giai cấp nông dân, trí thức và các thành phần khác.

Câu 33: Quan điểm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền.

a. Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, trở thành

1. Sđđ, tập 6, trang 175.

2. Sđđ, tập 6, trang 467.

Đảng cầm quyền

Thực tế lịch sử dân tộc Việt Nam, được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Công nông là gốc cách mạng nhưng “trước hết phải làm cho dân giác ngộ”. Dân phải được tổ chức, được lãnh đạo thì mới trở thành lực lượng to lớn, mới là chủ, là gốc cách mạng được. Để thực hiện được điều đó, “trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi”¹. Muốn Đảng được vững “phải có chủ nghĩa làm cốt”, “trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”².

Với đường lối chính trị đúng đắn, tổ chức chặt chẽ, Đảng đã lãnh đạo toàn thể dân tộc giành chính quyền, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó cũng là thời điểm Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền. Đảng không phải là một tổ chức tự thân. Vì vậy, mục đích của Đảng là tận tâm, tận lực, phụng sự và trung thành với lợi ích của dân tộc Việt Nam, ngoài lợi ích của dân tộc, lợi ích của giai cấp, của nhân dân, Đảng không còn lợi ích nào khác.

b. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

Cụm từ “Đảng cầm quyền” được Hồ Chí Minh ghi trong bản Di chúc của Người năm 1969. Theo Hồ Chí Minh, Đảng cầm quyền là Đảng lãnh đạo quần chúng nhân dân giành được quyền lực nhà nước và tiếp tục lãnh đạo bộ máy nhà nước đó, để hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Khi chưa có chính quyền, nhiệm vụ chính của Đảng là lãnh đạo nhân dân đấu tranh lật đổ chính quyền thực dân và phong kiến, thiết lập chính quyền nhân dân. Phương thức lãnh đạo, công tác chủ yếu

1. Sđđ, tập 2, tr. 267 – 268.

2. Sđđ, tập 2, tr. 267 – 268.

của Đảng là giáo dục, thuyết phục, vận động tổ chức quần chúng, đưa quần chúng vào đấu tranh giành chính quyền.

Khi có chính quyền trong tay, một vấn đề mới cực kỳ to lớn, cũng là thử thách hết sức nặng nề của Đảng là, người đảng viên cộng sản không được lãng quên nhiệm vụ, mục đích của mình, phải toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Đó là điểm xuất phát để xây dựng Đảng ta xứng đáng với danh hiệu là “Đảng cầm quyền”.

- Mục đích, lý tưởng của Đảng cầm quyền.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Đó là mục đích, lý tưởng cao cả không bao giờ thay đổi trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người chỉ rõ: “Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới”.¹

- Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Khi xác định Đảng là “Người lãnh đạo” nghĩa là xác định quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng đối với toàn bộ xã hội, đối với chính quyền nhà nước. Đối tượng lãnh đạo của Đảng là toàn thể quần chúng nhân dân trong cộng đồng dân tộc, nhằm đem lại độc lập cho dân tộc, tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Là người lãnh đạo theo Hồ Chí Minh phải bằng giáo dục, thuyết phục, nghĩa là Đảng phải làm dân tin, dân phục để dân theo. Đảng lãnh đạo nhưng quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân, cho nên Đảng “phải đi đường lối quần chúng, không được quan liêu, mệnh lệnh, gò

1. Sđđ, tập 11, tr. 372.

ép nhân dân”¹, phải giáo dục, tuyên truyền, giác ngộ dân chúng để thức tỉnh họ. Đồng thời, Đảng phải tổ chức, đoàn kết họ lại thành một khối thống nhất, bày cách cho dân, hướng dẫn họ hành động.

Là người lãnh đạo nhưng phải sâu sát, gần bó mật thiết với nhân dân, lắng nghe ý kiến của dân, khiêm tốn học hỏi và chịu sự kiểm soát của dân. Người yêu cầu “Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng”².

Với tư cách là người lãnh đạo, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, còn bao hàm cả trách nhiệm “Là người đầy tớ của dân”. “Đầy tớ” ở đây không có nghĩa là “tôi tớ, tôi đòi hay theo đuôi quần chúng” mà là người tận tâm, tận lực phụng sự nhân dân nhằm đem lại các quyền và lợi ích cho nhân dân. Người chỉ rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên phải “Lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, tận tụy với công việc, gương mẫu trước nhân dân, phải thường xuyên “tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt”³. Phải làm cho dân tin, dân phục để dân hết lòng ủng hộ, giúp đỡ. Mỗi cán bộ, đảng viên không chỉ nắm vững và thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng, mà còn phải biết tuyên truyền, vận động lôi cuốn quần chúng đi theo Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng đi đến thắng lợi.

- Đảng cầm quyền, dân là chủ

Hồ Chí Minh đã nghiên cứu kinh nghiệm, lý luận của các cuộc cách mạng trên thế giới và kết luận: “Cách mạng rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người”⁴. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, quyền lực phải thuộc về nhân dân. Người đã đề cập xây dựng một Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

1. Sđđ, tập 10, tr. 606.

2. Sđđ, tập 5, tr. 290.

3. Sđđ, tập 4, tr. 56.

4. Sđđ, tập 2, tr. 270.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, Đảng lãnh đạo cách mạng là để thiết lập và củng cố quyền làm chủ của nhân dân. Theo Người, quyền lực thuộc về nhân dân là bản chất, là nguyên tắc của chế độ mới, một khi xa rời nguyên tắc này, Đảng sẽ đối lập với nhân dân. Dân làm chủ, Đảng lãnh đạo, Đảng phải lấy “dân làm gốc”.

Câu 34: Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.

a. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Đảng

Đảng là *một bộ phận của dân tộc*, sống trong xã hội, là một bộ phận hợp thành cơ cấu của xã hội; mỗi cán bộ, đảng viên đều chịu ảnh hưởng, tác động của môi trường xã hội, các quan hệ xã hội, cả cái tốt và cái xấu, cái tích cực và tiêu cực, cái tiến bộ và lạc hậu. Vì vậy, chỉ có thể phát huy được cái tốt, cái hay, lọc bỏ cái xấu, cái dở bằng việc rèn luyện thường xuyên của mỗi cán bộ đảng viên; thường xuyên chú ý đến việc chỉnh đốn Đảng.

Hồ Chí Minh cho rằng, đã là con người thì ai cũng có hai mặt tốt – xấu, thiện – ác thường xuyên đấu tranh với nhau. Trong điều kiện môi trường tốt, nếu cán bộ, đảng viên nỗ lực tu dưỡng phấn đấu, rèn luyện thì mặt tốt, mặt thiện sẽ nổi lên, đẩy lùi mặt ác, mặt xấu. Từ đó, họ sẽ trở thành người tốt làm gương cho quần chúng, có ích cho Đảng, cho cách mạng. Ngược lại, trong một môi trường xã hội không lành mạnh, đầy rẫy sự dối trá, lọc lừa nổi lên chi phối, kiềm chế mặt tốt, mặt thiện lúc đó họ trở thành người bị tha hóa, biến chất, có hại cho Đảng, cho dân, thậm chí trở thành tội phạm. Vì thế, để mỗi cán bộ đảng viên luôn giữ trọn phẩm chất tốt đẹp, vững vàng trong mọi môi trường, điều kiện xã hội khác nhau thì bên cạnh sự tự giác rèn luyện phấn đấu, họ còn cần đến sự kiểm soát, quản lý từ phía Đảng.

Trong điều kiện Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, việc xây

dựng, chinh đồn Đảng được Hồ Chí Minh coi là công việc phải tiến hành thường xuyên hơn. Với một nhân quan đặc biệt nhạy bén, Người đã nhận rõ hai mặt vốn có của quyền lực:

Một mặt, quyền lực có sức mạnh to lớn để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, nếu biết sử dụng đúng;

mặt khác, quyền lực cũng có sức phá hoại ghê gớm, nếu người nắm quyền lực bị thoái hóa, biến chất, đi vào con đường tham quyền cố vị, chạy theo quyền lực, lợi dụng quyền lực để lạm quyền, lộng quyền, đặc quyền đặc lợi, biến quyền lực của nhân dân thành đặc quyền của cá nhân.

Vì vậy, Đảng phải đặc biệt quan tâm đến việc chinh đồn, đổi mới nhằm ngăn chặn, hạn chế, đẩy lùi mọi tệ nạn do thoái hóa, biến chất gây ra, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền nhà nước.

b. Nhiệm vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Về nhiệm vụ xây dựng, củng cố Đảng, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vấn đề *cán bộ, đào tạo huấn luyện cán bộ*. Người chỉ rõ: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”. “Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”.¹

Thực tiễn của cách mạng nước ta cho thấy, nếu không có đội ngũ cán bộ, đảng viên được giáo dục, đào tạo chu đáo, được rèn luyện và thử thách lâu dài, sẵn sàng hy sinh và đi đầu trong sự nghiệp cách mạng thì không thể có những thắng lợi như hôm nay.

Một nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng Đảng trong sạch, vững

1. Sđđ, tập 5, tr 269.

mạnh là *về tổ chức Đảng*, phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, phát huy dân chủ và giữ gìn kỷ luật, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Đổi mới, chỉnh đốn Đảng phải *giữ vững định hướng*, không xa rời nguyên tắc, kiên định và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, về xây dựng cương lĩnh chính trị và đường lối của Đảng; ở mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, với dân tộc; ở sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm bảo đảm cho Đảng, với tư cách Đảng cầm quyền, lãnh đạo có hiệu quả những nhiệm vụ chính trị, trong đó *trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội*, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ vững ổn định chính trị.

Câu 35: Trình bày quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

a. Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận

Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt. Do đó, để đạt được mục tiêu cách mạng thì cần phải dựa vào lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin. Việc tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, theo Người lưu ý những điểm sau:

Một là, việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn phù hợp với từng đối tượng.

Hai là, việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn phù hợp với từng hoàn cảnh. Theo Hồ Chí Minh, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phải tránh giáo điều, nhưng cũng không được xa rời những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngay chính bản thân Mác, Ăngghen, Lênin cũng cho rằng, những quan điểm của các ông

chỉ là *phương pháp chỉ dẫn* hành động trong thực tế.

Ba là, trong quá trình hoạt động, Đảng ta phải chú ý học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các đảng cộng sản khác, đồng thời Đảng ta phải tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bốn là, Đảng ta phải tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

b. Xây dựng Đảng về chính trị gồm: Xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị... Trong đó, đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng.

Xây dựng đường lối chính trị thực chất là xây dựng đường lối cách mạng khoa học, đúng đắn. Muốn xây dựng đường lối chính trị đúng đắn, cần 3 điều kiện: Dựa trên cơ sở lý luận là chủ nghĩa Mác – Lênin, vận dụng vào hoàn cảnh nước ta trong từng thời kỳ; Đảng phải thật sự là đội tiên phong dũng cảm, là bộ phận tham mưu sáng suốt của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc; Giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên để họ luôn kiên định lập trường, giữ vững bản lĩnh chính trị trong mọi hoàn cảnh.

c. Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ

*** Hệ thống tổ chức Đảng**

Trong hệ thống tổ chức Đảng, Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của chi bộ. Bởi lẽ, đối với bản thân Đảng, chi bộ là tổ chức hạt nhân, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng; chi bộ là môi trường tu dưỡng, rèn luyện và cũng là nơi giám sát đảng viên; chi bộ có vai trò quan trọng trong việc gắn kết giữa Đảng với quần chúng nhân dân.

- Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng.

+ Tập trung dân chủ.

Tập trung nghĩa là phải thống nhất về tư tưởng, tổ chức, hành động. Do đó, thiếu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phải phục tùng cấp trên. Địa phương phải phục tùng Trung ương, mọi đảng viên phải chấp hành vô điều kiện Nghị quyết của Đảng. Từ đó, làm cho Đảng tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì trăm người như một.

Dân chủ nghĩa là tư tưởng phải được tự do, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của mỗi người. Theo Hồ Chí Minh, khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm ra chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức quan trọng bậc nhất của Đảng. Đây là hai mặt có quan hệ gắn bó với nhau trong một nguyên tắc. Dân chủ để đi đến tập trung và tập trung trên cơ sở dân chủ.

+ Tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách.

Về *tập thể lãnh đạo*, Hồ Chí Minh cho rằng: Một người dù tài giỏi đến mấy cũng không thể thấy hết được mọi mặt của vấn đề, cũng không thể thấy hết được mọi việc, hiểu hết được mọi chuyện. Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kiến thức, người thấy mặt này, người thấy mặt khác, do đó hiểu mọi mặt, mọi vấn đề.

Về *cá nhân phụ trách*, Người chỉ rõ: Việc gì đã được tập thể bàn bạc kỹ lưỡng, kế hoạch đã được định rõ thì cần giao cho một người phụ trách. Như thế công việc mới chạy, như thế mới tránh được thói dựa dẫm, người này y vào người kia, y vào tập thể, tránh tình trạng “nhiều sãi không ai đóng cửa chùa”.

Người cho rằng: Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách luôn luôn đi đôi với nhau. Tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là

tập trung. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách tức là dân chủ tập trung.

+ *Tự phê bình và phê bình.*

Theo Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình trước là để soi vào mình, để thấy rõ mình và người khác giúp mình thấy rõ mình hơn. Cốt để phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, để tư tưởng và hành động đúng, tốt, tiến bộ hơn. Đó là vũ khí để rèn luyện đảng viên.

Hồ Chí Minh xem tự phê bình và phê bình không chỉ là vũ khí xây dựng nội bộ, mà còn là nghệ thuật cách mạng, Đảng không những luôn dùng, mà còn khéo dùng phê bình và tự phê bình. Để tự phê bình có hiệu quả, trước hết cái tâm phải trong sáng, cái đầu phải tỉnh táo, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”.

+ *Kỷ luật nghiêm minh, tự giác.*

Nghiêm minh là thuộc về tổ chức Đảng, vì đó là kỷ luật đối với mọi cán bộ đảng viên, không phân biệt cán bộ lãnh đạo cao hay thấp, là cán bộ lãnh đạo hay đảng viên thường, mọi cán bộ, đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng.

Tự giác là thuộc về mỗi cán bộ, đảng viên đối với Đảng. Yêu cầu cao nhất của kỷ luật Đảng là cán bộ, đảng viên phải chấp hành các chủ trương, Nghị quyết của Đảng và tuân thủ các nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo, sinh hoạt đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng một cách tự giác.

+ *Đoàn kết thống nhất trong Đảng.*

Để xây dựng sự đoàn kết thống nhất, Đảng cần phải thực hiện và mở rộng dân chủ nội bộ để cán bộ, đảng viên có thể tham gia bàn bạc đến nơi đến chốn những vấn đề hệ trọng của Đảng. Phải thường xuyên thực hiện tự phê bình và phê bình với tinh thần trung thực, chân thành, thẳng thắn, tự nghiêm khắc với mình và có tình thương yêu đồng chí. Phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ

nghĩa cá nhân và các tệ nạn từ chủ nghĩa cá nhân mà ra.

** Cán bộ, công tác cán bộ của Đảng.*

Hồ Chí Minh nhận thức rất rõ vị trí, vai trò của cán bộ trong sự nghiệp cách mạng. Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy, là mắt khâu trung gian nối liền giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Muôn việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay xấu. Người cán bộ phải có đủ đức và tài, phẩm chất và năng lực, trong đó *đức là gốc, là nền tảng*.

Hồ Chí Minh cho rằng, công tác cán bộ là công tác gốc của Đảng. Nội dung của công tác cán bộ gồm các khâu liên hoàn, liên quan chặt chẽ với nhau như: tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ, đánh giá, tuyển dụng, sắp xếp, bố trí cán bộ, thực hiện các chính sách đối với cán bộ.

d. Xây dựng Đảng về đạo đức

Đạo đức của Đảng là đạo đức mới, đạo đức cách mạng, đạo đức đó mang bản chất giai cấp công nhân, cũng là đạo đức Mác - Lênin, đạo đức cộng sản chủ nghĩa mà nội dung cốt lõi là chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu. Hồ Chí Minh chỉ rõ Đảng ta là một Đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Có đạo đức cách mạng trong sáng, Đảng mới lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Đó là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và cũng là tư cách số một của Đảng cầm quyền. Giáo dục đạo đức cách mạng là một nội dung quan trọng trong việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên. Nó gắn chặt với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân dưới mọi hình thức nhằm làm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh.

Câu 36: Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.

a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, trong thời đại mới, để đánh bại các thế lực đế quốc thực dân nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, nếu chỉ có tinh thần yêu nước thì chưa đủ. Cách mạng muốn thành công và thành công đến nơi, phải tập hợp được mọi lực lượng có thể tập hợp được, xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc bền vững. Chính vì vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán, lâu dài, xuyên suốt tiến trình cách mạng.

Chính sách Mặt trận của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra là để thực hiện đoàn kết dân tộc. Người viết: “Đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, nhân dân ta đã làm Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đoàn kết trong Mặt trận Liên Việt, nhân dân ta đã kháng chiến thắng lợi, lập lại hòa bình ở Đông Dương, giải phóng miền Bắc.

Đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc, nhân dân ta đã giành được thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc”.

Từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khái quát thành những luận điểm có tính chân lý về vai trò của khối đại đoàn kết.

“Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm tròn nhiệm vụ nhân dân giao phó”¹. “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành

1.Sđđ, tập 7, tr. 392.

lấy thắng lợi”¹. “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”². “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết . Thành công, thành công, đại thành công”³.

b. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh: yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết là sức mạnh, là mạch nguồn của mọi thắng lợi. Do đó, đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách tới hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong Lời kết thúc lễ ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3/3/1951, Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự tổ quốc”⁴. Năm 1963, khi nói chuyện với cán bộ tuyên truyền và huấn luyện miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập. Chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích của tuyên truyền huấn luyện là: Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà”⁵.

Trong phong trào đấu tranh để tự giải phóng và xây dựng xã hội mới tốt đẹp, quần chúng nảy sinh nhu cầu đoàn kết và sự hợp tác. Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, biến những nhu cầu chủ yếu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có

1. Sđđ, tập 7, tr. 397.

2 Sđđ, tập 11, tr. 154.

3 Sđđ, tập 10, tr. 607.

4. Sđđ, tập 6, tr. 183.

5. Sđđ, tập 11, tr. 130.

tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

Câu 37: Trình bày lực lượng của đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

a. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

Hồ Chí Minh đề cập vấn đề dân và nhân dân, để chỉ “mọi con dân nước Việt”, “mỗi một người con Rồng cháu Tiên”, không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số, có tín ngưỡng hay không; không phân biệt “già, trẻ, gái, trai, giàu, nghèo, quý, tiện”. Như vậy, dân và nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa được hiểu với tư cách là mỗi con người Việt Nam cụ thể, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, với những mối liên hệ cả quá khứ và hiện tại, họ là chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc và đại đoàn kết dân tộc thực chất là đại đoàn kết toàn dân.

Nói đại đoàn kết dân tộc cũng có nghĩa là phải tập hợp được mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Hồ Chí Minh nhiều lần nói: “Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài... Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc, ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”¹. Từ *Ta* ở đây là chủ thể, vừa là Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, vừa là mọi người dân Việt Nam nói chung.

Người còn chỉ rõ, trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giai cấp – dân tộc để tập hợp lực lượng, không được phép bỏ sót một lực lượng nào, miễn là lực lượng đó có

1. Sđđ, tập 7, tr. 438.

lòng trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, không là Việt gian, không phản bội lại quyền lợi của dân chúng là được. Với tinh thần đoàn kết rộng rãi như vậy, Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng giải phóng dân tộc, tới cách mạng dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

b. Điều kiện thực hiện đại đoàn kết dân tộc

Thứ nhất, phải kế thừa truyền thống yêu nước – nhân nghĩa – đoàn kết của dân tộc. Truyền thống này được hình thành, củng cố và phát triển trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của cả dân tộc, trở thành giá trị bền vững thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam.

Thứ hai, phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người. Hồ Chí Minh chỉ rõ, trong mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu. “Vậy nên ta phải khoan hồng, đại độ. Ta phải biết rằng, đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải dùng tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang”.¹

Lòng khoan dung độ lượng ở Hồ Chí Minh không phải là một sách lược nhất thời, đó là tư tưởng nhất quán, được thể hiện trong đường lối, chính sách của Đảng. Người tuyên bố: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”². Người cho rằng, trong mỗi con người Việt Nam “ai cũng có ít hay nhiều tấm lòng yêu nước” tiềm ẩn bên trong. Tấm lòng yêu nước đó có khi bị bụi bặm che mờ, chỉ cần làm thức tỉnh lương tri

1. Sđđ, tập 4, tr. 246 - 247.

2. Sđđ, tập 7, tr. 433.

con người thì lòng yêu nước đó lại bộc lộ.

Thứ ba, để thực hành đoàn kết rộng rãi, cần có niềm tin vào nhân dân. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao. Theo Người, Dân là chỗ dựa của Đảng, là nguồn sức mạnh vô tận và vô địch của khối đại đoàn kết, quyết định thắng lợi của cách mạng, là nền, gốc và chủ thể của Mặt trận. Quan điểm của Hồ Chí Minh là sự tiếp nối của truyền thống dân tộc nước lấy dân làm gốc, chở thuyền và làm lật thuyền cũng dân, đồng thời là sự quán triệt sâu sắc nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”.

Câu 38: Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc.

a. Hình thức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc không thể chỉ dừng lại ở quan niệm, ở những lời kêu gọi, những lời hiệu triệu mà phải trở thành một chiến lược cách mạng. Nó phải biến thành sức mạnh vật chất, trở thành lực lượng vật chất có tổ chức. Tổ chức đó chính là Mặt trận dân tộc thống nhất.

Toàn dân tộc chỉ trở thành lực lượng to lớn, có sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng Tổ quốc khi được tập hợp, tổ chức lại thành một khối vững chắc, được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn. Nếu không được như vậy, thì quần chúng nhân dân dù có đông tới hàng triệu, hàng trăm triệu người cũng chỉ là một số đông không có sức mạnh. Chính vì vậy, ngay sau khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã chú ý đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai cấp, từng ngành nghề, từng giới, từng lứa tuổi, từng tôn giáo, phù hợp với từng giai đoạn của cách mạng.

Đó có thể là các Hội Ái hữu hay Tương trợ, Công hội hay Nông hội, Đoàn Thanh niên hay Hội Phụ nữ, Đội Thiếu niên hay Hội Phụ lão, Hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước hay những nghiệp đoàn... trong đó, bao trùm nhất là Mặt trận dân tộc thống nhất.

Tùy theo từng thời kỳ, căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng, cương lĩnh và điều lệ, Mặt trận dân tộc thống nhất có thể có những nét khác nhau, tên gọi của Mặt trận cũng có thể khác nhau: Hội Phản đế đồng minh (1930), Mặt trận Dân chủ (1936), Mặt trận Dân chủ phản đế (1939), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận Liên Việt (1946), Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955, 1976). Song thực chất chỉ là một, đó là tổ chức chính trị – xã hội rộng lớn của nhân dân Việt Nam, cùng phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

b. Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

** Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công – nông – trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng*

Hồ Chí Minh viết: “Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất”¹. Người chỉ rõ, sở dĩ phải lấy liên minh công – nông làm nền tảng “Vì họ là người trực tiếp sản xuất tất cả mọi tài phú làm cho xã hội sống. Vì họ đông hơn hết, mà cũng bị áp bức bóc lột nặng nề hơn hết. Vì chí khí cách mạng của họ chắc chắn, bền bỉ hơn của mọi tầng lớp khác”².

Ngoài vai trò nòng cốt của liên minh công nông, Hồ Chí Minh còn coi trọng mở rộng đoàn kết các tầng lớp khác, nhất là tầng lớp trí

1. Sđđ, tập 10, tr. 18.

2. Sđđ, tập 8, tr. 214.

thức. Người nói, “Trong sự nghiệp cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang, và công - nông - trí cần đoàn kết chặt chẽ thành một khối”.¹

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận vừa là vấn đề mang tính nguyên tắc, vừa là một tất yếu bảo đảm cho Mặt trận tồn tại, phát triển và có hiệu lực trong thực tiễn. Không có Mặt trận, Đảng không có lực lượng, không thể thực hiện được những nhiệm vụ cách mạng; không có sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận không thể hình thành, phát triển và không có phương hướng hoạt động đúng đắn. Do vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là một thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận.

Để lãnh đạo Mặt trận, Đảng phải có chính sách Mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ, phù hợp với quyền lợi và nguyện vọng của đại đa số nhân dân. Người viết: “Chính sách Mặt trận là một chính sách rất quan trọng. Công tác Mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng”².

Trong quá trình lãnh đạo mặt trận, Đảng phải đi đúng đường lối quần chúng, không được quan liêu, mệnh lệnh. Phải dùng phương pháp vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng chân thành để đối xử, cảm hóa, khơi gợi tinh thần tự nguyện, tự giác trong Mặt trận. “Phải thành thật lắng nghe ý kiến của người ngoài Đảng. Cán bộ và đảng viên không được tự cao tự đại, cho mình là tài giỏi hơn mọi người, trái lại phải học hỏi điều hay điều tốt ở mọi người... phải tích cực và phải chủ động... làm việc phải kiên nhẫn, phải thiết tha với công tác Mặt trận. Cán bộ và đảng viên có quyết tâm làm như thế thì công tác Mặt trận nhất định sẽ tiến bộ nhiều”.³

1. Sđđ, tập 8, tr. 214.

2. Sđđ, tập 10, tr. 605.

3. Sđđ, tập 10, tr. 606 – 607.

** Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân*

Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất là để thực hiện đại đoàn kết toàn dân, song khối đại đoàn kết đó chỉ có thể, thực hiện bền chặt và lâu dài khi có sự thống nhất cao về mục tiêu và lợi ích.

Mục đích chung của Mặt trận dân tộc thống nhất được Hồ Chí Minh xác định cụ thể phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, nhằm tập hợp tới mức cao nhất lực lượng dân tộc vào khối đại đoàn kết. Như vậy, độc lập, tự do là nguyên tắc bất di bất dịch, là ngọn cờ đoàn kết và là mẫu số chung để qui tụ các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo vào trong Mặt trận.

** Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững*

Nguyên tắc hiệp thương dân chủ đòi hỏi tất cả mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức. Đảng là lực lượng lãnh đạo Mặt trận, nhưng cũng là một thành viên của Mặt trận. Do vậy, tất cả mọi chủ trương, chính sách của mình, Đảng phải có trách nhiệm trình bày trước Mặt trận, cùng các thành viên khác của Mặt trận bàn bạc, hiệp thương dân chủ để tìm kiếm các giải pháp tích cực và thống nhất hành động, hướng phong trào quần chúng thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã vạch ra.

Phải làm cho tất cả các thành viên trong Mặt trận thấm nhuần tư tưởng đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết... Những lợi ích riêng chính đáng phù hợp với lợi ích chung của đất nước và dân tộc phải được tôn trọng. Ngược lại, những lợi ích bộ phận không phù hợp sẽ dần dần được giải quyết cùng với tiến trình chung của cách mạng,

thông qua lợi ích chung.

** Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ*

Mặt trận là một tập hợp nhiều giai tầng, dân tộc, tôn giáo, đảng phái nên bên cạnh những điểm tương đồng, giữa các thành viên của Mặt trận vẫn có những điểm khác nhau cần phải bàn bạc, hiệp thương dân chủ để thu hẹp những nhân tố khác biệt, cục bộ, nhân lên những nhân tố tích cực, nhân tố chung, đi đến thống nhất, đoàn kết. Để giải quyết vấn đề này, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “cầu đồng tồn dị”, lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt. Nhưng đồng thời Người cũng nêu rõ: “Đoàn kết phải gắn bó với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết”. “Đoàn kết thực sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái vì nước, vì dân. Tóm lại, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì toàn dân cần đoàn kết lâu dài, đoàn kết thực sự và cùng nhau tiến bộ”.¹

Câu 39: Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò đoàn kết quốc tế.

a. Đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới; cách mạng Việt Nam chỉ có thể thành công và thành công đến nơi khi thực hiện đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Cùng với quá trình phát triển thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong quan hệ với quốc tế, tư tưởng đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới đã được

1. Sđđ, tập 9, tr. 137.

Hồ Chí Minh phát triển ngày càng đầy đủ, rõ ràng và cụ thể hơn.

Đối tượng đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn. Đó là đoàn kết với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc; phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc và ở các nước tư bản, mở rộng ra tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; đoàn kết với phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới. Đặc biệt là đoàn kết với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia, hai nước cùng cảnh ngộ với Việt Nam trên bán đảo Đông Dương.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, thực hiện đại đoàn kết dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế, đại đoàn kết dân tộc phải là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế. Nếu đại đoàn kết dân tộc là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, thì đoàn kết quốc tế cũng là một nhân tố thường xuyên và quan trọng giúp cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

b. Đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

Thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động chính trị là thời đại đã chấm dứt sự tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng cho các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người.

Ngay sau khi nắm được đặc điểm của thời đại mới, Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để phá thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Người cho rằng, Đảng phải lấy toàn bộ thực tiễn của mình để chứng minh: Chủ nghĩa yêu nước triệt để không thể nào tách rời với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. “Tinh thần yêu nước là kiên quyết giữ gìn quyền

độc lập, tự do và đất đai toàn vẹn của nước mình. Tinh thần quốc tế là đoàn kết với các nước bạn và nhân dân các nước khác để giữ gìn hòa bình thế giới, chống chính sách xâm lược và chính sách chiến tranh của đế quốc ... giữ gìn hòa bình thế giới tức là giữ gìn lợi ích của nước ta... Đó là lập trường quốc tế cách mạng”.¹

Theo Hồ Chí Minh, muốn tăng cường đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung, các Đảng Cộng sản phải kiên trì chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô vanh ... những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết, thống nhất của các lực lượng cách mạng thế giới. Nói cách khác, các Đảng Cộng sản phải tiến hành có hiệu quả việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong mấy thập kỷ qua là thắng lợi của tư tưởng *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội* mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Nhờ kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đã được bổ sung thêm nguồn lực mới, trở thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhờ gương cao ngạo cờ chủ nghĩa xã hội, Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ quốc tế, huy động được sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, làm sức mạnh dân tộc được nhân lên gấp bội, chiến thắng được những kẻ thù có sức mạnh to lớn hơn mình về nhiều mặt.

Câu 40: Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về lực lượng và hình thức đoàn kết quốc tế.

a. Về các lực lượng cần đoàn kết

- Đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới, lực lượng

1. Sđđ, tập 7, tr. 227 - 228.

nòng cốt của đoàn kết quốc tế, Hồ Chí Minh cho rằng, sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản quốc tế là một bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Do đánh giá rất cao vai trò của khối đoàn kết của giai cấp vô sản thế giới, 12/1920, tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp, Hồ Chí Minh đã lên tiếng: “Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi các đồng chí, hãy cứu chúng tôi”¹. Đồng thời, Người cũng tìm thấy một lực lượng ủng hộ mạnh mẽ công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Đó là phong trào cộng sản và công nhân thế giới, là Liên Xô và sau này là các nước xã hội chủ nghĩa, là Quốc tế ba và sau này là Cục Thông tin quốc tế.

Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa tư bản là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động toàn thế giới. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có sức mạnh của sự đoàn kết, nhất trí, sự đồng tình và ủng hộ lẫn nhau của lao động toàn thế giới theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em” mới có thể chống lại được những âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc. Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân Việt Nam không thể tách rời sự đồng tình, ủng hộ, sự chi viện lớn lao của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, của các Đảng Cộng sản và công nhân thế giới.

- *Đối với phong trào giải phóng dân tộc.* Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc, tạo sự biệt lập, đối kháng và thù ghét dân tộc, chủng tộc ... nhằm làm suy yếu phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Vì vậy, Người đã kiến nghị với Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản: “Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái

1. Sđđ, tập 1, tr. 23 - 24.

cánh của cách mạng vô sản”¹. Hồ Chí Minh còn đề nghị Quốc tế Cộng sản, bằng mọi cách phải “Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành thắng lợi cuối cùng”². Người nói: “Đứng trước chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của giai cấp vô sản chính quốc và của nhân dân các nước thuộc địa là thống nhất”.

- *Đối với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình, dân chủ, tự do và công lý*, Hồ Chí Minh cũng tìm mọi cách để thực hiện đoàn kết. Trong xu thế mới của thời đại, sự thức tỉnh dân tộc gắn liền với thức tỉnh giai cấp, Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với mục tiêu bảo vệ hòa bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

Sau khi Việt Nam giành được độc lập, Hồ Chí Minh nhiều lần tuyên bố: “Chính sách ngoại giao của chính phủ thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để gìn giữ hòa bình”³. “Thái độ nước Việt Nam đối với những nước Á Châu là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè”⁴. Bên cạnh ngoại giao nhà nước, Hồ Chí Minh đẩy mạnh ngoại giao nhân dân, cho đại diện các tổ chức của nhân dân Việt Nam tiếp xúc, hợp tác với các tổ chức chính trị, xã hội, văn hóa của nhân dân thế giới, của nhân dân Á – Phi ..., xây dựng các quan hệ hữu nghị, đoàn kết với các lực lượng tiến bộ thế giới. Đã nhiều lần, Hồ Chí Minh khẳng định: Chính vì đã biết kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và của các dân tộc bị áp bức, mà Đảng ta đã vượt qua được mọi khó khăn, đưa giai cấp công

1. Sđđ, tập 2, tr. 124.

2. Sđđ, tập 2, tr. 124.

3. Sđđ, tập 5, tr. 30, 136.

4. Sđđ, tập 5, tr. 30, 136.

nhân và nhân dân ta đến những thắng lợi vẻ vang như ngày nay.

b. Về hình thức tổ chức đoàn kết quốc tế

Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là vấn đề sách lược, một thủ đoạn chính trị nhất thời mà là vấn đề có tính nguyên tắc, một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. Ngay từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm thành lập “Mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa” chống chủ nghĩa đế quốc, đồng thời kiến nghị Quốc tế Cộng sản cần có giải pháp cụ thể để đến Đại hội VI (1928) quan điểm này trở thành sự thật.

Đối với ***các dân tộc trên bán đảo Đông Dương***, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt. Năm 1941, để khơi dậy sức mạnh và quyền tự quyết, người quyết định thành lập riêng Mặt trận độc lập đồng minh cho từng nước Việt Nam, Lào, Campuchia rồi tiến tới thành lập Đông Dương độc lập đồng minh. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc hình thành Mặt trận đoàn kết Việt – Miên – Lào (Mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương) phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau cùng chiến đấu, cùng thắng lợi.

Mở rộng ra các nước khác, Người chăm lo củng cố mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác nhiều mặt theo tinh thần “vừa là đồng chí vừa là anh em”. Ngoài ra, người còn chỉ rõ, các dân tộc Châu Á có độc lập thì nền hòa bình thế giới mới được thực hiện. Do vậy, từ những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với việc sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa tại Pháp, Hồ Chí Minh đã tham gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức tại Trung Quốc. Với việc tham gia sáng lập các tổ chức này, Hồ Chí Minh đã góp phần đặt cơ sở cho sự ra đời của Mặt trận nhân dân Á – Phi đoàn kết với Việt Nam.

Những năm đầu tranh giành độc lập, Hồ Chí Minh tìm mọi cách

xây dựng các quan hệ với Mặt trận Dân chủ và lực lượng Đồng minh chống phát xít nhằm tạo thế dựa cho cách mạng Việt Nam. Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của bạn bè quốc tế và nhân loại tiến bộ, trong đó có cả nhân dân Pháp trong kháng chiến chống Pháp và cả nhân dân Mỹ trong kháng chiến chống Mỹ, hình thành Mặt trận Nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược.

Như vậy, tư tưởng đại đoàn kết vì thắng lợi cách mạng của Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận đoàn kết Việt – Miên – Lào; Mặt trận nhân dân Á – Phi đoàn kết với Việt Nam; Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Đây thực sự là sự phát triển rực rỡ nhất và thắng lợi to lớn nhất trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

Câu 41: Trình bày quan điểm Hồ Chí Minh về nguyên tắc đoàn kết quốc tế.

a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình

** Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình. Người cho rằng, để thực hiện đoàn kết quốc tế thì đoàn kết giữa các Đảng “là điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm cho phong trào cộng sản và công nhân toàn thắng trong cuộc đấu tranh vĩ đại cho tương lai tương sáng của toàn thể loài người”¹. Người cho rằng, thực hiện sự đoàn kết đó phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, quán triệt sâu sắc*

1. Sđđ, tập 10, tr. 235.

những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Có lý, trước hết, là phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, phải xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới. Tuy nhiên, việc trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin đòi hỏi phải vận dụng sáng tạo, có hiệu quả vào hoạt động thực tế của mỗi nước, mỗi đảng, tránh giáo điều.

Có tình, là sự thông cảm, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần, tình cảm của những người cùng chung lý tưởng, cùng chung mục tiêu đấu tranh; phải khắc phục tư tưởng sô vanh, “nước lớn”, “đảng lớn”, không “áp đặt”, “ức chế”, nói xấu, công kích nhau, hoặc dùng các giải pháp về chính trị, kinh tế ... gây sức ép với nhau. **Có tình**, đòi hỏi trong mọi vấn đề phải chờ đợi nhau cùng nhận thức, cùng hành động vì lợi ích chung. Lợi ích của mỗi quốc gia, dân tộc, mỗi đảng phải được tôn trọng, song lợi ích đó không được phương hại đến lợi ích chung, lợi ích của đảng khác, của dân tộc khác.

** Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc.*

Độc lập, tự do cho mỗi dân tộc là tư tưởng nhất quán, được Hồ Chí Minh coi là chân lý, là “Lẽ phải không ai chối cãi được”. Hồ Chí Minh không chỉ suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập tự do của các dân tộc khác. Trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng Lào, Campuchia, Trung Quốc, cũng như với các quốc gia, dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh thực hiện nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc: Dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, đồng thời mong muốn các quốc gia, dân tộc trên thế giới quan hệ, hợp tác, hữu nghị với Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc đó.

Những quan điểm trên được Người thể chế hóa sau khi Việt

Nam giành độc lập. Hồ Chí Minh tuyên bố: chính sách đối ngoại của nước Việt Nam là “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”.¹

Nêu cao tư tưởng độc lập tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh trở thành người khởi xướng, người cầm cờ và là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình, đồng thời thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau, thực hiện đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới với Việt Nam và thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

** Đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ hòa bình trong công lý.*

Giương cao ngọn cờ hòa bình đấu tranh bảo vệ hòa bình là tư tưởng bất di bất dịch của Hồ Chí Minh. Nhưng đó không phải là một nền hòa bình trừu tượng, mà là “một nền hòa bình chân chính xây trên công bình và lý tưởng dân chủ”², chống chiến tranh xâm lược vì các quyền dân tộc cơ bản của mỗi quốc gia. Trong suốt hai cuộc kháng chiến, quan điểm hòa bình trong công lý, lòng thiết tha hòa bình trong sự tôn trọng độc lập và thống nhất đất nước của Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã làm rung động trái tim nhân loại. Nó có tác dụng cảm hóa, lôi kéo các lực lượng tiến bộ thế giới đứng về phía nhân dân Việt Nam, đòi chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình. Trên thực tế, đã hình thành một Mặt trận nhân dân thế giới, có cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược, góp phần kết thúc thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đánh giá vai trò và những cống hiến của Hồ Chí Minh, Rômét Chandra, nguyên chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới, đã khẳng định:

1. Sđđ, tập 5, tr. 220.

2. Sđđ, tập 4, tr. 66.

“Bất cứ nơi nào chiến đấu cho độc lập, tự do, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu chiến đấu cho hòa bình và công lý, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu, nhân dân chiến đấu cho một thế giới mới, chống lại đói nghèo, ở đó có ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao”¹.

b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường

Đề đoàn kết tốt, phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Chính vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nêu cao khẩu hiệu: Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính, muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã. Trong đấu tranh giành chính quyền, người chủ trương: đem sức ta mà giải phóng cho ta. “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”². Trong quan hệ quốc tế, người nhân mạnh, phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to, tiếng mới lớn ...

Hồ Chí Minh chỉ rõ, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn. Người nói: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”³. Trong quan hệ giữa các đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: Các đảng dù lớn dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam là thắng lợi của đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong kháng chiến chống Mỹ, với đường lối độc lập, tự chủ, gương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp hài hòa

1. Rômét Chandra: Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại, báo Nhân dân, ngày 21/5/1980.

2. Sđđ, tập 6, tr. 522.

3. Sđđ, tập 5, tr. 136.

lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế, Đảng ta đã tranh thủ được phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam, tạo ra được tiếng nói chung và sự ủng hộ có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa đối với Việt Nam. Sự đoàn kết của Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc trong kháng chiến chống Mỹ đã góp phần quan trọng vào việc củng cố đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng thế giới, tạo chỗ dựa cho phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ.

Câu 42: Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Hồ Chí Minh có quan điểm nhất quán về xây dựng một nhà nước mới ở Việt Nam, một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ. Quan điểm đó xuyên suốt, có tính chi phối toàn bộ quá trình phát triển của Nhà nước cách mạng ở Việt Nam. Đây không chỉ là sự kế thừa mà còn là sự phát triển học thuyết Mác – Lênin về Nhà nước cách mạng.

Dân chủ trong xã hội Việt Nam được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ... Trong đó dân chủ trong lĩnh vực chính trị là quan trọng nhất, được biểu hiện thông qua hoạt động của Nhà nước.

Hồ Chí Minh viết: Ở nước ta, chính quyền là của nhân dân, do nhân dân làm chủ. Nhân dân bầu ra đại biểu, thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Theo Hồ Chí Minh, dân chủ còn biểu hiện ở phương thức tổ chức xã hội nhằm hướng tới mục tiêu: *bao nhiêu lợi ích đều vì dân, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*.

Hồ Chí Minh còn chỉ rõ nguồn gốc lực lượng tạo ra quyền hành đó là nhân dân. Đó là quan điểm gốc để Người coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; việc đổi mới, xây dựng, kháng chiến kiến quốc là trách nhiệm và công việc của nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân được thể hiện ở những nội dung sau:

* *Nhà nước của dân*, có nghĩa là mọi quyền lực trong Nhà nước, trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Hiến pháp năm 1946 nêu rõ: Tất cả quyền bính trong nước đều là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo; những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra toàn dân phúc quyết. Nhân dân có quyền làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, bầu ra Quốc hội – cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất thể hiện quyền tối cao của nhân dân.

Nhân dân lao động làm chủ thì nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước, cử tri bầu ra các đại biểu, uỷ quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh thì nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu đó khi họ tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, muốn bảo đảm tính nhân dân của Nhà nước, phải xác định và thực hiện được trách nhiệm của cử tri và các đại biểu do dân cử ra. Giữa cử tri và các đại biểu do nhân dân bầu ra phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hồ Chí Minh đã nêu lên quan niệm “*dân là chủ*” để xác định vị thế của dân, còn “*dân làm chủ*” để xác định quyền, nghĩa vụ của dân. Với ý nghĩa đó, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền làm bất cứ việc gì mà pháp luật không cấm.

Nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của dân để nhân dân thực thi được quyền làm chủ của mình trong hệ thống quyền lực xã hội. Trong đó quyền lực của nhân dân được đặt ở vị trí tối thượng. Điều này có ý nghĩa nhắc nhở những đại biểu của dân làm đúng chức trách và vị thế của mình, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh khai sinh ngày 2/9/1945 là nhà nước tiến

bộ nhất trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam.

*** *Nhà nước do dân***, là Nhà nước do nhân dân lập nên, do nhân dân ủng hộ, do nhân dân làm chủ. Vì vậy, Hồ Chí Minh thường nhắc nhở cán bộ phải làm cho dân hiểu, dân giác ngộ để nâng cao trách nhiệm làm chủ, nâng cao ý thức chăm lo xây dựng Nhà nước của mình. Hồ Chí Minh khẳng định: Việc nước là việc chung, mỗi người đều có trách nhiệm gánh vác. Quyền lợi, quyền hạn bao giờ cũng đi đôi với trách nhiệm và nghĩa vụ.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước mới, nhân dân có đủ điều kiện cả về pháp luật và thực tế để tham gia quản lý Nhà nước. Theo Người, Nhà nước do nhân dân sáng tạo ra và nhân dân tham gia quản lý Nhà nước thể hiện ở những điểm sau:

- Toàn bộ công dân bầu ra Quốc hội – cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, cơ quan duy nhất có quyền lập pháp.

- Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

- Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước thực hiện các nghị quyết của Quốc hội và chấp hành pháp luật.

- Mọi công việc của bộ máy Nhà nước trong việc quản lý xã hội đều nhằm thực hiện ý chí của dân (thông qua Quốc hội).

*** *Nhà nước vì dân***, là một Nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân. Trên tinh thần đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: *Mọi đường lối, chính sách đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân; việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố gắng tránh*. Dân là gốc của nước nên Hồ Chí Minh luôn tâm niệm: Phải làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, được học hành.

Theo Hồ Chí Minh, khi dân làm gốc, từ Chủ tịch nước đến công

chức bình thường đều làm công bộc, làm đầy tớ cho dân. Với chức vụ Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh cũng quan niệm là do dân *ủy thác cho*, như vậy phải *phục vụ* nhân dân, tức là làm *đầy tớ* cho nhân dân.

Câu 43: Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.

a. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, nhưng không phải là *Nhà nước toàn dân*. Nhà nước Việt Nam mới mang bản chất giai cấp công nhân. Bởi vì:

Một là, Nhà nước đó do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Việc xác định bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước là một vấn đề rất cơ bản của hiến pháp. Hiến pháp năm 1959 khẳng định: Nhà nước ta là nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công, nông do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Tùy từng thời kỳ Đảng có những phương thức lãnh đạo cho phù hợp, song trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng có những phương thức lãnh đạo chung cho các thời kỳ. Cụ thể là:

- Đảng lãnh đạo bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong bộ máy, cơ quan Nhà nước.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước ta thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước. Ngay khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới ra đời, trong *Tuyên ngôn độc lập*,

Hồ Chí Minh khẳng định, nền tảng kinh tế của chế độ xã hội mới là phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến tính dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước cũng như nhấn mạnh đến việc phát huy cao độ tính tập trung. Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực vào tay nhân dân.

b. Về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước

Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và dân tộc trong xây dựng Nhà nước Việt Nam mới. Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước trong tư tưởng của Người được biểu hiện ở những quan điểm sau:

Một là, Nhà nước Việt Nam mới ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc.

Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước ở Việt Nam rơi vào khủng hoảng đường lối. Các cuộc khởi nghĩa đều thất bại. Đầu năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 thắng lợi, giành được chính quyền, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Hai là, tính thống nhất còn biểu hiện ở chỗ Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm cơ bản. Hồ Chí Minh khẳng định lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc là một. Nhà nước ta không những thể hiện ý chí,

nguyện vọng của giai cấp công nhân mà còn thể hiện ý chí nguyện vọng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

Ba là, trong thực tế, Nhà nước ta đã đứng ra làm nhiệm vụ của dân tộc giao phó, là lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định cũng chính là sự nghiệp của Nhà nước ta.

Câu 44: Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.

Hồ Chí Minh đã sớm thấy được tầm quan trọng của Hiến pháp và Pháp luật trong quản lý xã hội. Năm 1919, Người gửi đến Hội nghị Vécxây Bản Yêu sách của nhân dân An Nam, yêu cầu: cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách làm cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những bảo đảm về mặt pháp luật như người Âu Châu; xóa bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam; thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật.

Trong “Việt Nam yêu cầu ca”, của Hồ Chí Minh cũng có câu: “Hai xin pháp luật sửa sang. Người Tây, người Việt hai phương cùng đồng”,... “Bảy xin hiến pháp ban hành. Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”.

Theo Hồ Chí Minh, một Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ được thể hiện trên những điểm sau:

**** Xây dựng một Nhà nước hợp pháp, hợp hiến***

Theo thông lệ quốc tế, Nhà nước hợp pháp, hợp hiến là Nhà nước do nhân dân bầu ra bằng phiếu kín. Vì vậy, chỉ một ngày sau khi

đọc bản Tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh đã đề nghị tổ chức tổng tuyển cử càng sớm, càng tốt để lập Quốc hội, từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức của Nhà nước mới. Có một Nhà nước như vậy mới có cơ sở pháp lý để làm việc với quân Đồng minh, mới có mối quan hệ quốc tế bình đẳng với các nước khác, mới thiết lập được một cơ chế quyền lực hợp pháp theo đúng thông lệ của một Nhà nước pháp quyền hiện đại.

Cuộc tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín, nhân dân Việt Nam đã bầu ra Quốc hội. Ngày 2/3/1946, Quốc hội khóa I đã họp phiên đầu tiên lập ra bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp. Đây là Chính phủ có đầy đủ giá trị pháp lý để giải quyết những vấn đề đối nội và đối ngoại.

**** Hoạt động quản lý Nhà nước bằng Hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống***

Theo Hồ Chí Minh, quản lý Nhà nước là quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác, trong đó quản lý bằng Hiến pháp và hệ thống pháp luật là quan trọng nhất.

Song, nếu có Hiến pháp và pháp luật mà không đưa được vào trong cuộc sống thì xã hội vẫn bị rối loạn. Cho nên, dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước. Hiến pháp, pháp luật là sức mạnh do con người và vì con người, vì vậy, Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật. Người quan tâm đến việc giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt là cho thế hệ trẻ. Hồ Chí Minh rất chú trọng việc nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân, làm cho nhân dân có ý thức trong việc tham gia công việc của chính quyền.

Trong việc thực thi Hiến pháp và pháp luật, Hồ Chí Minh bao giờ cũng chú ý cả hai mặt, vừa có lý, vừa có tình, vừa nghiêm khắc,

vừa tăng cường các biện pháp giáo dục pháp luật, bảo đảm cho luật pháp trở thành cán cân công lý đối với tất cả mọi người, ai vi phạm đều bị trừng trị nghiêm khắc đúng người, đúng tội.

Câu 45: Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy Nhà nước.

Theo Hồ Chí Minh, “muôn việc thành công, hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém.” Vì vậy, để xây dựng Nhà nước pháp quyền vững mạnh phải đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ công chức. Hồ Chí Minh đã nêu lên những yêu cầu cụ thể để xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có đủ đức và tài.

Một là, tuyệt đối trung thành với cách mạng. Cán bộ, công chức phải là người trung thành, kiên cường bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhà nước. Theo Hồ Chí Minh, lòng trung thành phải được thể hiện hàng ngày, hàng giờ, trong mọi lĩnh vực hoạt động và trong kết quả công tác. Lòng trung thành, đặc biệt thể hiện rõ trong những lúc đất nước gặp khó khăn, thử thách, lúc đất nước chuyển giai đoạn.

Hai là, hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình xây dựng những nhân tố mới. Do đó, yêu cầu đội ngũ cán bộ công chức phải hiểu công việc của mình, biết quản lý Nhà nước, do vậy, phải được đào tạo chuyên nghiệp. Đã là công chức thì phải chuyên sâu nghiệp vụ, phải học mọi lúc, mọi nơi, học suốt đời.

Ba là, phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, đội ngũ cán bộ, công chức là những người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước do nhân dân đóng góp. Do đó, Người nhắc nhở cán bộ công chức phải luôn quan hệ gắn bó với nhân dân, không được lãng phí của công; phải sẵn sàng phục vụ nhân dân, luôn nêu cao đạo đức cách mạng, sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân cho quyền lợi của Tổ quốc. Cán bộ, công chức phải lấy phục vụ quyền lợi chính đáng

của nhân dân làm mục tiêu cho hoạt động của mình, phải luôn gần dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, phải thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của dân. Có như vậy dân mới tin cậy, quý mến cán bộ nhà nước, mới ủng hộ Nhà nước, do đó, mới làm nên sức mạnh của Nhà nước.

Bốn là, cán bộ, công chức phải là người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, thắng không kiêu, bại không nản. Cán bộ, công chức phải là người có ý thức sẵn sàng làm công bộc cho dân, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phải làm việc với tinh thần đầy sáng tạo. Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, công chức phải luôn tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, luôn có chí tiến thủ, luôn học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt.

Năm là, phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, luôn có ý thức và hành động vì sự lớn mạnh, trong sạch của Nhà nước. Theo Hồ Chí Minh, bộ máy nhà nước phải tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với từng giai đoạn để phục vụ đắc lực cho mục tiêu hoạt động của Nhà nước, tất cả vì sự phát triển của đất nước, vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Chức vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước là do dân uỷ thác, uỷ quyền để làm việc cho ích quốc, lợi dân. Cán bộ trong bộ máy nhà nước phải thường xuyên tự phê và phê bình chống chủ nghĩa cá nhân.

Câu 46: Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả.

Theo Hồ Chí Minh, để xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả cần chú ý những vấn đề sau:

Một là, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, đủ đức đủ tài (xem phân tích ở câu trước)

Hai là, đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động

Theo Hồ Chí Minh, khi chính quyền còn non trẻ, hay thời điểm chuyển giai đoạn, cách mạng thường đứng trước nhiều khó khăn, thử thách, những tiêu cực rất dễ trở thành nguy cơ làm biến chất Nhà nước. Do đó, càng phải chú ý đến việc bảo đảm sự trong sạch, vững mạnh của các cấp chính quyền.

Ngay khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã gửi thư nhắc nhở chính quyền các cấp cần đề phòng các căn bệnh: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo. Hồ Chí Minh viết: Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi trên này, thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ, ai đã phạm những lầm lỗi trên này, thì phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung.

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước, Hồ Chí Minh nhắc nhở mọi người đề phòng, khắc phục những tiêu cực sau:

- Đắc quyền, đắc lợi

Muốn xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, phải tẩy trừ thói cửa quyền, hách dịch với dân, lạm dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

- Tham ô, lãng phí, quan liêu

Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là “*giặc nội xâm*”, “*giặc ở trong lòng*”, thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Theo Hồ Chí Minh: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu dù có ý hay không cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến... Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”¹.

1. Sđđ. tập 6, tr. 490.

Hồ Chí Minh lên án gay gắt căn bệnh lãng phí. Người đòi hỏi phải biết quý từng đồng xu, bát gạo do dân đóng góp. Lãng phí ở đây được Hồ Chí Minh xác định là sức lao động, thời giờ, là tiền của. Do đó, chống lãng phí là biện pháp để tiết kiệm, là vấn đề quốc sách của mọi quốc gia.

Theo Hồ Chí Minh, bệnh quan liêu có ở các cấp chính quyền. Hồ Chí Minh phê bình những người và cơ quan lãnh đạo các cấp không sát thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không đi sâu vào từng vấn đề. Bệnh quan liêu làm cho cán bộ lãnh đạo chỉ biết viết chỉ thị, khai hội, xem báo cáo trên giấy, không kiểm tra đến nơi đến chốn ... thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững...Thế là bệnh quan liêu đã áp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn diệt bệnh tham ô, lãng phí trước hết phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

- *"Tu túng", "chia rẽ", "kiêu ngạo"*. Theo Hồ Chí Minh, những căn bệnh này sẽ làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối cho công tác, tệ kéo bè, kéo cánh, dẫn đến tình trạng người có tài không được sử dụng. Hồ Chí Minh còn phê phán thói cậy thế, kiêu ngạo, làm mất uy tín của Chính phủ.

Ba la, tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng. Theo Hồ Chí Minh phải kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa quản lý xã hội bằng pháp luật với việc phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam, kết hợp nhuần nhuyễn cả *"đức trị"* và *"pháp trị"*. Hồ Chí Minh luôn thể hiện hài hòa giữa lý trí và tình cảm, nghiêm khắc, bao dung nhưng không bao che cho sai lầm, khuyết điểm của bất kỳ ai. Theo Hồ Chí Minh, pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, dù kẻ đó ở cương vị nào, nghề nghiệp gì để giữ nghiêm kỷ cương, phép nước.

Câu 47: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và xây dựng Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Trong điều kiện hiện nay, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng Nhà nước ngang tầm với nhiệm vụ mới, cần chú ý những vấn đề sau:

Một là, Nhà nước đảm bảo quyền làm chủ thật sự của nhân dân

Để xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân đòi hỏi phải đảm bảo và phát huy hơn nữa quyền làm chủ thật sự của nhân dân. Mở rộng dân chủ trên tất cả các lĩnh vực, đồng thời tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp và pháp luật phải thể chế hóa được quyền làm chủ của nhân dân, đảm bảo mọi người dân được bình đẳng trước pháp luật.

Cần xây dựng và thực hiện những quy tắc dân chủ trong các cộng đồng dân cư, tùy theo điều kiện của từng vùng, miền và các quy tắc đó không được trái với quy định của pháp luật. Theo đó, cần thực hiện tốt các quy chế dân chủ ở cơ sở đã được ban hành.

Hai là, kiện toàn bộ máy hành chính Nhà nước

Để xây dựng Nhà nước vững mạnh, đòi hỏi phải cải cách, xây dựng, kiện toàn bộ máy hành chính Nhà nước, đảm bảo một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, phục vụ đắc lực và có hiệu quả cho lợi ích của nhân dân. Kiên quyết khắc phục bệnh quan liêu, hách dịch, cửa quyền, phiền hà, sách nhiễu, tham nhũng. Cần tinh giản bộ máy Nhà nước, nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực thực hành nhiệm vụ của cán bộ, công chức.

Cần chú ý cải cách thủ tục hành chính; đề cao trách nhiệm trong việc giải quyết các khiếu kiện của công dân theo đúng quy định của pháp luật; tiêu chuẩn hóa, sắp xếp lại đội ngũ công chức, xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức vừa có đức vừa có tài, tinh thông

chuyên môn, nghiệp vụ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phải được đặt lên hàng đầu và được tiến hành thường xuyên, đảm bảo chất lượng.

Ba là, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Trong giai đoạn hiện nay, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là trách nhiệm cực kỳ quan trọng của Đảng cầm quyền, yêu cầu đó thể hiện ở những nội dung sau:

- Đảng lãnh đạo để Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và phát huy vai trò quản lý của Nhà nước.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Cụ thể là: Đảng lãnh đạo bằng đường lối, bằng tổ chức và bộ máy của Đảng trong các cơ quan nhà nước, bằng vai trò gương mẫu của đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước; bằng công tác kiểm tra hoạt động của Nhà nước. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ trong hệ thống chính trị trên cơ sở đảm bảo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà nước.

- Bản chất, tính chất của Nhà nước ta gắn liền với vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền, do đó, một vấn đề tất yếu đặt ra là phải làm cho Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh, Đảng là yếu tố hàng đầu quyết định cho sự thành công của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 48: Phân tích định nghĩa, nội dung xây dựng nền văn hóa mới theo tư tưởng HCM.

a. Yêu cầu câu hỏi: Câu hỏi gồm hai ý: Một là phân tích định nghĩa của HCM về văn hóa; Hai là phân tích 5 điểm lớn mà Bác đưa ra để định hướng nội dung cho việc xây dựng nền văn hóa mới.

b. Gợi ý trả lời

*** Định nghĩa của HCM về văn hóa**

- Trước hết sinh viên phải trình bày đầy đủ được định nghĩa của HCM về văn hóa và hoàn cảnh ra đời. Cụ thể: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.¹ Định nghĩa này được Bác đưa ra vào tháng 8/1943, khi bị giam trong nhà tù của chính quyền Trung Hoa dân quốc.

- Sinh viên phân tích các ý sau:

+ Văn hóa do con người sáng tạo ra nhằm đáp ứng nhu cầu cuộc sống và lẽ sinh tồn;

+ Văn hóa do con người sáng tạo, mang tính nhân sinh;

+ Văn hóa bao gồm hai lĩnh vực văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.

- Giá trị, ý nghĩa: Khắc phục được quan niệm phiến diện về văn hóa trước đó rất gần với những quan điểm hiện nay về văn hóa.

*** Nội dung xây dựng nền văn hóa mới**

- Sinh viên phân tích để làm rõ năm điểm lớn sau:

+ Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

+ Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình làm lợi cho quần chúng.

+ Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của

1. Sđđ, tập 3, tr. 431.

nhân dân trong xã hội.

+ Xây dựng chính trị: dân quyền.

+ Xây dựng kinh tế.

- Liên hệ với thực tiễn xây dựng nền văn hóa hiện nay theo 5 điểm lớn mà Bác đã đưa ra ở trên.

Câu 49: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội.

a. Yêu cầu câu hỏi: Câu hỏi này yêu cầu sinh viên phải phân tích được hai ý: Một là, vị trí của văn hóa thuộc kiến trúc thượng tầng xã hội, đứng trong kinh tế, chính trị; Hai là, văn hóa giữ vai trò đời sống tinh thần của xã hội, có nhiệm vụ thúc đẩy kinh tế, phục vụ chính trị. Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế chính trị là quan hệ biện chứng. Trong quá trình phân tích cần có những ví dụ thực tiễn để minh họa cho nội dung phân tích.

b. Gợi ý trả lời:

- Một là, văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng.

+ Văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, cùng với chính trị, kinh tế, xã hội, tạo thành bốn vấn đề chủ yếu của đời sống con người và các vấn đề này có quan hệ mật thiết với nhau không thể tách rời.

+ Văn hóa là một lĩnh vực thuộc kiến trúc thượng tầng, chịu sự tác động chi phối của chính trị, kinh tế, xã hội cụ thể:

Trong quan hệ với chính trị: Hồ Chí Minh cho rằng chính trị, xã hội được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Chính trị giải phóng sẽ mở đường cho văn hóa phát triển. Văn hóa phát triển tự do sẽ thúc đẩy cách mạng chính trị.

Trong quan hệ với xã hội: Hồ Chí Minh cho rằng “Xã hội thể

nào thì văn nghệ thế ấy...” do đó muốn phát triển văn hóa thì phải giải phóng XH.

Trong quan hệ với kinh tế, Hồ Chí Minh chỉ rõ văn hóa thuộc kiến trúc thượng tầng, kinh tế thuộc cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hóa. Do đó, kinh tế phải đi trước để có điều kiện xây dựng văn hóa.

- Hai là, văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế.

+ HCM cho rằng văn hóa có tính tích cực chủ động, tác động trở lại kinh tế, chính trị, góp phần thúc đẩy sự phát triển của kinh tế và chính trị.

+ *Văn hóa ở trong chính trị*, nghĩa là văn hóa phải tham gia thực hiện những nhiệm vụ chính trị theo tinh thần “*Văn hóa hóa kháng chiến kháng chiến hóa văn hóa*”. Văn hóa trở thành một mặt trận quan trọng, tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn góp phần đắc lực giúp nhân dân ta giành thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

+ *Văn hóa ở trong kinh tế* nghĩa là văn hóa phải tham gia đắc lực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

+ Văn hóa ở trong kinh tế và chính trị cũng có nghĩa là mọi hoạt động kinh tế và chính trị đều phải có tính văn hóa. Có như vậy, văn hóa mới thực sự vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Câu 50: Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, văn hóa có những tính chất và chức năng nào?

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên phải nắm vững trình bày được 3 tính chất, ba chức năng của văn hóa theo tư tưởng HCM. Nêu được các nội dung của 3 tính chất và 3 chức năng đó.

b. Gợi ý trả lời

- Về tính chất của nền văn hóa mới

+ HCM thường dùng những khái niệm: “văn hóa mới”, “văn hóa kháng chiến kiến quốc”, “văn hóa dân chủ mới”, “văn hóa XHCN”, mặc dù diễn đạt khác nhau, nhưng nền văn hóa ấy huôn bao hàm ba tính chất: dân tộc, khoa học, đại chúng.

+ *Tính dân tộc thể hiện ở những* đặc trưng bản chất của nền văn hóa, đó là những giá trị, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giúp ta phân biệt không, nhầm lẫn với văn hóa của các dân tộc khác. Tính dân tộc còn thể hiện ở chỗ biết giữ gìn, kế thừa, phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và còn phải phát huy những truyền thống ấy cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước.

Tính khoa học của nền văn hóa thể hiện ở: tính hiện đại, tiên tiến phù hợp với trào lưu tiến hóa của thời đại; đấu tranh chống lại những gì trái khoa học, phản tiến bộ...; kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Tính đại chúng thể hiện ở chỗ: Văn hóa phục vụ nhân dân trên tinh thần nghệ thuật vị nhân sinh, đề cao giá trị tốt đẹp của con người; do quần chúng nhân dân xây dựng, sáng tạo nên.

- Về chức năng của văn hóa, theo quan điểm của HCM có 3 chức năng chủ yếu sau:

+ *Chức năng đầu tiên cũng là chức năng cao quý nhất của văn hóa là, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp.*

Tư tưởng và tình cảm là hai vấn đề chủ yếu nhất của đời sống tinh thần của con người, do đó văn hóa là phải bồi dưỡng, nêu cao tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho con người, đặc biệt là những tư tưởng và tình cảm lớn, cụ thể:

Lý tưởng là điểm hội tụ của những tư tưởng lớn của một Đảng,

một dân tộc, do đó chức năng hàng đầu của văn hóa là làm cho ai cũng có tinh thần độc lập tự chủ, vì nước quên mình;

Tình cảm lớn là lòng yêu nước thương dân, thương yêu con người, nếu không có nó thì không thể nói đến cách mạng, đến CNXH và chủ nghĩa cộng sản.

+ *Chức năng thứ hai là mở rộng hiểu biết, nâng cao dân trí.* Nâng cao dân trí phải bắt đầu từ chỗ làm cho người dân biết đọc biết viết để có thể hiểu biết các lĩnh vực khác. Nâng cao dân trí để giúp cho người dân có thể hưởng thụ và tham gia sáng tạo văn hóa, góp phần vào thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

+ *Chức năng thứ ba là, bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh; hướng con người tới chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân.*

Phẩm chất và phong cách được hình thành từ đạo đức, lối sống, thói quen của cá nhân và phong tục tập quán của cộng đồng, tạo nên giá trị của con người. Phẩm chất và phong cách thường có mối quan hệ gắn bó với nhau, trong đó phẩm chất được thể hiện qua phong cách. Đối với cán bộ, đảng viên đạo đức - chính trị là phẩm chất quan trọng nhất.

Văn hóa giúp con người hình thành những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh thông qua phân biệt cái đẹp với cái xấu xa, cái tiến bộ với cái lạc hậu, bảo thủ để vươn tới giá trị *chân, thiện, mỹ* nhằm hoàn thiện bản thân. Với ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ: phải làm thế nào cho văn hóa *thấm sâu vào tâm lý quốc dân*, nghĩa là văn hóa phải *sửa đổi được những tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ*; văn hóa *soi đường cho quốc dân đi*.

Câu 51: Anh/chị hãy phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về văn

hóa giáo dục và ý nghĩa của nó.

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên cần phân tích được 3 quan điểm của Bác là mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục và phương châm, phương pháp giáo dục. Qua đó cho biết ý nghĩa của những quan điểm này với sự nghiệp giáo dục đào tạo hiện nay.

b. Gọi ý trả lời

*** Quan điểm HCM về văn hóa giáo dục**

- Hồ Chí Minh đã lên án nền giáo dục phong kiến là tầm chương, kinh viện xa rời thực tế, trọng nam khinh nữ. Còn nền giáo dục thực dân được Bác là ngu dân, đồi bại, xảo trá và “nguy hiểm hơn cả sự đốt nát”.

- Người yêu cầu nền giáo dục mới phải “...làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động...”.

- HCM đã đưa ra một hệ thống các quan điểm định hướng cho sự phát triển của giáo dục nước nhà sau CMT8, cụ thể:

+ *Quan điểm về mục tiêu của giáo dục* là thực hiện cả ba chức năng của văn hóa thông qua dạy và học. Qua đó, đào tạo những lớp người vừa có đức, vừa có tài, góp phần đắc lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa “nước ta sánh vai cùng các cường quốc năm châu”.

+ *Về nội dung giáo dục* theo HCM phải mang tính toàn diện, bao gồm cả văn hóa, chính trị, khoa học – kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, lao động... Các nội dung này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nội dung dạy và học phải phù hợp với điều kiện thực tiễn đất nước và quốc tế, do đó theo Người cần phải thường xuyên cập nhật nội dung, thay đổi phương pháp, xây dựng chương trình cho khoa học, hợp lý.

+ *Phương châm, phương pháp giáo dục:*

Về phương châm giáo dục: Học đi đôi với hành, lý luận liên hệ với thực tế, học tập phải kết hợp với lao động; phải kết hợp chặt chẽ ba khâu là nhà trường, gia đình, xã hội; thực hiện dân chủ, bình đẳng trong giáo dục; học ở mọi lúc, mọi nơi, học mọi người, học suốt đời; coi trọng việc tự học, tự đào tạo và đào tạo lại.

Về phương pháp giáo dục phải phù hợp với mục tiêu giáo dục. Cách dạy phải phù hợp với trình độ, lứa tuổi. Dạy từ dễ đến khó, kết hợp học tập với vui chơi có ích, chú trọng biện pháp nêu gương.

Về đội ngũ giáo viên, Người yêu cầu phải xây dựng, bồi dưỡng được đội ngũ giáo viên có đạo đức, yêu nghề, giỏi về chuyên môn, thuần thục về phương pháp. Mỗi giáo viên phải là một tấm gương sáng về đạo đức và học tập.

**** Ý nghĩa của những quan điểm này với sự nghiệp giáo dục đào tạo hiện nay*** (Dựa vào những nội dung đã phân tích ở trên, sinh viên rút ra được các ý nghĩa của những luận điểm về mục tiêu, nội dung, phương châm, phương pháp đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo hiện nay của đất nước).

Câu 52: Anh/chị hãy phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa văn nghệ và văn hóa đời sống.

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên nắm và phân tích được các quan điểm của HCM về vị trí, vai trò của văn hóa văn nghệ, các nội dung cơ bản của văn hóa đời sống như: đạo đức mới, đời sống mới, nếp sống mới.

b. Gọi ý trả lời:

*** Quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa văn nghệ**

- Văn nghệ (bao gồm văn học và nghệ thuật) là biểu hiện tập

trung nhất của nền văn hóa, là đỉnh cao của đời sống tinh thần, là hình ảnh của tâm hồn dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa văn nghệ bao gồm các quan điểm chủ yếu:

+ Văn hóa – văn nghệ là một mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng, trong công cuộc bảo vệ và xây dựng chế độ mới, con người mới. Văn nghệ có nhiệm vụ thức tỉnh quần chúng, tập hợp lực lượng. Nghệ sĩ phải có lập trường vững vàng, tư tưởng đúng đắn, biết đặt quyền lợi của dân tộc, của nhân dân lên trên hết.

+ Văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân, nghệ sĩ phải hòa mình vào đời sống nhân dân vì đây chính là nguồn nhựa sống, là sinh khí, là chất liệu vô tận cho văn nghệ sáng tác.

+ Phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới của đất nước và dân tộc đạt được sự hài hòa giữa nội dung và hình thức, vừa phải kế thừa giá trị dân tộc, vừa mang hơi thở của thời đại.

* ***Quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa đời sống*** gồm: quan điểm về đạo đức mới, lối sống mới, nếp sống mới, trong đó đạo đức mới đóng vai trò chủ yếu nhất

- *Đạo đức mới*: theo quan điểm Hồ Chí Minh chính là “Cần, Kiệm, Liêm, Chính” mà mỗi cán bộ, đảng viên phải nghiêm chỉnh thực hiện trước để nêu gương. “Nêu cao và thực hành cần, kiệm, liêm, chính tức là nhen lửa cho đời sống mới”

- *Lối sống mới* là lối sống có lý tưởng, có đạo đức, văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại. Để xây dựng lối sống mới, Người yêu cầu phải: sửa đổi phong cách sống sao cho khiêm tốn, chừng mực, yêu lao động, quý thời gian, cởi mở, chân tình...; sửa đổi phong cách làm việc sao cho có tác quần chúng, dân chủ, khoa học.

- *Nếp sống mới* là nếp sống văn minh, là quá trình làm cho lối sống mới dần trở thành thói quen, thành phong tục tập quán tốt đẹp. Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới mà chỉ bỏ cái xấu, sửa đổi cái phiền phức, giữ gìn và phát triển cái tốt, bổ sung cái mới, cái hay.

- Tóm lại, đây là công việc lâu dài, khó khăn, đòi hỏi phải có phương pháp tốt và sự quyết tâm của cả dân tộc mà trước tiên là từ mỗi cá nhân, mỗi gia đình.

Câu 53: Theo quan điểm của Hồ Chí Minh đạo đức có vai trò và sức mạnh như thế nào? Liên hệ với bản thân.

a. Yêu cầu câu hỏi: Trình bày các quan điểm của HCM về vị trí, về vai trò của đạo đức. Cụ thể: Đạo đức là cái gốc của người cách mạng, là tư cách của Đảng cầm quyền, là sức hấp dẫn của CNXH. Từ những quan điểm này, sinh viên phải liên hệ được với thực tiễn bản thân, để thấy được vai trò của đạo đức đối với việc xây dựng và phát triển bản thân.

b. Gợi ý trả lời

- Đạo đức là cái gốc của người cách mạng

+ Hồ Chí Minh coi đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, là nền tảng của người cách mạng, cũng như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”.

+ Hồ Chí Minh coi đạo đức là sức mạnh để giúp người cách mạng “hoàn thành được những nhiệm vụ vẻ vang”, là tiêu chuẩn hàng đầu của người cách mạng vì nhân dân chỉ quý mến, tin tưởng “những người có tư cách đạo đức”.

+ Đạo đức phải đi liền với tài năng, hồng phải gắn với chuyên, phẩm chất phải đi đôi với năng lực. Trong đó, đức là gốc của tài, hồng là gốc của chuyên, phẩm chất là gốc của năng lực.

- Đạo đức là tư cách số 1 của Đảng cầm quyền

+ HCM cho rằng, một Đảng chân chính, cách mạng phải có đạo đức. Đạo đức tạo nên sức mạnh, uy tín của Đảng, giúp Đảng đủ tư cách lãnh đạo hướng dẫn quần chúng.

+ Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”, “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng... Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

+ Sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội trước hết là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, ở phẩm chất của những người cộng sản ưu tú... chứ chưa phải ở lý tưởng cao xa, ở mức sống vật chất dồi dào, ở tư tưởng được tự do giải phóng.

+ Bản thân Bác với đạo đức trong sáng của một nhân cách vĩ đại đã tạo nên sức hấp dẫn lớn lao, lôi cuốn, cổ vũ mạnh mẽ cho nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân thế giới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Câu 54: Trình bày những chuẩn mực đạo đức cách mạng theo Tư tưởng Hồ chí Minh. Theo anh/chị trong những chuẩn mực ấy, chuẩn mực nào là quan trọng nhất?

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên phải nắm được và trình bày đủ 4 chuẩn mực đạo đức cách mạng mà HCM đã đưa ra, trên cơ sở đó xác

1. Sđd, tập 12, tr. 498.

định lý giải được được chuẩn mực quan trọng nhất, chuẩn mực hàng đầu mà mỗi cán bộ, đảng viên cũng như người dân Việt Nam trước hết phải có.

b. Gọi ý trả lời

*** Những chuẩn mực đạo đức theo Tư tưởng Hồ chí Minh**

- Trung với nước, hiếu với dân

+ Trung, hiếu là phẩm chất đạo đức bao trùm nhất, được Bác kế thừa từ tư tưởng đạo đức truyền thống phương Đông và đưa vào những nội dung mới là trung với nước, hiếu với dân.

+ Trung với nước là tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước, suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng.

+ Hiếu với dân là thương dân, tin dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân.

+ Trung với nước phải gắn liền hiếu với dân vì dân là chủ của nước, quyền hành, lực lượng đều ở nơi dân. Do đó, cán bộ, đảng viên phải giữ đúng vai trò người đầy tớ của dân chứ không phải là “quan cách mạng”.

- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

+ Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là những khái niệm đạo đức cũ, được Hồ Chí Minh tiếp thu, chọn lọc, đưa vào những yêu cầu và nội dung mới.

Cần là siêng năng, chăm chỉ, lao động có kế hoạch, năng suất cao trên tinh thần tự lực cánh sinh;

Kiệm là tiết kiệm thời gian, công sức, của cải không pho trương,

hình thức...;

Liêm là tôn trọng của công, của dân, không tham lam tiền của, địa vị, danh tiếng;

Chính là thẳng thắn, không tự cao, tự đại, nịnh trên khinh dưới, đặt công việc lên trên hết, trước hết.

+ Cần, kiệm, liêm, chính, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau là biểu hiện ra bên ngoài của “trung với nước, hiếu với dân”.

+ Cần, kiệm, liêm, chính thì ai cũng phải thực hiện, song cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm gương.

+ *Thực hiện tốt cần, kiệm, liêm, chính* giúp cho cán bộ đảng viên không trở nên hủ bại, không trở thành sâu mọt của nhân dân; giúp cho đất nước trở nên văn minh, tiến bộ, là nền tảng của đời sống mới, của các phong trào thi đua.

Chí công vô tư là công bằng, công tâm, không thiên tư, thiên vị là nêu cao tinh thần tập thể, chỉ biết vì Đảng, vì dân tộc. *Chí công vô tư* đối lập với chủ nghĩa cá nhân do đó muốn thực hành *chí công vô tư* thì trước tiên phải loại bỏ chủ nghĩa cá nhân.

- *Thương yêu con người, sống có tình nghĩa*

+ Thương yêu con người là phẩm chất đạo đức cao đẹp, là tình cảm rộng lớn, trước hết là dành cho những người nghèo khổ, những người bị áp bức, bóc lột. Nếu không có phẩm chất này thì không thể nói đến cách mạng.

+ Thương yêu con người, sống có tình nghĩa phải được xây dựng trên lập trường giai cấp công nhân, thể hiện trong các mối quan hệ hàng ngày.

+ Thương yêu con người, sống có tình nghĩa nghĩa là phải nghiêm khắc với mình, khoan dung, độ lượng với người khác, tôn

trọng quyền con người.

+ Thương yêu con người, sống có tình nghĩa phải luôn được thể hiện qua hành động cụ thể hàng ngày là luôn phấn đấu để “dân có ăn, có mặc, có chỗ ở và được học hành”, để dân tộc được độc lập, tự do.

- *Tinh thần quốc tế trong sáng*

+ Là một trong những phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa, nguồn từ bản chất giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn nhất, vượt khỏi quốc gia dân tộc.

+ *Tinh thần quốc tế trong sáng* là tôn trọng, hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản, các dân tộc bị áp bức và những người tiến bộ toàn cầu.

+ *Tinh thần quốc tế trong sáng* nghĩa là đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau chống lại chủ nghĩa sô vanh, bành trướng, bá quyền để thực hiện những mục tiêu lớn của dân tộc và thời đại theo tinh thần “giúp bạn là tự giúp mình”.

* **Chuẩn mực quan trọng nhất** (từ những phân tích về nội dung các chuẩn mực đạo đức ở trên, sinh viên tự rút ra đâu là chuẩn mực quan trọng nhất và lý giải vì sao nó được HCM coi là quan trọng nhất).

Câu 55: Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới. Theo anh/chị trong quá trình xây dựng đạo đức mới, chúng ta có thể bỏ bớt 1 trong ba nguyên tắc trên được hay không, vì sao?

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên cần nêu được ba nguyên tắc xây dựng đạo đức mới của HCM, đưa ra và lý giải vì sao có thể bỏ một trong 3 nguyên tắc hoặc vì sao không thể bỏ nguyên tắc nào.

b. Gợi ý trả lời

* **Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới**

- Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức

+ Là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng nền đạo đức mới, là đặc trưng bản chất của tư tưởng đạo đức HCM, đối lập với thói đạo đức giả của giai cấp bóc lột.

+ Nói không đi đôi với làm là thói đạo đức giả, nhiều lần Người chỉ ra và phê phán những biểu hiện của thói đạo đức giả trong cán bộ, đảng viên. Nói không đi đôi với làm không những đi ngược lại với lợi ích của quần chúng mà còn tổn hại đến uy tín của Đảng và Chính phủ.

+ Nói đi đôi với làm phải gắn liền với nêu gương về đạo đức. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải là những tấm gương về đạo đức, phải lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục nhau.

- Xây đi đôi với chống

+ Xây nghĩa là xây dựng các giá trị, các chuẩn mực đạo đức mới bằng việc giáo dục những chuẩn mực đạo đức mới, bằng việc khơi dậy ý thức tự giác, ý thức đạo đức ở mỗi người, bằng việc nêu những tấm gương về đạo đức.

+ Chống nghĩa là loại bỏ các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức thông qua tự phê bình và phê bình, thông qua kỷ luật Đảng và pháp luật.

+ Xây phải đi đôi với chống, chống nhằm mục đích xây, đây là cuộc chiến không lờ giữa tiến bộ và lạc hậu, giữa cách mạng và phản cách mạng.

+ Để xây và chống có kết quả phải phát hiện sớm, tuyên truyền, vận động phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự lành mạnh, trong sạch về đạo đức.

- Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

Muốn vậy, theo Hồ Chí Minh:

+ Phải làm sao để mỗi người tự nhận thấy việc trau dồi đạo đức là một việc “sung sướng, vẻ vang nhất trên đời” để tự giác thực hiện.

+ Phải xác định, tu dưỡng đạo đức là một cuộc cách mạng trường kỳ gian khổ trong bản thân mỗi người nhưng chúng ta nhất định sẽ thành công.

+ Người nói “đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống, nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong” do đó tu dưỡng đạo đức phải được tiến hành thường xuyên, bền bỉ suốt đời, không được chủ quan tự mãn. “Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất thiết ngày hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không còn trong sáng nữa, nếu rơi vào chủ nghĩa cá nhân.”

*** Trong quá trình xây dựng đạo đức mới, chúng ta có thể bỏ bớt 1 trong ba nguyên tắc trên được hay không, vì sao (từ những nội dung nêu trên, sinh viên phải xác định được có hay không và lý giải để bảo vệ quan điểm của mình).**

Câu 56: Vì sao sinh viên phải học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh? Những phẩm chất đạo đức mà sinh viên phải rèn luyện?

a. Yêu cầu câu hỏi: Nêu được quan điểm của HCM về những lý do mà sinh viên phải tăng cường tu dưỡng đạo đức (học tập và làm theo tư tưởng đạo đức HCM), trình bày 6 phẩm chất đạo đức mà Bác đã xác định cho học sinh, sinh viên phải làm theo và những điều kiện để có những phẩm chất đó.

b. Gọi ý trả lời

*** Sinh viên phải học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**

- Theo Bác sinh viên là “người chủ tương lai của nước nhà”, “nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”. Do vậy, Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa “hồng”, vừa “chuyên”.

- Đạo đức giúp tôn vinh, nâng cao giá trị cho con người, tạo nên sức mạnh nội sinh để thế hệ trẻ vượt qua khó khăn, thử thách nên “khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước... Khi gặp thuận lợi và thành công vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn”...

- Trong thời đại ngày nay, sinh viên, trí thức chính là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước. Do đó, bên cạnh trao dồi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập, sinh viên phải ra sức tu dưỡng đạo đức cách mạng thành những con người vừa hồng, vừa chuyên.

*** Những phẩm chất đạo đức mà sinh viên phải rèn luyện:**

- *Yêu Tổ quốc* nghĩa là phải làm sao cho Tổ quốc ta giàu mạnh. Muốn vậy phải ra sức lao động, ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

- *Yêu nhân dân* nghĩa là phải hiểu rõ sinh hoạt của dân còn cực khổ như thế nào, biết chia sẻ những lo lắng, vui buồn với nhân dân.

- *Yêu chủ nghĩa xã hội*: Bác cho rằng yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm.

- *Yêu lao động* vì không có lao động thì yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu CNXH cũng chỉ là lời nói suông.

- *Yêu khoa học và kỷ luật*: Vì tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có khoa học và kỷ luật.

*** *Làm như thế nào để sinh viên có có được những phẩm chất này:***

- Phải rèn luyện cho mình những đức tính như: Trung thành, tận tụy, thật thà, chính trực; ý thức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân; chống lại chủ nghĩa cá nhân; xác định rõ bạn, thù.

- Trong học tập, rèn luyện phải kết hợp lý luận với thực hành, học tập với lao động; phải trả lời được câu hỏi học để làm gì, phục vụ ai.

Câu 57. Trình bày thực trạng lối sống của sinh viên hiện nay, để khắc phục, phòng tránh những biểu hiện xấu trong đạo đức và lối sống hiện nay thì sinh viên cần học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở những nội dung nào?

a. *Yêu cầu câu hỏi:* Phải nêu được thực trạng của lối hiện nay của sinh viên cả những mặt tốt, mặt xấu, mặt tiêu cực; Phải trình bày được 4 nội dung tư tưởng HCM mà sinh viên phải học tập và làm theo để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

b. *Gợi ý trả lời*

*** *Thực trạng đạo đức lối sống trong sinh viên hiện nay***

- Phần lớn sinh viên, thanh niên trí thức hiện nay vẫn giữ được lối sống tình nghĩa, lành mạnh, có bản lĩnh, có ý chí phấn đấu, năng động, sáng tạo; khiêm tốn, gần gũi với nhân dân, đồng hành cùng dân tộc...

- Tuy nhiên, do mặt trái của kinh tế thị trường tác động, một bộ phận sinh viên hiện nay bị phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu; chạy theo lối sống thực dụng, dựa dẫm vào gia đình, thờ ơ với xã hội, xa vao các tệ nạn; thiếu trung thực trong thi cử, chạy theo bằng cấp bằng mọi giá...

** Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*

- Để trở thành người chủ tương lai của nước nhà, thế hệ trẻ Việt Nam nói chung, sinh viên, thanh niên trí thức nói riêng cần học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở nội dung cơ bản sau:

- Trước hết sinh viên phải học ở Bác lòng trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người:

+ Hồ Chí Minh đã lựa chọn một cách rõ ràng, dứt khoát mục tiêu hiến dâng cả đời mình cho cách mạng, chấp nhận mọi hy sinh, luôn kiên định, dũng cảm và sáng suốt để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, “thắng không kiêu, bại không nản”, tuyệt đối và hoàn toàn cống hiến đời mình cho cách mạng, cho dân tộc. Điều luyện tiết duy nhất của Người khi mất là “không được phục vụ nhân dân lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”.

+ Tấm gương vì nước, vì dân của Bác đã được nhân dân thế giới, bạn bè quốc tế thừa nhận và kính phục: “Một tấm gương sáng chói những phẩm chất cách mạng và nhân đạo cao cả nhất...”, “là nguồn cổ vũ đời đời bất diệt”.

- Thứ hai sinh viên cần phải học ở bác tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.

+ Hồ Chí Minh thường dạy cán bộ, đảng viên phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, ít lòng ham muốn vật chất và Người đã gương mẫu thực hiện điều đó, cả cuộc đời Bác không có gì cho riêng mình.

+ Người sống vì nước, vì dân, coi khinh mọi sự xa hoa, không ưa chuộng những nghi thức trang trọng cầu kỳ, suốt đời giữ một nếp sống thanh bạch, giản dị, khiêm tốn, khắc khổ để mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Đó là “đức tính vô cùng giản dị và sự khiêm tốn phi thường” mà thế hệ trẻ cần noi theo.

- Thứ ba, sinh viên phải học ở Bác đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người.

+ Hồ Chí Minh luôn nhận thấy và phát sức mạnh vô địch, sức sáng tạo phi thường của nhân dân, Người nói “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu là xong”.

+ Người luôn dạy cán bộ, đảng viên, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh; phải gần dân, hiểu dân, học dân, kính trọng nhân dân; hết lòng hết sức phục vụ nhân dân...

+ Bác luôn có lòng vị tha, khoan dung độ lượng với người mắc sai lầm và căn dặn cán bộ, đảng viên phải “dùng tình thân ái mà cảm hóa họ”.

- Một đức tính nữa của Bác mà sinh viên cần phải học tập và làm theo đó là tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống.

+ Cuộc đời cách mạng của Hồ Chí Minh là một chuỗi những năm tháng vô cùng gian khổ nhưng nhờ ý chí và nghị lực, Bác đã bình tĩnh, kiên cường, chủ động vượt qua mọi thử thách, gian nguy, kiên trì giữ vững quan điểm cách mạng cũng như mục đích sống của bản thân.

+ Một tờ báo nước ngoài đã viết: Đằng sau cái cốt cách dịu dàng của cụ Hồ là một ý chí sắt thép. Dưới cái bề ngoài giản dị là một tinh thần quật khởi anh hùng không có gì uy hiếp nổi.

Câu 58: Quan điểm Hồ Chí Minh về con người và vai trò của con người. Cho biết ý nghĩa của quan điểm này trong giai đoạn hiện nay?

a. Yêu cầu câu hỏi: Sinh viên phải trình bày được quan điểm của Bác về con người, cụ thể: Cách nhìn của Bác về con người, về bản chất con người, những quan vai trò của con người. Dựa trên những quan điểm đó sinh viên rút ra được những ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng con người trong giai đoạn hiện nay.

b. Gợi ý trả lời

*** Quan niệm của HCM về con người**

- HCM nhìn nhận con người như một chỉnh thể thống nhất giữa các mặt tâm lực, thể lực và các hoạt động của nó, con người luôn có xu hướng vươn tới Chân – Thiện – Mỹ.

- HCM xem xét con người trong tính đa về quan hệ xã hội, đa dạng về tính cách, khát vọng, phẩm chất, tài năng; đa dạng trong hoàn cảnh xuất thân, điều kiện sống, làm việc...

- HCM xem xét con người trong sự thống nhất giữa các mặt đối lập tốt – xấu, thiện – ác, hay - dở...

- Khi xem xét con người trong các mối quan hệ xã hội, nghĩa là Bác đang đề cập, xem xét con người hiện thực, con người cụ thể.

- Con người là sản phẩm của XH, là sự tổng hợp các quan hệ xã hội từ hẹp đến rộng, vì vậy bản chất của con người mang tính xã hội.

**** Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người***

- Con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng

+ Hồ Chí Minh coi con người là vốn quý nhất là xuất phát từ nhận thức được sức mạnh của quần chúng. Nhân dân chính là lực lượng sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần.

+ Nhân dân là yếu tố quyết định thành công của cách mạng. “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi”.

- Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng; phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người

+ Con người là mục tiêu của cách mạng nghĩa là làm cách mạng để giải phóng dân tộc, tiến lên XHCN cũng là nhằm giải phóng nhân dân, giải phóng con người khỏi gông cùm nô lệ, nghèo nàn, lạc hậu.

+ Con người là mục tiêu cách mạng trong điều kiện cụ thể của từng giai đoạn cách mạng, khi đất nước còn nô lệ thì mục tiêu là giải phóng dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân, khi đã có chính quyền thì mục tiêu là ăn, mặc, ở, học hành.

+ Con người là mục tiêu của cách mạng nên mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ đều vì lợi ích chính đáng của con người.

+ Con người là động lực của cách mạng nghĩa là con người chính là nhân tố thúc đẩy cách mạng thành công. Tuy nhiên, không phải mọi con người đều trở thành động lực của cách mạng mà chỉ có những người có trí tuệ, bản lĩnh, đạo đức, được giác ngộ, được tổ

chức, có lãnh đạo.

- Muốn con người trở thành động lực thì phải kiên quyết khắc phục kịp thời các phản động lực trong con người và tổ chức. Đó là chủ nghĩa cá nhân.

- Con người mục tiêu và con người động lực có mối quan hệ biện chứng với nhau. Càng chăm lo cho con người mục tiêu tốt bao nhiêu thì sẽ tạo thành con người động lực tốt bấy nhiêu và ngược lại. Do đó phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người là việc làm quan trọng, thường xuyên trong mọi giai đoạn cách mạng.

Câu 59. Phân tích quan điểm của HCM về chiến lược trồng người và cho biết ý nghĩa của nó.

a. Yêu cầu câu hỏi: Phân tích để làm rõ 3 quan điểm HCM về chiến lược trồng người qua đó phải rút ra được ý nghĩa của những luận điểm này đối với sự nghiệp trồng người hiện nay.

b. Gợi ý trả lời

*** Quan điểm của HCM về chiến lược trồng người**

- “Trồng người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng

+ Xuất phát từ quan niệm con người là vốn quý nhất, là yếu tố quyết định đối thành công cách mạng, là mục tiêu, động lực của cách mạng nên Bác rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, đào tạo con người, coi đó là “lợi ích trăm năm”, là yêu cầu cấp bách, khách quan, lâu dài của cách mạng.

+ HCM đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển, trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước cũng như trong chiến lược giáo dục – đào tạo.

- “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con

người xã hội chủ nghĩa”.

+ Con người là động lực cách mạng nên việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ phải đặt ra ngay từ đầu chứ không phải chờ kinh tế, xã hội phát triển xong mới xây dựng con người.

+ Con người là nhân tố quyết định thành công của cách mạng nên mỗi bước xây dựng con người là nấc thang xây dựng xã hội chủ nghĩa.

+ Con người xã hội chủ nghĩa là con người biết kế thừa những giá trị tốt đẹp của dân tộc, có đạo đức, tri thức, tinh thần cống hiến cho dân tộc, cho nhân dân, có lòng nhân ái, vị tha, độ lượng.

- Chiến lược “trồng người” là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

+ Để trồng người cần có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục và đào tạo là biện pháp quan trọng hàng đầu.

+ Mục tiêu của giáo dục là nhằm đào tạo ra những người kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng to lớn của Đảng và nhân dân ta.

+ Nội dung, phương pháp giáo dục phải toàn diện nhằm tạo ra những người vừa hồng, vừa chuyên, trong đó giáo dục đạo đức, lý tưởng, tình cảm phải đặt lên hàng đầu.

+ “Trồng người” là công việc trăm năm nên không thể nóng vội, tùy tiện đến đâu hay đến đó mà phải đặt vào vị trí trọng tâm của chiến lược phát triển đất nước.

*** Ý nghĩa của những luận điểm trên** (sinh viên dựa vào nội dung các luận điểm này, liên hệ với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và thực tiễn giáo dục, đào tạo để rút ra ý nghĩa)

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, trở lực nào “làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính”?

- a. Chủ nghĩa giáo điều, chủ quan, lười biếng.
- b. Căn bệnh chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết.
- c. Chủ nghĩa cá nhân.
- d. Tham ô, lãng phí, quan liêu.

Câu 2: Trong các nguyên tắc sau đây, nguyên tắc nào là nguyên tắc hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất?

- a. Tự phê bình và phê bình.
- b. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.
- c. Hiệp thương dân chủ.
- d. Tập trung dân chủ.

Câu 3: Đảng ta lấy tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của mình từ:

- a. Đại hội II (2/1951).
- b. Đại hội VII (6/1991).
- c. Đại hội VI (12/1986).
- d. Đại hội VIII (1996).

Câu 4: Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, cách mệnh “Trước hết phải có”?

- a. Đảng cách mệnh.
- b. vũ khí hiện đại.
- c. lực lượng cách mệnh.
- d. học thuyết cách mệnh.

Câu 5: Trong các mối quan hệ sau, mối quan hệ nào được Hồ Chí Minh coi là “quan hệ máu thịt”?

- a. Quan hệ giữa quân đội với nhân dân.
- b. Quan hệ giữa Đảng với chính quyền.
- c. Quan hệ giữa Đảng với dân.
- d. Quan hệ giữa Đảng với Mặt trận.

Câu 6: Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “Đảng muốn vững phải có....”

- a. kỷ luật nghiêm minh.
- b. chủ nghĩa làm cốt.
- c. tổ chức chặt chẽ.
- d. người lãnh đạo.

Câu 7: Lực lượng nào được Hồ Chí Minh coi là nền tảng của khối Đại đoàn kết dân tộc?

- a. Liên minh Công nhân – Trí thức.
- b. Liên minh Công – Nông – Trí thức.
- c. Liên minh Công nhân – Binh lính.
- d. Toàn dân tộc.

Câu 8: Trong những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ nào được xác định là tiền đề lý luận trực tiếp quyết định bản chất cách

mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh?

- a. Giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam.
- b. Tinh hoa văn hóa nhân loại.
- c. Chủ nghĩa Mác – Lênin.
- d. Phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh.

Câu 9: Trong những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ sở nào là nhân tố đã thúc giục Hồ Chí Minh ra đi tìm tòi, học hỏi, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu tư tưởng cách mạng và văn hóa của Người?

- a. Giá trị truyền thống dân tộc.
- b. Tinh hoa văn hóa nhân loại.
- d. Phẩm chất cá nhân.
- c. Chủ nghĩa Mác – Lênin.

Câu 10: Trong Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945, trước hết Hồ Chí Minh tuyên bố đến quyền cơ bản gì của các dân tộc?

- a. Quyền hạnh phúc.
- b. Quyền bình đẳng.
- c. Quyền tự do.
- d. Quyền sung sướng.

Câu 11: Theo anh/chị, sự thất bại của phong trào Cần vương là sự thất bại của:

- a. Một phong trào chống Pháp.
- b. Ý thức hệ Phong kiến.
- c. Khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.

d. Phong trào vũ trang chống Pháp.

Câu 12: Quan điểm: “Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất lớn và vô cùng tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi” của Hồ Chí Minh làm nổi bật đề cập đến:

- a. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- b. Vai trò của nhân dân.
- c. Sức mạnh của nhân dân.
- d. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 13: Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, vấn đề nào được coi là động lực ở các nước đang đấu tranh giành chính quyền?

- a. Độc lập dân tộc.
- b. Tự do – độc lập.
- c. Giải phóng dân tộc.
- d. Chủ nghĩa dân tộc.

Câu 14: Câu nói “Không có gì quý hơn độc lập tự do” được Hồ Chí Minh tuyên bố vào thời điểm nào?

- a. Khi Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc.
- b. Khi tiến hành cuộc Cách mạng Tháng.
- c. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.
- d. Khi Mỹ bắt đầu xâm lược ở Việt Nam.

Câu 15 “Chúng ta đấu tranh cho tự do, độc lập của các dân tộc khác như là đấu tranh cho dân tộc ta vậy”, luận điểm trên phản ánh mối quan hệ nào?

- a. Dân tộc với giai cấp.
- b. Độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.
- c. Chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế.
- d. Cả ba đều đúng.

Câu 16: Trong nhiều bài nói, bài viết, Hồ Chí Minh đã nêu và phân tích năm đức tính chủ yếu của người cách mạng, đó là các đức tính nào?

- a. Nhân – Nghĩa – Trí – Dũng – Liêm.
- b. Nhân – Nghĩa – Trí – Dũng – Tín.
- c. Cần – Kiệm – Liêm – Chính – Chí công vô tư.
- d. Nhân – Nghĩa – Lễ - Trí – Tín.

Câu 17: Phong trào yêu nước của giai cấp, tầng lớp nào được Hồ Chí Minh coi là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- a. Nông dân.
- b. Công nhân.
- c. Tư sản dân tộc.
- d. Trí thức.

Câu 18: Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội trước hết từ phương diện nào?

- a. Từ phương diện kinh tế
- b. Từ quan hệ văn hóa, đạo đức
- c. Từ khát vọng giải phóng dân tộc
- d. Cả ba đều đúng

Câu 19: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là gì?

- a. Lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất tiên tiến.
- b. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- c. Nhân dân lao động làm chủ.
- d. Không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

Câu 20: Hồ Chí Minh cho rằng “Đoàn kết ... nghĩa là mục đích phải ... và lập trường cũng phải ... Đoàn kết ... nghĩa là vừa đoàn kết vừa đấu tranh”. Hãy tìm dãy chữ phù hợp?

- a. nhất trí, nhất trí, thực sự, thực sự
- b. thực sự, nhất trí, thực sự, nhất trí
- c. nhất trí, thực sự, nhất trí, thực sự
- d. thực sự, nhất trí, nhất trí, thực sự

Câu 21: Theo quan điểm Hồ Chí Minh, một trong những điều kiện quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam là:

- a. Số lượng đảng viên là công nhân chiếm đa số.
- b. Trình độ văn hóa của đảng viên cao.
- c. Tuân thủ những nguyên tắc tổ chức Đảng kiểu mới của Lênin.
- d. Đặt mục tiêu hàng đầu là giải phóng giai cấp công nhân.

Câu 22: “Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại có sức hấp dẫn lớn không nhất định ngày hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không còn trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”. Luận điểm trên phản ánh quan điểm nào của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam?

- a. Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.
- b. Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng theo nguyên tắc Đảng kiểu mới của Lênin.
- c. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng.
- d. Đảng Cộng sản Việt Nam phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới.

Câu 23: “Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến”. Luận điểm trên của Hồ Chí Minh phản ánh nội dung nào trong tư tưởng nhân văn của người?

- a. Yêu thương con người.
- b. Tin vào sức mạnh, tính sáng tạo của nhân dân.
- c. Lòng khoan dung độ lượng.
- d. Cả ba đều đúng.

Câu 24: Điền từ còn thiếu vào dấu 3 chấm: "Đoàn kết trong Mặt trận ... nhân dân ta đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công,"

- a. Việt Minh
- b. Tổ quốc
- c. Liên Việt
- d. Dân tộc thống nhất

Câu 25: Ưu điểm lớn nhất của chủ nghĩa Mác theo Hồ Chí Minh là:

- a. Bản chất cách mạng.
- b. Phương pháp làm việc biện chứng.

- c. Bản chất khoa học.
- d. Chủ nghĩa nhân đạo.

Câu 26: Theo quan điểm Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp của:

- a. Giai cấp công nhân và nông dân.
- b. Giai cấp công nhân, nông dân và tư sản dân tộc.
- c. Toàn dân, trên cơ sở liên minh công nông.
- d. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và trí thức.

Câu 27: Hồ Chí Minh xác định mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là:

- a. Đoàn kết dân tộc, giải phóng đất nước.
- b. Đoàn kết nhân dân, giải phóng xã hội.
- c. Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc.
- d. Đoàn kết toàn dân, xây dựng đất nước.

Câu 28: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác xây dựng Đảng nên được tiến hành khi nào?

- a. Khi trong Đảng có vấn đề nổi cộm.
- b. Khi xuất hiện những yêu cầu, nhiệm vụ mới.
- c. Khi cách mạng chuyển sang một giai đoạn mới.
- d. Phải tiến hành thường xuyên.

Câu 29: Trong những nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản, Hồ Chí Minh xác định nguyên tắc nào là: nguyên tắc lãnh đạo của Đảng?

- a. Tập trung dân chủ.

- b. Kỷ luật nghiêm minh và tự giác.
- c. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.
- d. Kỷ luật nghiêm minh và tự giác.

Câu 30: Lực lượng nào được Hồ Chí Minh coi là nòng cốt của đoàn kết quốc tế?

- a. Phong trào giải phóng dân tộc.
- b. Phong trào cộng sản và công nhân thế giới.
- c. Phong trào dân chủ, hòa bình.
- d. Phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam.

Câu 31: Theo quan điểm của Hồ Chí Minh “bạn đồng minh” của thực dân phong kiến là:

- a. Lười biếng, lười học, lười suy nghĩ.
- b. Tham ô, lãng phí, quan liêu.
- c. Bè phái, quân phiệt, hách dịch.
- d. Tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo.

Câu 32: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Luận điểm trên, Hồ Chí Minh đã tiếp thu giá trị của nền văn hóa nào?

- a. Văn hóa Việt Nam.
- b. Văn hóa phương Đông.
- c. Chủ nghĩa Mác – Lênin.
- d. Văn hóa phương Tây.

Câu 33: Tác phẩm lớn của Nguyễn Ái Quốc được xuất bản bằng tiếng Pháp ở Paris vào năm 1925 là tác phẩm nào?

- a. Con rồng tre.
- b. Đường Kách mệnh.
- c. Le Paria (Người cùng khổ).
- d. Bản án chế độ thực dân Pháp.

Câu 34: Kiên trì con đường Hồ Chí Minh đã lựa chọn nghĩa là:

- a. Giữ vững nền độc lập dân tộc.
- b. Thực hiện triệt để cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- c. Hội nhập với nền kinh tế thế giới.
- d. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Câu 35: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Câu nói trên của Hồ Chí Minh ở trong văn kiện nào?

- a. Lời kêu gọi ngày 17/7/1966.
- b. Báo cáo Chính trị tại Đại hội II.
- b. Đạo đức cách mạng.
- d. Di chúc.

Câu 36: Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là:

- a. Mặt trận Việt Minh.
- b. Mặt trận dân tộc thống nhất.
- c. Mặt trận Tổ quốc.
- d. Hội quần chúng.

Câu 37: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là gì?

- a. Làm cho dân có ăn, có mặc, ai cũng được học hành.
- b. Phát triển kinh tế đi đôi với nâng cao đời sống văn hóa cho nhân dân
- c. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.
- d. Người cày có ruộng.

Câu 38: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng ta, của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Câu nói trên được trích trong tác phẩm nào của Hồ Chí Minh ?

- a. Đạo đức cách mạng.
- b. Thường thức chính trị.
- c. Sửa đổi lối làm việc.
- d. Di chúc.

Câu 39: "Không, chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" được trích trong:

- a. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- b. Tuyên ngôn Độc lập.
- c. Đường Kách mệnh.
- d. Lời kêu gọi sau Hội nghị Trung ương 8 tháng 5/1941.

Câu 40: Câu nào của Hồ Chí Minh phản ánh khái quát chính sách đối ngoại đa phương của Người:

- a. Việt Nam sẵn sàng là bạn của các nước trong cộng đồng quốc tế.

- b. Việt Nam muốn là bạn, là đối tác của các nước trong cộng đồng quốc tế.
- c. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng.
- d. Việt Nam là bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai.

Câu 41: Nội dung cốt lõi của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là gì?

- a. Lòng thương người.
- b. Sự quan tâm đến con người.
- c. Chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu.
- d. Chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Câu 42: Câu nói nào sau đây là của Hồ Chí Minh?

- a. Học không biết chán, dạy không biết mỏi.
- b. Học, học nữa, học mãi.
- c. Việc học không bao giờ cùng, còn sống còn phải học.
- d. Vô học bất tri lý.

Câu 43: “Chốngvà bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận”. Chọn một phương án đúng theo tư tưởng Hồ Chí Minh để điền vào chỗ trống:

- a. nghèo nàn, lạc hậu
- b. tham ô, lãng phí
- c. chủ nghĩa cá nhân
- d. bệnh hình thức

Câu 44: Điền cụm từ thích hợp vào dấu 3 chấm. Hồ Chí Minh cho

rằng “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ là những cuộc cách mệnh...”

- a. triệt để nhất.
- b. dân chủ tư sản.
- c. không đến nơi.
- d. tư sản tiêu biểu nhất.

Câu 45: Hồ Chí Minh được UNESCO vinh danh là:

- a. Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.
- b. Anh hùng giải phóng của dân tộc, danh nhân văn hóa Việt Nam.
- c. Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất.
- d. Anh hùng giải phóng dân tộc, người cộng sản lỗi lạc trên thế giới.

Câu 46: Hồ Chí Minh quan niệm mục tiêu cao nhất (tổng quát) của chủ nghĩa xã hội là:

- a. Nhân dân lao động làm chủ.
- b. Có nền kinh tế phát triển cao.
- c. Khoa học kỹ thuật hiện đại.
- d. Không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

Câu 47: Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện cán bộ ở Quảng Châu 1925 – 1927 được Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông tập hợp lại và xuất bản thành tác phẩm nào?

- a. Bản án chế độ thực dân Pháp.
- b. Đường Kách mệnh.

c. Đòi sống mới.

d. Con rồng tre.

Câu 48: Hồ Chí Minh viết: “Nếu miệng thì tuyên truyền bảo người ta siêng làm, mà tự mình thì ăn trưa, ngủ trễ; bảo người ta tiết kiệm, mà tự mình thì xa xỉ, lung tung, thì tuyên truyền một trăm năm cũng vô ích”. Theo suy nghĩ của bạn, Bác Hồ khuyên chúng ta điều gì?

a. Nên siêng làm.

b. Nên tiết kiệm.

c. Nên làm gương.

d. Nên gần dân.

Câu 49: Theo Hồ Chí Minh, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có cái gì?

a. Khoa học - kỹ thuật tiên tiến.

b. Kinh tế phát triển.

c. Con người xã hội chủ nghĩa.

d. Chế độ sở hữu công cộng.

Câu 50: Mục tiêu chung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (1/2011) xác định là: “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội ... công bằng, văn minh”.

a. tiến bộ

b. dân chủ

c. bình đẳng

d. phát triển

Câu 51: Truyền thống quý báu nhất của dân tộc Việt Nam được Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển là gì?

- a. Lòng nhân ái.
- b. Chủ nghĩa yêu nước.
- c. Tinh thần hiếu học.
- d. Cần cù lao động.

Câu 52: Sự kiện nào chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc?

- a. Đọc Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin (7/1920).
- b. Gửi bản Yêu sách của nhân dân An nam tới Hội nghị Vécxai (6/1919).
- c. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930).
- d. Tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920).

Câu 53: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. Đoạn văn trên trích từ bài viết nào của Hồ Chí Minh?

- a. Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa.
- b. Tuyên ngôn độc lập.
- c. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến.
- d. Thư gửi đồng bào Nam bộ.

Câu 54: Động lực quan trọng nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo Hồ Chí Minh là:

- a. Nhà nước.

- b. Con người.
- c. Đảng cộng sản Việt Nam.
- d. Kinh tế.

Câu 55: Thực chất của vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề:

- a. Dân tộc nói chung.
- b. Dân tộc học.
- c. Dân tộc thuộc địa.
- d. Bản sắc văn hóa dân tộc.

Câu 56: Vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa:

- a. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- b. Dân tộc với giai cấp.
- c. Chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế.
- d. Cả a, b, c.

Câu 57: Hồ Chí Minh là người đấu tranh đòi quyền độc lập cho:

- a. Dân tộc Việt Nam.
- b. Các dân tộc thuộc địa ở phương Đông.
- c. Dân tộc Việt Nam và tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới.
- d. Các nước Đông Dương.

Câu 58: Theo Hồ Chí Minh, ưu điểm lớn nhất của tôn giáo Giê-su là:

- a. Đức hy sinh.
- b. Lòng nhân ái cao cả.

- c. Lòng cao thượng.
- d. Lòng vị tha.

Câu 59: Hồ Chí Minh đã tiếp thu những yếu tố nào của Phật giáo?

- a. Lòng thương người.
- b. Tinh thần từ bi, bác ái.
- c. Tinh thần cứu khổ, cứu nạn.
- d. Cả a, b, c.

Câu 60: Theo Hồ Chí Minh, ưu điểm lớn nhất của chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn là...

- a. Tinh thần chống phong kiến.
- b. Tinh thần đấu tranh vì tự do, dân chủ.
- c. Phù hợp với điều kiện thực tế nước ta.
- d. Tư tưởng hòa bình.

Câu 61: Hồ Chí Minh đã dùng hình tượng nào dưới đây để chỉ chủ nghĩa tư bản?

- a. Con bạch tuộc.
- b. Chim đại bàng.
- c. Con đĩa.
- d. Cả a, b, c đều sai.

Câu 62: Ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh là gì?

- a. Nước được độc lập.
- b. Dân được tự do.
- c. Đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành.

d. Cả a, b, c.

Câu 63: Theo Hồ Chí Minh, đối tượng của cách mạng giải phóng dân tộc là:

- a. Giai cấp địa chủ phong kiến.
- b. Chủ nghĩa thực dân và tay sai.
- c. Chủ nghĩa đế quốc.
- d. Giai cấp tư sản bản xứ.

Câu 64: Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền vào thời gian nào?

- a. Sau khi ra đời 2/1930.
- b. Sau Cách mạng tháng 8/1945.
- c. Sau kháng chiến chống Pháp thắng lợi 5/1954.
- d. Sau kháng chiến chống Mỹ thắng lợi 4/1975.

Câu 65: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: “Muôn việc thành công hay thất bại là do... tốt hay...”

- a. cán bộ ... xấu.
- b. đảng viên... không tốt.
- c. đảng viên...kém.
- d. cán bộ ... kém.

Câu 66: Theo Hồ Chí Minh, chính trị được giải phóng sẽ...

- a. Mở đường cho văn hóa phát triển.
- b. Kìm hãm văn hóa phát triển.
- c. Không ảnh hưởng đến văn hóa.

d. Cả a, b, c đều sai.

Câu 67: Văn hóa có vai trò gì với chính trị và kinh tế?

a. Phục vụ nhiệm vụ chính trị.

b. Không có vai trò gì.

c. Thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế.

d. Cả a và c.

Câu 68: Hạt nhân cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là:

a. Tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc.

b. Tư tưởng về cách mạng xã hội chủ nghĩa.

c. Tư tưởng về xây dựng Đảng cầm quyền.

d. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Câu 69: Theo Hồ Chí Minh, giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có quan hệ:

a. Lệ thuộc.

b. Bình đẳng.

c. Chính phụ.

d. Không có quan hệ.

Câu 70: Theo Hồ Chí Minh nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội quan trọng nhất trong lĩnh vực chính trị là:

a. Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.

b. Xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

c. Xây dựng nền chuyên chính vô sản.

d. Giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng.

Câu 71: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở thuộc địa là:

- a. Giải phóng giai cấp.
- b. Giải phóng dân tộc.
- c. Giải phóng xã hội.
- d. Giải phóng con người.

Câu 72: Theo Hồ Chí Minh, thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là:

- a. Xóa bỏ các giai cấp bóc lột.
- b. Xây dựng nền tảng vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.
- c. Xây dựng mới và cải tạo xã hội cũ.
- d. Quá trình cải biến nền sản xuất lạc hậu thành nền sản xuất tiên tiến hiện đại.

Câu 73: Mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo Hồ Chí Minh là:

- a. Nhu cầu phát triển cao với thực trạng kinh tế - xã hội thấp kém của đất nước.
- b. Toàn thể dân tộc với thực dân Pháp và tay sai.
- c. Xây dựng chủ nghĩa xã hội với việc chống phá của kẻ thù.
- d. Giai cấp vô sản với giai cấp tư sản.

Câu 74: Hồ Chí Minh viết: “Đoàn kết trong ... nhân dân ta đã kháng chiến thắng lợi, lập lại hòa bình ở Đông Dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc.” Hãy chọn đáp án đúng điền vào dấu 3 chấm.

- a. Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam.

- b. Mặt trận Việt Minh.
- c. Mặt trận Liên Việt.
- d. Mặt trận dân tộc thống nhất.

Câu 75: Theo Hồ Chí Minh, mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng và dân tộc là:

- a. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.
- b. Đại đoàn kết dân tộc.
- c. Xây dựng, phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật.
- d. Giữ gìn độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân.

Câu 76: Bước chuyển biến về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh được bắt đầu từ sự kiện nào?

- a. Biểu quyết tán thành Quốc tế III (12/1920).
- b. Tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920).
- c. Đọc Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin (7/1920).
- d. Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa (1921).

Câu 77: Hồ Chí Minh cho rằng “Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa nửa phong kiến,...”

- a. bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.
- b. không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.
- c. bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.
- d. xuyên qua chủ nghĩa tư bản.

Câu 78: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ Tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã

làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”. Câu nói trên ở trong văn kiện nào?

- a. Lời kêu gọi Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (3/9/1969).
- b. Điều văn của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam(9/9/1969).
- c. Bản Thông cáo Đặc biệt ngày (4/9/1969).
- d. Nghị quyết Khóa họp lần thứ 24 Đại hội đồng UNESCO (11/1987).

Câu 79: “Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập”. Câu nói đó của Hồ Chí Minh vào thời gian nào?

- a. Tháng 8/1945.
- b. Tháng 12/1946.
- c. Tháng 9/1945.
- d. Tháng 5/1954.

Câu 80: Nguyễn Ái Quốc viết: Cách mệnh trước hết phải có gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi...” Câu nói đó được viết trong tác phẩm nào?

- a. Bản án Chế độ thực dân pháp.
- b. Con Rồng tre.
- c. Đường Kách mệnh.
- d. Chính cương vắn tắt.

Câu 81: Lực lượng nào được Hồ Chí Minh xác định là gốc của cách mạng?

- a. Công nhân - Nông dân.
- b. Trí thức.
- c. Tư sản dân tộc.
- d. Nông dân.

Câu 82: Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức nào vào tháng 6/1925 để chuẩn bị về mặt tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- a. Mặt trận Việt Minh
- b. Cộng sản Đoàn.
- c. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- d. Tâm tâm xã.

Câu 83: Trong các giai đoạn hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, giai đoạn nào Nguyễn Ái Quốc phải vượt qua thử thách, giữ vững lập trường cách mạng?

- a. Giai đoạn 1911 – 1920.
- b. Giai đoạn 1921 – 1930.
- c. Giai đoạn 1930 – 1945.
- d. Giai đoạn 1945 – 1969.

Câu 84: Sự kiện nào khiến Nguyễn Ái Quốc “cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng...vui mừng đến phát khóc...”

- a. Lần đầu tiên ra nước ngoài để tìm đường cứu nước (6/1911).
- b. Đọc Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920).
- c. Tham gia Đại hội Tua (12/1920).

d. Trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản Pháp (12/1920).

Câu 85: Hồ Chí Minh ví điều gì “như người đầu ngược xuống đất, chân chống lên trời”?

a. Văn hóa phong kiến.

b. Triết học Hêghen.

c. Đạo đức cũ.

d. Giáo dục thực dân.

Câu 86: Hồ Chí Minh coi phẩm chất nào sau đây là gốc của người cách mạng?

a. Đạo đức.

b. Tài năng.

c. Lòng khoan dung.

d. Sự trung thành tuyệt đối.

Câu 87: Hồ Chí Minh phê phán nền giáo dục nào là “ngu dân, đồi bại, xảo trá, nguy hiểm hơn cả sự đốt nát”?

a. Giáo dục Phong kiến.

b. Giáo dục thực dân.

c. Giáo dục lạc hậu.

d. a và b.

Câu 88: Nguyễn Ái Quốc nhận xét con đường cứu nước của nhà cách mạng nào sau đây “chẳng khác gì xin Pháp rủ lòng thương”.

a. Phan Chu Trinh.

b. Phan Bội Châu.

c. Hoàng Hoa Thám.

d. Phan Đình Phùng.

Câu 89: Theo quan điểm của Hồ Chí Minh cuộc cách mạng nào sau đây đã mở đầu “thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”.

- a. Cách mạng Tư sản Pháp.
- b. Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc).
- c. Cách mạng tháng Mười (Nga).
- d. Cách mạng tháng Tám (Việt Nam).

Câu 90: Điền vào dấu 3 chấm cụm từ thích hợp đúng với tư tưởng Hồ Chí Minh“... là vấn đề trên hết, trước hết”.

- a. Người cày có ruộng.
- b. Giải phóng dân tộc.
- e. Cách mạng ruộng đất.
- f. d. Giải phóng giai cấp.

Câu 91: Theo Hồ Chí Minh, ưu điểm của học thuyết Khổng Tử là gì?

- a. Sự tu dưỡng đạo đức cá nhân.
- b. Phù hợp với nước ta.
- c. Tư tưởng về một xã hội đại đồng.
- d. Tư tưởng đức trị.

Câu 92: Hồ Chí Minh ví người có đức mà không có tài giống như...?

- a. Người làm kinh tế tài chính giỏi nhưng lại đi đến thất bại.
- b. Ông bụt không làm hại ai, nhưng cũng không lợi gì cho loài người.
- c. Người có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe thấy.

d. Tàu không có bàn chỉ nam.

Câu 93: Điều gì được Hồ Chí Minh coi là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng?

a. Dân chủ.

b. Cán bộ.

c. Con người.

d. Tri thức.

Câu 94: Điều kiện nào sau đây **KHÔNG** quyết định bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam mới?

a. Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

b. Nhà nước bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích dân tộc làm cơ bản.

c. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của Nhà nước là nguyên tắc tập trung dân chủ.

d. Định hướng của Nhà nước về sự phát triển của đất nước là chủ nghĩa xã hội.

Câu 95: Căn bệnh nào sau đây được Hồ Chí Minh coi là bệnh gốc sinh ra các bệnh tham ô, lãng phí?

a. Tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo.

b. Quan liêu.

c. Đặc quyền, đặc lợi.

d. Cửa quyền.

Câu 96: Trong các nội dung công tác xây dựng Đảng, nội dung nào là sự sáng tạo của Hồ Chí Minh?

a. Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận.

b. Xây dựng Đảng về chính trị.

- c. Xây dựng Đảng về đạo đức.
- d. Xây dựng Đảng về tổ chức, công tác cán bộ.

Câu 97: Luận điểm: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công" phản ánh quan điểm nào của Bác về đại đoàn kết dân tộc?

- a. Đại đoàn kết dân tộc gắn với đoàn kết quốc tế.
- b. Đoàn kết dân tộc là đoàn kết toàn dân.
- c. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu nhiệm vụ hàng đầu...
- d. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.

Câu 98: Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, điều gì tạo nên uy tín, sức mạnh của Đảng, giúp Đảng đủ tư cách lãnh đạo, hướng dẫn quần chúng nhân dân và cũng là tư cách số một của Đảng cầm quyền.

- a. Tinh thần hy sinh của cán bộ, đảng viên.
- b. Đạo đức.
- c. Đường lối chính trị đúng đắn.
- d. Tất cả đều đúng.

Câu 99: Theo Hồ Chí Minh, nội dung nào trong các nội dung xây dựng Đảng về chính trị sau đây được coi là vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng?

- a. Xây dựng đường lối chính trị.
- b. Xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị,
- c. Nâng cao bản lĩnh chính trị cho đảng viên.
- d. Bảo vệ chính trị.

Câu 100: *Bản án chế độ Thực dân Pháp* của Hồ Chí Minh được xuất bản năm nào ?

- a. 1920.
- b. 1922.
- c. 1925.
- d. 1927.

Câu 101: Lần đầu tiên Đảng ta đưa ra định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh là thời gian nào?

- a. 1986.
- b. 1991.
- c. 2001.
- d. 2011.

Câu 102: Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước vào thời gian nào?

- a. 3/6/1911
- b. 4/6/1911
- c. 5/6/1911
- d. 6/6/1911

Câu 103: Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam được hình thành về cơ bản vào thời gian nào?

- a. 1911 – 1920.
- b. 1921 – 1930.
- c. 1930 – 1945.
- d. 1945 – 1969.

Câu 104: Hồ Chí Minh vĩnh biệt chúng ta vào thời gian nào?

- a. 9 giờ 45 phút ngày 2 – 9 – 1969.
- b. 9 giờ 47 phút ngày 2 – 9 – 1969.
- c. 9 giờ 45 phút ngày 3 – 9 – 1969.
- d. 9 giờ ngày 1 – 9 – 1969.

Câu 105: Hồ Chí Minh đưa ra định nghĩa về văn hóa lần đầu vào thời gian (tháng, năm) nào?

- a. 2/1930

- b. 8/1943
- c. 8/1945
- d. 12/1946

Câu 106: Hồ Chí Minh được UNESCO ra nghị quyết công nhận là anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa kiệt xuất vào năm nào?

- a. 1969.
- b. 1975.
- c. 1987.
- d. 1990.

Câu 107: Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc muốn giành được thắng lợi phải đi theo con đường nào?

- a. Cách mạng tư sản.
- b. Cách mạng vô sản.
- c. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- d. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

Câu 108: Cuối tháng 7/1945. tại lán Nà Lừa, Hồ Chí Minh đã chỉ thị: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải cương quyết giành cho được độc lập”. Ai đã được Bác truyền đạt chỉ thị này:

- a. Phạm Văn Đồng
- b. Đặng Văn Cáp
- c. Võ Nguyên Giáp
- d. Hoàng Quốc Việt

Câu 109: Những ngành kinh tế nào sau đây được Hồ Chí Minh coi là hai chân của nền kinh tế?

- a. Công nghiệp – Thương nghiệp.
- b. Công nghiệp – Dịch vụ.

- c. Công nghiệp – Nông nghiệp.
- d. Nông nghiệp – Thương nghiệp.

Câu 110: Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là

- a. Chiến lược cách mạng.
- b. Sách lược cách mạng.
- c. Biện pháp tập hợp lực lượng.
- d. Thủ đoạn tập hợp lực lượng.

Câu 111: Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh ra đời năm:

- a. 1941
- b. 1945
- c. 1946
- d. 1947

Câu 112: Hồ Chí Minh ví đoàn kết là gì?

- a. Điểm mẹ.
- b. Nhân tố hỗ trợ cho thắng lợi của cách mạng.
- c. "Con cháu".
- d. Ông bà.

Câu 113: Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác – Lenin và trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam vào thời gian nào?

- a. Năm 1919.
- b. Năm 1920.
- c. Năm 1925.
- d. Năm 1930.

Câu 114: Hồ Chí Minh đã đặt tên cho Đảng ta khi mới thành lập là:

- a. Đảng cộng sản Việt Nam.
- b. Đảng cộng sản Đông Dương.
- c. Đảng Lao động Việt Nam.

d. Đảng nhân dân cách mạng Việt Nam.

Câu 115: Theo Hồ Chí Minh, công tác gốc của Đảng là gì ?

- a. Công tác tư tưởng chính trị.
- b. Công tác lý luận.
- c. Công tác giáo dục đạo đức.
- d. Công tác cán bộ.

Câu 116: Phương thức lãnh đạo nào sau đây **KHÔNG** phải là phương thức lãnh đạo Nhà nước của Đảng ta theo Hồ Chí Minh?

- a. Đường lối, chủ trương, chính sách.
- b. Qua các tổ chức đảng, Đảng viên trong bộ máy Nhà nước.
- c. Bằng công tác kiểm tra.
- d. Điều hành trực tiếp công việc của Nhà nước.

Câu 117: Chọn cụm từ đúng điền vào dấu ... “cách mệnh rồi thì quyền trao cho ..., chớ để trong tay một bọn ít người”.

- a. giai cấp công nhân
- b. giai cấp nông dân
- c. dân chúng số nhiều
- d. giai cấp tư sản dân tộc

Câu 118: Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, con người:

- a. là mục tiêu của cách mạng.
- b. là động lực của cách mạng.
- c. vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng.
- d. là lực lượng của cách mạng.

Câu 119: Theo quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa, văn nghệ được Người coi là:

- a. Một mặt trận.
- b. Lĩnh vực của đời sống xã hội.

- c. Nghệ thuật.
- d. Đời sống tinh thần của xã hội.

Câu 120: Chọn luận điểm đúng với tư tưởng Hồ Chí Minh

- a. Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa.
- b. Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển văn hóa và kinh tế.
- c. Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế.
- d. Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển văn hóa.

Câu 121: Theo Hồ Chí Minh “Một dân tộc dốt là một dân tộc ...” như thế nào?

- a. chậm phát triển
- b. yếu
- c. lạc hậu
- d. hèn

Câu 122: Trong mối quan hệ đức – tài, theo tư tưởng Hồ Chí Minh đức là:

- a. gốc
- b. ngọn
- c. quan trọng
- d. ngang bằng

Câu 123: Hồ Chí Minh coi cuộc cách mạng nào sau đây là thành công và thành công đến nơi:

- a. Cách mạng tư sản Pháp.
- b. Cách mạng Mỹ.
- c. Cách mạng tháng Mười Nga.
- d. Cách mạng tư sản Anh.

Câu 124: Theo Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng nào?

- a. Chủ nghĩa Mác – Lênin
- b. Giai cấp công nhân
- c. Liên minh công – nông – trí thức
- d. Khối đại đoàn kết dân tộc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập (12 tập)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. *Hồ Chủ tịch trong lòng nhân dân thế giới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
5. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Rômét Chandra, “Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại”, *báo Nhân dân*, ngày 21/5/1980.
7. Song Thành (1999), *Hồ Chí Minh, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
9. Trần Dân Tiên (2005), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Trẻ - Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Viện Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU3

PHẦN 1: TÓM TẮT NỘI DUNG.....5

Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh 5

Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 8

Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc 14

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 19

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam..... 24

Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế..... 29

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân 34

Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới 39

PHẦN 2: CÂU HỎI TỰ LUẬN.....45

Câu 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 45

Câu 2. Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên? 46

Câu 3. Trình bày bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.....	48
Câu 4. Trình bày những tiền đề tư tưởng - lý luận và các nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh	49
Câu 5. Trình bày quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	52
Câu 6. Trình bày giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	57
Câu 7. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc thuộc địa	60
Câu 8. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp	64
Câu 9. Trình bày tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc	66
Câu 10. Vì sao Hồ Chí Minh khẳng định cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản	68
Câu 11. Vì sao Hồ Chí Minh khẳng định cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo?.....	70
Câu 12. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc.....	72
Câu 13. Vì sao Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc	73
Câu 14. Quan điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng	

dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực.....	75
Câu 15. Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	77
Câu 16. Quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất và đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	79
Câu 17. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	80
Câu 18. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về thực chất, đặc điểm và nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	83
Câu 19. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ	85
Câu 20. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương châm và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	86
Câu 21. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.....	88
Câu 22. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam	89
Câu 23. Quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.....	91
Câu 24. Quan điểm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền.....	92
Câu 25. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng – quy luật tồn tại và phát triển của Đảng	95

Câu 26.	Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.....	97
Câu 27.	Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.....	101
Câu 28.	Trình bày lực lượng của đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh.....	103
Câu 29.	Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc.....	105
Câu 30.	Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò đoàn kết quốc tế	109
Câu 31.	Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về lực lượng và hình thức đoàn kết quốc tế	111
Câu 32.	Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc đoàn kết quốc tế	114
Câu 33.	Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân	117
Câu 34.	Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước	120
Câu 35.	Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.	122
Câu 36.	Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước.....	124
Câu 37.	Quan niệm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả	125

Câu 38. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và xây dựng nhà nước trong giai đoạn hiện nay.....	127
Câu 39. Trình bày quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa và vị trí, vai trò của văn hóa.....	129
Câu 40. Quan điểm của Hồ Chí Minh về tính chất và chức năng của văn hóa.....	131
Câu 41. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa	133
Câu 42. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đạo đức	135
Câu 43. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng	137
Câu 44. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới.....	140
Câu 45. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.....	143
Câu 46. Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”	147
PHẦN 3: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM.....	152
Tài liệu tham khảo	183
Mục lục	184